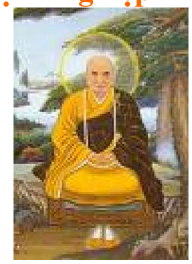
Ấn Quang Đại Sư Khai Thị

Tại Phoá Hội Hộ Quốc Tức Tai Ở Thượng Hải

Nguyên Văn: Thượng Hải Hộ Quốc Quốc Tức Tai Pháp Ngữ

Chuyển Ngữ: Bửu Quang Tự Đệ Tử Liên Hương

Giảo chánh và nhuận sắc: Tịnh Nghiệp nhân Minh Tiến & Huệ Trang



---o0o---

Nguồn

http://www.tangthuphathoc.net

Chuyển sang ebook 25-5-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

---o0o---

Mục Lục

---o0o---

DUYÊN KHỞI

Nhân đọc được cuốn sách nhỏ này vào năm 2002, chúng tôi thật cảm kích trước tấm lòng ưu thời mẫn thế từ bi vô lượng của tổ Ấn Quang nên đã gắng gượng chuyển ngữ sang tiếng Việt vào tháng Tư năm 2003, như một món quà nhỏ dành riêng cho liên hữu Vạn Từ, ngõ hầu đáp tạ những khuyến tấn chí tình của anh dành cho mạt nhân trên những bước chập chững "uống mật gấu" bon chen chuyển ngữ những tác phẩm Tịnh Độ vì lòng tham pháp, tiếc pháp. Nguyên bản mạt nhân sử dụng khi ấy là ấn bản của Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội. Trong tháng Mười năm 2006, qua một lần điện đàm cùng pháp sư Ngộ Sanh, sư cô cho biết pháp sư Ngộ Hạnh đang giảng tác phẩm này, và sư cô có nhã ý muốn in bản dịch này thành sách, đồng thời gởi tặng ấn bản mới nhất do Đài Nam Tịnh Tông Học Hội ấn hành. Nhân đó, mạt nhân so sánh hai ấn bản, nhận thấy tuy hai ấn bản có những chỗ đại đồng tiểu dị, nhưng lời văn trong bản Đài Nam Tịnh Tông Học Hội gọn gàng hơn, tinh xác hơn, văn phong cũng gần gũi với cách viết trong Ấn Quang Văn Sao hơn, nên mạt nhân đã sửa lại bản dịch cũ cho khớp với bản Đài Nam Tịnh Tông Học Hội (với hy vọng bản dịch này sẽ là phần tham khảo cho băng giảng của pháp sư Ngộ Hạnh); đồng thời sửa lỗi chánh tả, đính chính những sai sót, cũng như "diễn nôm" một số thuật ngữ Hán Việt không thông dụng và thêm một số chú thích (theo lời dạy của pháp sư Ngộ Sanh). Một hai đoạn bị lược bỏ trong ấn bản của Đài Nam Tịnh Tông Học Hội, nhưng theo ngu ý là rất quan trọng thì chúng tôi vẫn giữ nguyên theo ấn bản của Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội. Chúng tôi cũng tự tiện đưa thêm vào phần phụ lục bài văn khuyên phóng sanh của đại sư trích từ bộ Ấn Quang Tăng Quảng Chánh Biên Văn Sao nhằm bổ sung ý nghĩa lời giảng của đại sư trong ba ngày đầu tiên của pháp hội. Ngưỡng mong, tập sách dịch vụng về thô thiển này sẽ đem lại đôi chút lợi ích nhỏ nhoi cho những sơ cơ Tịnh nghiệp hành nhân như chúng tôi.

Trân trọng cảm tạ các đạo hữu Minh Tiến và Huệ Trang đã dành nhiều công sức giảo duyệt bản dịch này. Nếu việc làm tùy tiện, táo tợn này có chút phần công đức nào, đều xin hồi hướng về lịch đại phụ mẫu sư trưởng, hiện tiền phụ mẫu sư trưởng, cừu gia oán đối và các liên hữu cùng pháp giới chúng sanh đều được hội ngộ nơi cõi Cực Lạc thanh lương.

Ngày mồng Một tháng Mười Một năm 2006,

Bửu Quang Tự đệ tử Liên Hương kính gh

---o0o---

LỜI TỰA TỰ ĐỀ

Ấn Quang tôi là một ông Tăng phàm tục ở Tây Tần[1] chỉ biết đến cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì; túc nghiệp sâu nặng đến nỗi trời phải quở trách. Mới sanh được sáu tháng đã mắc bệnh mắt, trong suốt một trăm tám mươi ngày không mở nổi mắt. Ngoại trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm. Nhờ thiện lực xưa, may còn được thấy ánh mặt trời, cũng may mắn lắm! Đến tuổi thiếu niên[2] đọc sách, lại bị hãm vào vực xoáy báng Phật của Trình, Chu, Âu, Hàn[3] . Từ đấy, hằng ngày chuyên chí bác Phật, nghiệp tướng lại hiện, bệnh tật triền miên. Tận lực nghĩ ngợi, suy xét cặn kẽ mới biết lỗi đó; năm hai mươi mốt tuổi, xuất gia làm Tăng. Nhân thấy Tăng chúng có kẻ chẳng như pháp nên phát nguyện chẳng trụ trì chùa miếu, chẳng thâu đồ đệ, chẳng hóa duyên[4] , chẳng cùng ai kết xã lập hội. Hơn năm mươi năm chẳng đổi chí ban đầu, sống lẩn quất[5] gần Ngô Môn. Đầu tháng Chín, Lý Sự Trưởng (hội trưởng) hội Phật Giáo Trung Quốc là pháp sư Viên Anh, các vị lãnh tụ của Bồ Đề Học Hội như cư sĩ Khuất Văn Lục v.v… thấy Quang tuổi cao, ngỡ tôi có chút tâm đắc, nào hay tôi chỉ biết húp cháo nuốt cơm, họ thỉnh tôi khi pháp hội Tức Tai Hộ Quốc khai mạc, sẽ đến đất Hỗ[6] diễn thuyết. Cố từ chẳng được, chỉ đành đem điều [mình hiểu biết] lầm lạc bù đắp sự lầm lạc[7] .

Đến kỳ, mỗi ngày ông Đặng Huệ Tải và hai ba vị cư sĩ ở Vô Tích đều dùng máy thu âm [thu lại], nghe băng chép ra, mang đến xin tôi giám định để ấn hành. Bản sao lục này [so với lời giảng] có vài điểm sai khác đôi chút. Nhưng bản sao của ông Đặng chép chữ to, nên tôi dựa theo đó, sửa đổi, tóm tắt lại. Cảo bản[8] này bậc thông huệ chẳng cần xem đến, còn ai ngu độn như Ấn Quang tôi mà lại muốn ngay trong đời này kết liễu đại sự sanh tử và muốn trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc, nhưng chẳng biết bắt đầu từ đâu, xem đến cảo bản này, họa chăng có điều bổ ích vậy.

Trọng Đông năm Bính Tý, Dân Quốc 25 (1936), Thích Ấn Quang đề

---o0o---

LỜI TỰA CHO TÁC PHẨM ẤN QUANG ĐẠI SƯ KHAI THỊ LỤC[9]

Thế gian biến loạn do đâu? Nói gọn một lời: Do tâm tham - sân - si của chúng sanh tạo nên mà thôi. Tâm tham thuận theo sự hưởng thụ vật chất càng tăng trưởng mãnh liệt, hễ có chút gì chẳng toại ý liền ganh đua ngay. Nếu vẫn chẳng toại ý liền có công kích, chiếm đoạt, đấu đá khiến cho tử vong, tai nạn đi theo. [Bởi đó] dịch lệ đói kém theo đó [xảy ra], hết thảy tai họa theo đó [phát khởi]. Lửa sân hừng hực, cả thế giới cháy sạch thành tro.

Chỉ mình đức Như Lai ta xiển dương sự thật Khổ, Không để trị lòng tham của chúng sanh, hoằng dương tông chỉ từ bi để trị lòng sân của chúng sanh. Ngài lại dạy pháp môn Tịnh Độ để chỉ dạy chúng sanh con đường lìa khổ hưởng vui, phương tiện vượt ngang ra khỏi tam giới. Là Phật tử, tin vào thể tánh bình đẳng của pháp giới, hiểu rõ tướng trạng nhân - quả, khổ - vui, biết công dụng tự - tha (ta - người), cảm - ứng, khởi vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, ngày nào nỗi khổ của chúng sanh chưa trừ thì ngày đó trách nhiệm của kẻ thất phu chưa tận, nên trong ngày ấy, các sự nghiệp thỉnh pháp, tùy học, sám hối, cúng dường chưa thể ngưng nghỉ được. Tông chỉ kiến lập pháp hội Hộ Quốc Tức Tai của Bồ Đề Học Hội và các hội viên đã giống như thế, mà lão pháp sư Ấn Quang phó hội diễn thuyết cũng do bổn hoài ấy. Đạo lý Hộ Quốc Tức Tai nào phải cầu nơi khác đâu!

Nếu ai nấy chẳng làm các điều ác thì những sự tổn hại chúng sanh đều sẽ chẳng ai làm, tham - sân chẳng đủ để tạo thành tai họa vậy! Ai nấy có thể vâng làm các điều thiện thì hết thảy những việc lợi ích chúng sanh không gì là chẳng làm, quốc gia ắt đạt đến cảnh bình trị vậy! Ai nấy có thể tu hạnh Tịnh Độ thì sẽ tự tịnh ý mình. Một niệm niệm Phật thì một niệm tương ứng với bi tâm của đức Di Đà. Niệm niệm niệm Phật thì niệm niệm tương ứng với bi tâm của đức Di Đà. Tịnh niệm tiếp nối, tham - sân tự trừ. Nếu thật sự được như thế thì Sa Bà chính là Tịnh Độ, còn lo chi cõi nước chẳng yên, tai nạn chẳng dứt nữa ư? Yếu nghĩa trong những lời khai thị nhiều phen của Đại Sư chẳng ngoài điểm này. Nguyện ai đọc đến cuốn Ngữ Lục này sẽ tin nhận, vâng làm theo. Đọc rồi mới biết trong đạo lý Hộ Quốc Tức Tai, hễ buông bỏ pháp môn Tịnh Độ thì còn pháp nào thích hợp nữa!

Mùa Đông năm Bính Tý, Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã kính đề tựa

---o0o---

TRIỆT NGỘ ĐẠI SƯ KHAI THỊ

Một là tin hễ có sanh ắt có tử, khắp cả thiên hạ từ xưa đến nay chưa hề có ai tránh khỏi.

Hai là tin nhân mạng vô thường, hơi thở ra tuy còn, hơi hít vào khó giữ, một hơi thở hít chẳng vào thì đã thành đời sau.

Ba là tin đường luân hồi hiểm trở, một niệm lầm lạc liền đọa nẻo ác. Được thân người như đất đọng trên móng tay, mất thân người như đất trong đại địa.

Bốn là tin nẻo khổ dài lâu, một phen chịu báo trong tam đồ là cả năm ngàn kiếp, biết khi nào mới ló đầu ra nổi!

Năm là tin lời Phật chẳng hư dối, vầng mặt trời, mặt trăng đây làm cho còn rơi rụng được, núi chúa Diệu Cao còn làm cho khuynh động được, chứ lời chư Phật chẳng hề sai khác.

Sáu là tin thật có Tịnh Độ giống hệt như Sa Bà hiện tại, hiện hữu rành rành.

Bảy là tín - nguyện liền sanh, nay mình đã nguyện thì nay mình sẽ sanh. Kinh đã giảng rõ, nào dối ta đâu!

Tám là tin [vãng] sanh rồi sẽ chẳng thoái, cảnh thù thắng, duyên mạnh mẽ, tâm thoái chuyển chẳng khởi.

Chín là tin một đời thành Phật, thọ mạng vô lượng, việc gì chẳng xong!

Mười là tin pháp vốn duy tâm. Duy tâm có hai nghĩa: cụ (có đủ tất cả) và tạo (tạo ra tất cả). Các pháp [vừa nói] như trên tâm ta sẵn đủ, đều do tâm ta tạo ra.

Do tin lời Phật thì tạo thành bốn pháp sau (tức là từ điều 5 đến điều 8); chẳng tin lời Phật chỉ tạo ra bốn điều trước (điều 1 đến điều 4). Vì thế tin sâu lời Phật là tin sâu tự tâm; tu Tịnh nghiệp, đầy đủ mười thứ tín tâm này thì sanh về Lạc Độ như đưa bằng khoán lấy về vật xưa, nào khó khăn gì!

Tháng 7 năm Giáp Tý, Nột Đường Đạo Nhân viết.

---o0o---

THƯỢNG HẢI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP HỘI PHÁP NGỮ

Ấn Quang pháp sư giảng giải

Đặng Huệ Tải thuộc Phật Giáo Nhật Báo ghi chép

Ngày thứ nhất : Niệm Phật, ăn chay là căn bản để hộ quốc tức tai

Ấn Quang vốn là một ông Tăng tầm thường, vô tri, vô thức, chỉ biết đến cơm cháo, chỉ biết niệm Phật dăm câu, tuy sống uổng thời gian hơn bảy mươi năm, nhưng tuyệt chẳng hề triệt để nghiên cứu Phật pháp. Pháp hội Hộ Quốc Tức Tai lần này, các vị kèo nài tham gia, vì tình nghĩa chẳng từ khước được. Vả lại, đây là chuyện quan hệ đến phước lợi quốc gia mà cũng là trách nhiệm tôi phải tận lực nên tôi chẳng nề mình hiểu biết sơ sài vụng về đến dự pháp hội này. Điều tôi giảng hôm nay trọn chẳng phải là lý luận cao sâu gì, chỉ là thuật lại phương pháp căn bản để "hộ quốc tức tai". Còn về ý nghĩa quan trọng của pháp hội lần này, ngày mai sẽ bàn đến.

Mục đích của pháp hội lần này là hộ quốc tức tai[10] . Làm sao mới đạt được mục đích này? Tôi cho rằng phương pháp căn bản là Niệm Phật vì sát kiếp và hết thảy tai nạn đều do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm. Nếu tất cả mọi người đều niệm Phật thì nghiệp này sẽ xoay chuyển được. Nếu chỉ có một ít người niệm Phật thì nghiệp ấy cũng có thể giảm nhẹ. Pháp môn Niệm Phật tuy là vì cầu sanh Tịnh Độ, liễu thoát sanh tử mà lập ra, nhưng sức tiêu trừ nghiệp chướng của nó quả thật cũng cực kỳ lớn lao. Người chân chánh niệm Phật trước hết ắt phải giữ vẹn đạo nghĩa, tận hết bổn phận, ngăn dứt lòng tà, giữ lòng thành[11] , đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Cần nhất là phải hiểu rõ nhân quả, tự hành, dạy người hành. Hiện tại không thánh, không hiếu, khinh miệt đạo, phế luân thường, giết cha, chung vợ v.v… bao tà thuyết đều là do bọn Tống Nho bài bác nhân quả - luân hồi đến nỗi sanh ra ác quả này. Nếu như ai cũng hiểu rõ đạo lý nhân quả thì chẳng một ai dám xướng lên những thuyết sai lầm ấy cả. Trong thế gian, người tốt hoàn toàn chẳng biến đổi rất ít, kẻ xấu hoàn toàn chẳng biến đổi cũng rất ít; đa số là kẻ lúc thượng, lúc hạ, khi tốt, khi xấu, cho nên giáo hóa là điều khẩn yếu nhất vậy. Khổng Tử nói: *"Duy hạ trí dữ hạ ngu bất di"* (Chỉ bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là chẳng thay đổi). Chỉ cần ra sức giáo hóa thì không một ai là chẳng thể khiến họ đổi ác theo lành, buông dao đồ tể, ngay lập tức thành Phật. Chỉ là do nơi con người tin tưởng, nghĩ nhớ, tận lực mà hành thôi.

Ngày nay xã hội Trung Quốc sở dĩ loạn lạc rối ren đến như thế này chính là do không được giáo hóa; nhưng giáo hóa phải bắt đầu từ lúc còn nhỏ, như hay nói: *"Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài"* (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về). Nếu lúc nhỏ chẳng dạy, đến lúc lớn khó lòng lay chuyển. Vì sao? Tập tánh (thói quen) đã thành, không cách chi thay đổi được. Vì thế, người niệm Phật cần phải chú ý giáo dục con cái mình trở thành người tốt, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Nếu ai cũng làm được như thế thì tai nạn tự tiêu, quốc gia cũng giữ được hưởng phước bình trị dài lâu[12] .

Chân lý mầu nhiệm căn bản của pháp môn Niệm Phật nằm trong ba kinh Tịnh Độ. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm đã dạy: [Niệm Phật] chính là hạnh nguyện căn bản chẳng thể thiếu khuyết. Vì Thiện Tài đã viên mãn tâm Thập Tín[13] , tham học với tỳ-kheo Đức Vân, được Ngài dạy cho pháp môn Niệm Phật, liền nhập vào Sơ Trụ[14] , phần chứng Pháp Thân. Từ đấy, ông tham học với hơn năm mươi vị thiện tri thức, hễ nghe xong liền chứng, từ Nhị Trụ đạt đến Thập Địa là bốn mươi địa vị. Tối hậu, ở chỗ Phổ Hiền Bồ Tát, được nghe Ngài khai thị, được sức oai thần gia bị, sở chứng ngang với ngài Phổ Hiền, ngang với chư Phật, liền thành Đẳng Giác Bồ Tát. Sau đó, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt quy hướng Cực Lạc, khuyến khích, cổ vũ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng nhất trí tinh tấn hành trì, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hầu mong viên mãn Phật Quả. Vì thế, biết rằng: Pháp môn Niệm Phật, tự phàm phu thuở ban đầu cũng có thể chứng nhập được, mà rốt cục đến bậc Đẳng Giác cũng chẳng thể vượt ra ngoài nổi. Thật là pháp môn Tổng Trì trên thành Phật đạo, dưới giáo hóa chúng sanh, thành thỉ, thành chung[15] của mười phương tam thế hết thảy chư Phật. Vì thế, pháp môn này được chín giới cùng hướng về, mười phương chung tán thán, ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết.

Phàm là người học Phật thì có một việc nên chú ý là rất cần kiêng ăn mặn vì ăn mặn sẽ tăng trưởng cơ duyên giết hại. Con người cùng hết thảy động vật cùng sanh trong vòng trời đất, tâm tánh vốn là bình đẳng, chỉ vì nhân duyên ác nghiệp đến nỗi hình thể sai khác quá xa. Nếu đời này quý vị ăn thịt chúng nó, đời mai sau chúng nó sẽ ăn thịt quý vị. Oan oan tương báo (oán hờn báo đền mãi), cơ duyên giết chóc đời đời chẳng có lúc nào kết thúc. Nếu như ai ai cũng ăn chay được thì sẽ vun bồi tâm từ bi của chính mình, tránh khỏi cơ duyên giết hại. Nếu không, dù cho niệm Phật, nhưng chỉ lo sướng miệng, vui bụng, ăn đầy thức tanh hôi, có được lợi ích thật sự nhờ học Phật đâu[16]!

Hơn nữa, người đời nay ưa nói Thiền Tịnh Song Tu. Xét đến cùng cái gọi là Song Tu đó chỉ là khán câu *"người niệm Phật là ai?"* Đấy là chú trọng tham cứu, chẳng ăn nhập gì đến việc sanh Tín phát nguyện cầu vãng sanh của Tịnh Độ cả, rõ ràng là hai chuyện [khác biệt]! Thêm nữa, Thiền Tông nói: *"Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật"* là nói đến đương nhân đích thân thấy được chính nơi tâm vốn sẵn đủ Phật tánh. Mật Tông nói: *"Ngay thân này thành Phật"* (tức thân thành Phật) tức là ngay thân này được giải thoát sanh tử thì đó là "thành Phật". Nếu vội hiểu những lời đó có nghĩa là [ngay chính nơi thân này] có thể thành tựu được vị Phật vạn đức đầy đủ, phước huệ viên mãn thì lầm to, lầm to mất rồi!

Bởi lẽ, *"kiến tánh thành Phật"* của Thiền Gia là [sở chứng] của địa vị đại triệt, đại ngộ. Nếu đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc[17] trong tam giới mới có thể liễu sanh thoát tử. *"Tức thân thành Phật"* của Mật Tông chẳng qua là nói về địa vị mới liễu thoát sanh tử. Địa vị đó là bậc A La Hán trong Tiểu Thừa đã liễu sanh tử, bậc Sơ Tín trong Viên Giáo đã đoạn Kiến Hoặc, bậc Thất Tín đoạn Tư Hoặc rồi mới giải quyết xong sanh tử. Bậc Thất Tín và A La Hán tuy cùng liễu sanh tử nhưng thần thông, đạo lực khác xa nhau vời vợi. Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín phá được Trần Sa Hoặc[18], cho đến Thập Tín Hậu Tâm phá một phẩm Vô Minh, chứng một phẩm Tam Đức bí tạng[19] , nhập vào Sơ Trụ, thành bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Trải qua Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác là bốn mươi mốt địa vị rồi mới chứng nhập địa vị Phật. Lịch trình còn lâu xa như thế đó, làm sao mà một bước vọt đến nơi ngay cho được? Người tu Tịnh Độ đã sanh về Tây Phương liền liễu sanh tử thì cũng là *"tức thân thành Phật"*, nhưng Tịnh Tông chẳng nêu cái thuyết tiếm phận[20] ấy. Đem so với việc thuần cậy vào tự lực của nhà Thiền thì sự khó - dễ thật là sai khác một trời một vực. Kính mong các vị dự hội suy nghĩ chín chắn điều này[21] .

---o0o---

Ngày thứ hai : Bàn về nhân quả báo ứng và sự giáo dục trong gia đình

Ngày hôm qua giảng về pháp môn Tịnh Độ, hôm nay giảng về ý nghĩa của pháp hội Hộ Quốc Tức Tai. Muốn nói đến "hộ quốc tức tai" thì trước hết phải biết là "hộ quốc" (giữ gìn đất nước) như thế nào? "Tức tai" (dứt trừ tai nạn) như thế nào? Là vì muốn đạt đến mục đích[22] ấy, có hai biện pháp: Một là lâm thời, hai là bình thời. Nếu lúc bình thường có thể ăn chay niệm Phật để cầu hộ quốc tức tai thì cố nhiên có công đức vô hạn; mà lúc lâm thời, dốc

lòng thành kính cầu nguyện giữ yên đất nước, dứt bặt tai nạn cũng có hiệu lực tương đương; nhưng vẫn chẳng bằng lúc bình thời mọi người hộ quốc tức tai thì hay hơn. Bởi lẽ, nếu bình thời mọi người ăn chay niệm Phật, do nguyện lực tiếp nối nên tà khí tiêu trừ, chánh khí tăng trưởng, ai nấy giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt thì tự nhiên quốc gia được bảo vệ, tai ương tự tiêu vậy.

Sách xưa có ghi: *"Thánh nhân bất trị dĩ bệnh, trị vị bệnh; bất trị dĩ loạn, trị vị loạn"* (Thánh nhân chẳng trị lúc đã bệnh, trị lúc chưa bệnh; chẳng trị lúc đã loạn, trị từ lúc chưa loạn). Bởi lẽ, đã loạn thì trị khó ổn, trị từ lúc chưa loạn thì dễ an. Phàm trị quốc giống như trị bịnh, có cách trị nơi ngọn, có cách trị nơi gốc. Trị bệnh là trị khi đã loạn. Nếu cầu lấy hiệu quả nhanh chóng, tức là đau đầu trị bệnh đầu, đau đùi trị bệnh đùi, [tức là] trị cái ngọn vậy[23]. Cái ngọn đã lành, sau đấy mới lại trị cái gốc khiến cho khí huyết lưu thông trọn khắp, khỏe khoắn, sảng khoái. Gốc đã lành bệnh thì tự nhiên tinh thần phấn chấn, mới có thể hăng hái ra sức.

Hiện thời, quốc gia nguy nan đã đến mức ngàn cân treo sợi tóc. Tôi cho rằng hiện tại trị quốc thì phải trị cả ngọn lẫn gốc. Cách kiêm trị không chi tốt bằng niệm Phật, ăn chay, kiêng giết, phóng sanh và hiểu sâu xa lý nhân quả trong ba đời. Kiếp vận hiện tại của thế giới, những tai nạn chúng ta phải chịu đựng đều là do ác nghiệp quá khứ chiêu cảm đến nỗi nhận lấy khổ quả hiện thời. Do đó, biết rằng: Những ác nghiệp này là do ác nhân trong quá khứ tạo thành; muốn tránh khổ quả phải dứt khổ nhân. Quá khứ đã gieo khổ nhân thì chỉ niệm Phật, sám hối mới có thể tiêu trừ được nổi. Hiện tại nếu chẳng gieo khổ nhân nữa thì tương lai sẽ khỏi phải chịu khổ quả. Khổ nhân là gì? Là ba độc tham, sân, si. Thiện nhân là gì? Giúp vật lợi người. Nếu ai nấy hiểu rõ lẽ nhân quả thì chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tai họa sẽ chẳng từ đâu mà khởi lên được nữa! Chỉ vì người đời nay chẳng hiểu lý nhân quả nên lắm mối tư dục (ham muốn được sở hữu riêng tư) đầy ắp dạ, không điều ác nào chẳng làm, chỉ biết có ta, chẳng biết có ai khác. Nào biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình!

Vì thế, hằng ngày, tôi thường bảo: *"Nhân quả là đại căn bản để thánh nhân trị thiên hạ, để Như Lai độ chúng sanh. Bỏ nhân quả mà bàn đến chuyện trị quốc bình thiên hạ khác gì níu cây tìm cá, tôi chưa từng thấy ai có thể tìm được cả!"* Phật dạy: *"Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị"* (Muốn biết nhân đời trước, xem quả báo đời này. Muốn biết quả mai sau, xem việc làm đời này). Nếu như những điều mình tạo tác đời này đều là việc ác, đời sau chắc chắn bị quả ác!

Nếu những hành vi đời này đều là việc lành thì đời sau nhất định hưởng thiện quả!

Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà chất chứa điều chẳng lành, tai ương ắt có thừa). Kinh Thư chép: *"Tác thiện, giáng chi bách tường. Tác bất thiện, giáng chi bách ương"* (Làm lành, trăm điều tốt lành giáng xuống. Làm việc chẳng lành, trăm tai ương đổ xuống). Lý ấy hệt như lý nhân quả của đức Phật ta đã giảng. Chữ *"dư"* đã nói đó chính là tàn dư của chánh báo, chứ không phải là chánh báo. Chính người ấy trong đời sau tự mình hưởng thụ, nên gọi là *"bổn khánh, bổn ương"* (điều vui mừng hay tai ương chính), còn dư báo lan qua con cháu. Dư báo, dư ương đều là do tổ phụ tích chứa mà thành vậy!

Người đời chẳng biết nhân quả, thường nói sau khi chết đi là đã giải thoát hoàn toàn, không nghĩ rằng sẽ lại có quả báo thiện - ác nữa. Đây chính là tà kiến về đời sau sai lầm nhất của thiên hạ vậy. Cần biết là: Người đã chết đi rồi, thần thức chẳng bị diệt. Nếu ai nấy biết thần thức chẳng diệt thì ắt sẽ thích làm lành. Nếu không biết thần thức chẳng diệt sẽ mặc tình phóng túng, chung của cải, chung vợ, giết cha, giết mẹ, đủ thứ tội ác, do đấy mà sanh, không điều ác gì chẳng làm. Hành vi nghịch ác tột bực ấy đều là kết quả của tà kiến đoạn diệt mà ra! Nếu hết thảy mọi người thật sự có thể chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc. Nhưng đấy vẫn chưa phải là biện pháp rốt ráo. Thế nào mới là biện pháp rốt ráo? Chính là niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, và phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn chặn điều tà, giữ lòng thành thì chuyển được vận nước, tiêu trừ được tai nạn. Bởi lẽ, tai nạn ngày nay đều là do cộng nghiệp của mọi người chiêu cảm.

Nếu ai nấy đều có thể niệm Phật, làm lành thì chuyển được cộng nghiệp, tiêu được kiếp vận. Ngay trong lúc chiến cuộc nổ ra ở đất Hỗ vào ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng[24], những người niệm Phật được linh cảm rất nhiều. Bọn họ chỉ tu một mình mà còn đạt được sự linh cảm như thế, huống là ai nấy cùng tu! Vì thế, biết rằng: Do đại chúng chí thành khẩn thiết niệm Phật cũng có thể vãn hồi được tai nạn của đất nước. Lại như đức Quán Thế Âm Bồ Tát dùng ba mươi hai ứng thân vào trong các cõi nước, theo tiếng cứu khổ. Nếu như có thể chí thành tụng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thì sẽ tự được cảm ứng. Những chuyện linh cảm xưa nay xem trong các sách vở có ghi chép rất nhiều, các vị có thể tự tìm đọc lấy. Ngoài những thân đã thuật trong phẩm Phổ Môn *"[Bồ Tát] thấy nên dùng thân nào để độ được thì liền*

hiện thân đó cứu độ” ra, nếu [Bồ Tát thấy] nên dùng thân núi, sông, đại địa, cầu bến, đường sá để hóa độ được thì Ngài cũng hiện các thân núi, sông, đại địa, cầu bến, đường sá… để cứu độ.

Con người hiện tại, kẻ dấy được lòng tin ít lắm, kẻ không phát khởi lòng tin rất nhiều. Nếu ai nấy phát được lòng tin, lại còn có thể hành thiện thì có tai vạ nào mà chẳng thể tiêu diệt được? Nhưng lòng tin của con người cần phải vun bồi từ nhỏ. Phàm là người làm cha mẹ, khi con cái còn thơ ấu, hãy nên dạy con cái lẽ nhân quả báo ứng, đạo lý giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu đợi đến lúc trưởng thành, tập tánh đã thành, khó có tác dụng gì! Điều quan trọng nhất là “thai giáo” (dạy từ trong thai). Nếu phụ nữ mang thai có thể ăn chay, niệm Phật, làm lành, bỏ ác, mắt chẳng nhìn sắc ác, tai chẳng nghe tiếng ác, thân chẳng làm việc ác, miệng chẳng thốt lời ác, khiến cho đứa trẻ còn trong thai đã bẩm thọ[25] chánh khí khiến cho thiên tánh tinh thuần. Sanh ra, lại giáo hóa thêm thì không đứa nào lại chẳng trở thành thiện nhân.

Xưa kia, các bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đức hạnh hiền thục, cao đẹp, giúp chồng dạy con, nên tạo nền móng cho vương nghiệp nhà Chu cả tám trăm năm. Ấn Quang thường bảo: *“Quyền trị quốc, bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm hơn quá nửa”*. Bởi lẽ, trong gia đình, người chủ trì việc nhà đa phần là phụ nữ, đàn ông thường hay lo việc ngoài. Nếu mẹ hiền thì những điều lọt vào tai, đập vào mắt của con cái trong nhà đều là những điều dạy dỗ của mẹ, chịu ảnh hưởng của mẹ, lợi ích ấy chẳng nông cạn. Nếu lúc nhỏ để mặc cho chúng tánh tình quen thói kiêu căng, cho chúng nó tự do, tuyệt chẳng lấy chuyện hiếu đễ, trung tín, nhân quả báo ứng để giáo huấn thì [đến khi] khôn lớn lại càng có thể trở thành quyến thuộc của Ma Vương giết cha giết mẹ, chung của cải, chung vợ! Vì thế, cần phải nuôi dưỡng tâm lành của con cái từ lúc thơ ấu, kềm cặp nghiêm ngặt.

Phải biết: Bọn sát nhân, phóng hỏa, không điều ác gì chẳng làm hiện tại đa phần là do cha mẹ quen thói nuông chiều kiêu căng mà ra! Thầy Mạnh (Mạnh Tử) dẫu hiền cũng cần phải do bà mẹ ba lần đổi chỗ ở, nghiêm ngặt quản thúc mà thành, huống hồ là bọn phàm phu, tầm thường ư? Hiện tại, ai nấy đề xướng nam nữ bình quyền, cho đó là nâng cao nhân cách của nữ giới. Chẳng biết nam nữ thể chất không giống nhau, trách nhiệm mỗi giới mỗi khác. Thánh nhân cho rằng vị trí chính đáng của nam giới là ở ngoài, vị trí chính đáng của nữ giới là ở bên trong. Vị trí chính đáng ở bên trong tức là chăm lo những việc bếp núc, canh cửi, giúp chồng dạy con v.v… Hiện nay nữ nhân đổi sang đảm nhiệm chuyện của nam giới nên những chuyện thuộc

vị trí chính đáng của mình bị bỏ phế. Tuy mang tiếng là nâng cao nhân cách của nữ giới, thật ra là xô đổ nhân cách phụ nữ. Xin những bậc anh hiền của nữ giới ai nấy nhận thức rõ nhân cách của chính mình ở tại đâu, ngõ hầu con cái trong gia đình đều thành hiền thiện, thiên hạ lẽ đâu chẳng thái bình!

Do đạo trọng yếu để trị quốc, bình thiên hạ ở tại việc giáo dục trong gia đình, mà việc giáo dục trong gia đình người mẹ đảm nhiệm quá nửa. Bởi lúc trong thai, con cái đã bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc sanh ra lại nhìn theo oai nghi của mẹ, nhận sự dạy răn của mẹ, nên trở thành hiền thiện. Điều này tuy chẳng hiện hình tích[26] nhưng lại là việc trọng yếu để đạt đến thái bình. Tiếc rằng vĩ nhân các giới đa số chưa thấy rõ điều này. Nguyện những bậc anh hiền trong nữ giới kể từ nay hãy chú ý lời này.

Người đời đều gọi phụ nữ là Thái Thái. Phải biết ý nghĩa của hai chữ "thái thái" rất cao quý, to lớn. Xét ra, cội nguồn sâu thẳm của hai chữ ấy bắt nguồn từ tận đời Chu. Do Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, đều có thể giúp chồng dạy con. Bà Thái Khương sanh ra ba vị thánh nhân là Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch. Bà Thái Nhậm sanh Văn Vương. Bà Thái Tự đẻ ra Vũ Vương và Chu Công. Ba đời bà cháu nữ thánh sanh ra ba đời ông cháu mấy vị thánh nhân tạo thành thời thịnh trị tốt đẹp nhất ngàn đời. Người đời sau gọi phụ nữ là "thái thái" tức là muốn đem so các bà ấy với ba bà Thái. Do đấy, hãy ngẫm xem: Thái Thái là danh hiệu cao quý nhất không gì hơn được nữa để xưng hô [phụ nữ]. Nữ giới cần phải có đức hạnh của ba bà Thái thì mới chẳng phụ bạc sự tôn xưng ấy. Rất mong những người nữ anh hiền hiện tại thực hiện chuyện giúp chồng dạy con, khiến cho con cái mình sanh ra đều thành hiền thiện. Có thế mới chẳng phụ cái danh xưng tốt đẹp trên đây!

Kế tiếp, cần phải nỗ lực ăn chay. Con người và hết thảy động vật vốn là bình đẳng, nỡ nào giết hại tánh mạng chúng để thỏa mãn miệng, bụng mình. Thân ta dao vừa cắt phải một chút liền cảm thấy đau khổ. Mới nói hoặc nghĩ đến đó, tim gan đau buốt, nỡ nào giết chúng ăn thịt? Huống nữa kẻ sát sanh ăn thịt, dễ khởi cơ duyên giết hại. Tai kiếp đao binh trong đời này đều là do đây mà phát khởi. Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp; đản thính đồ môn dạ bán thanh"* (Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe lò mổ giữa đêm trường). Thế gian khá nhiều kẻ tuy hiểu rõ đạo lý Phật pháp mà vẫn thấy kiêng giết, ăn chay là chuyện khó làm.

Năm Dân Quốc thứ mười (1921), tôi đến Nam Kinh thăm một người bạn. Ông ta mời ông Ngụy Mai Tôn đến gặp tôi. Ông Ngụy tin Phật, niệm

Phật, nhưng bảo là chưa thể ăn chay. Tôi dặn ông hãy đọc kỹ Bài Văn Kêu Gọi Tu Bổ Ao Phóng Sanh của chùa Cực Lạc ở Nam Tầm đăng trong bộ Văn Sao mấy chục lượt sẽ ăn chay được. Bởi lẽ, trong bài văn đó, trước hết nói chúng sanh và Phật tâm tánh chẳng hai. Tiếp đó, nói đến bao kiếp làm cha, mẹ, anh, em, vợ, con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, làm oan gia đối đầu của nhau, giết chóc lẫn nhau. Tiếp đó, dẫn kinh văn Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già làm chứng. Đọc sâu nghĩ chín, chẳng những chẳng nỡ ăn mà còn chẳng dám ăn nữa kia! Chưa đầy hai tháng sau, Ngụy cư sĩ liền trọn không ăn thịt nữa.

Lại nữa, bà mẹ của cư sĩ Hoàng Hàm ở Thượng Hải chưa thể ăn chay lại còn chẳng tin ăn chay là chuyện trọng yếu trong việc học Phật. Ông Hoàng Hàm gởi thư hỏi cách [khuyên cho mẹ tin], tôi bảo ông sớm tối thay mẹ đối trước Phật sám hối nghiệp chướng. Do mẹ con thiên tánh tương quan[27], nếu thật sự chí thành ắt có cảm ứng. Ông Hàm làm theo, hơn tháng sau, mẹ ông liền có thể ăn chay trường. Lúc đó bà đã tám mươi mốt tuổi, công khóa hằng ngày là hai vạn câu Phật hiệu, sống đến năm chín mươi ba tuổi mới mất. Tôi mong từ hôm nay trở đi, hết thảy đại chúng chú ý kiêng giết, ăn chay và khuyên cha mẹ, con cái và thân hữu của chính mình cùng nhau ăn chay. Phải biết đây cũng là phương pháp căn bản để hộ quốc tức tai. Những điều tôi giảng hôm nay là ý nghĩa của hộ quốc tức tai, mà phương pháp để thực hành hộ quốc tức tai chính là niệm Phật, ăn chay; mong quý vị chẳng coi là thiển cận rồi chẳng thèm để ý.

---o0o---

Ngày thứ ba : Trần thuật nguyên lý nhân quả và nêu sự thực làm chứng

Hai ngày hôm trước tôi đã trình bày sơ lược về đạo lý nhân quả và phương pháp tức tai hộ quốc; hôm nay vốn chẳng cần phải luận về nhân quả nữa; nhưng vẫn còn có điểm chẳng thể chẳng trình bày rõ ràng, nên tôi định sẽ giảng sâu hơn ít nữa, đem nguyên lý nhân quả thuyết minh và nêu sự thực làm chứng, ngõ hầu đại chúng biết mà kiêng dè.

Hiện thời, người đời chẳng hiểu nguyên lý nhân quả, cho đó là chuyện bàn xằng, tà thuyết, lúc nào cũng tính chiếm tiện nghi, chẳng chịu thua thiệt; nào biết đâu tiện nghi chính là chịu thua thiệt, chịu thua thiệt chính là tiện nghi. Như người làm cha mẹ nay phần nhiều nuông chiều con cái, chẳng kèm cặp nghiêm ngặt đến nỗi tạo thành thói quen ham tiền tài, tham chuộng tiện nghi. Cứ cho là có vậy mới gìn giữ được gia sản, chẳng đến nỗi bị tổn

thất; nào hay kết quả trái ngược: Gây vạ suốt đời, lại còn gián tiếp ảnh hưởng vô hạn đến xã hội, quốc gia.

Nay tôi nêu lên một chuyện để làm ví dụ: Triệu Lương Tướng ở Đại Châu đời Tùy, gia tư cự vạn[28], có hai đứa con. Đứa lớn tên Mạnh, đứa nhỏ tên Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc người cha sắp mất, chia gia sản làm hai, Mạnh được nhiều hơn. Sau khi Triệu Lương Tướng mất, Doanh chiếm sạch tài sản của anh, chỉ cho anh một căn nhà và mảnh vườn. Mạnh phải đi làm thuê để tự nuôi thân. Chẳng mấy chốc, Triệu Doanh chết, sanh làm con của Mạnh, mang tên là Hoàn. Sau đấy, Mạnh cũng chết, đầu thai vào nhà Doanh, làm cháu nội của Doanh, mang tên là Tiên. Đến lớn, nhà Mạnh càng nghèo, nhà Doanh càng giàu. Triệu Hoàn phải làm tôi tớ cho Triệu Tiên để sống. Ngạn ngữ có câu: *"Thiên đạo không công bằng, đã giàu càng giàu thêm"*.

Một ngày kia, Hoàn nghe bà mẹ góa bảo: "Triệu Doanh cướp đoạt gia sản của mày đến nỗi đời mày nghèo mạt, nay đi làm tôi tớ cho nó, chẳng nhục hay sao?" Bởi thế, Hoàn oán hận, toan giết Triệu Tiên. Năm Khai Hoàng thứ nhất (600 TL), Hoàn theo Tiên đi triều bái Ngũ Đài, vào đến chốn hang thẳm ở phía Đông cả mấy mươi dặm, sâu hun hút không một bóng người. Hoàn rút dao bảo Tiên: "Ông nội mày và bố tao là anh em. Ông mày đoạt sản nghiệp của tao. Đến đời tao nghèo túng nay làm đầy tớ cho mày. Mày nỡ lòng làm thế, nay tao giết mày đây!" Tiên liền rảo chạy, Hoàn đuổi theo chạy vào rừng, thấy có am tranh liền bước vào. Có một vị lão Tăng bảo Hoàn: "Ông định làm gì thế?" Hoàn đáp: "Tôi đuổi theo kẻ oán thù!" Vị lão Tăng cười lớn: "Ông khoan làm thế, tôi sẽ cho ông tự biết", rồi trao những món thuốc cho mỗi người để pha trà. [Hoàn] uống xong như mộng mới tỉnh, chợt nhớ việc cũ, thẹn thùng, đau đớn. Lão Tăng bảo: "Doanh chính là tiền thân của Hoàn. Cướp đoạt tài sản của anh chính là tự bỏ tài sản của mình. Tiên là Mạnh thác sanh trở lại để hưởng lấy sản nghiệp kiếp trước vì lệnh cha vẫn còn vậy!" Hai người bèn bỏ nhà làm Tăng tu theo đạo Phật, sau mất tại Di Đà Am. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí[29]. Nhân quả báo ứng hiển hiện rõ ràng, như tiếng vang ứng theo tiếng, như bóng theo hình, chẳng sai mảy may.

Lại như hiện tại còn lưu truyền chuyện cái trống bằng da người ở Ngũ Đài Sơn cũng là chuyện nhân quả báo ứng thật rành rẽ đáng sợ vậy, xin kể rành rẽ. Đời Đường, tại mặt sau ngọn Bắc Đài, chùa Hắc Sơn có nhà sư tên Pháp Ái làm giám tự hai mươi năm, lấy vật dụng của Chiêu Đề Tăng[30] tậu nhiều ruộng ở Nam Nguyên, để lại cho đồ đệ là Minh Hối. Pháp Ái chết liền

sanh làm trâu ở nhà nọ tận lực cày ruộng trong ba mươi năm. Trâu vừa già vừa bệnh, chủ trại muốn đem trâu đổi lấy dầu. Đêm ấy, Minh Hối mộng thấy người thầy đã chết của mình khóc bảo: “Ta dùng tài sản của Tăng chúng để tậu ruộng cho ngươi. Nay đang làm trâu vừa già vừa còm cõi. Xin hãy lột da ta bịt trống, viết tên họ của ta trên đó. Mỗi khi lễ tụng liền đánh trống thì nỗi khổ của ta mong có ngày thoát khỏi. Nếu không, dù gò Nam Nguyên có biến thành biển xanh, ta vẫn chưa thể thoát khổ nổi!” Nói xong, phủ phục cả thân mình xuống. Minh Hối tỉnh giấc, chỉ mới nửa đêm liền thỉnh chuông nhóm chúng, kể cặn kẽ chuyện này. Sáng hôm sau, chủ trại báo con trâu già đã húc đầu vào cây mà chết. Minh Hối y theo lời trước, lột da trâu bịt trống, viết tên [thầy] lên trên, bán hết ruộng ở Nam Nguyên, được bao nhiêu tiền đem đãi cơm chư Tăng Ngũ Đài hết. Minh Hối lại bán sạch cả y bát, vì vị thầy đã mất mà lễ sám. Sau đem trống ấy gởi vào điện Văn Thù ở Ngũ Đài. Lâu ngày, trống hư, chủ chùa đem trống khác thế vào. [Thế gian] ngoa truyền là trống bịt bằng da người. Xem trong Thanh Lương Sơn Chí.

Ấy là nhân quả rành rành, không ai có thể trốn khỏi. Hai người con họ Triệu do đời trước có gieo căn lành nên gặp được cao tăng, nghiễm nhiên thành đạo. Còn như những kẻ phàm tục há nên tự ỷ lại, lại còn bác không nhân quả, tự mình lầm, làm người khác lầm, tự hại, hại người! Người đời nay đều chỉ thấy chuyện trước mắt, chẳng đoái hoài đời sau, thích chiếm tiện nghi, chẳng bằng lòng chịu thua thiệt. Con cái họ mắt thấy tai nghe, tập riết thành thói. Phong tục xã hội cũng do đó ngày càng hiểm ác, tranh đoạt nổi lên, đại loạn dấy lên lung tung, giết người đầy thành, ngập đồng mà mắt chẳng nháy, tâm chẳng áy náy đều là vì đó mà ra cả. Đã thế, những kẻ giết người tàn nhẫn, ác độc, nhưng chẳng thấy là đáng buồn, đáng sợ, ngược lại còn vênh váo khoe công, lại còn khen ngợi lẫn nhau. Thậm chí có kẻ giết cả cha mẹ, giết huynh trưởng, lại còn tự cho là *“đại nghĩa diệt thân”* (vì nghĩa lớn mà giết người thân)! Ôi! Họa biến đến thế, thiên lý tuyệt, nhân đạo diệt, chẳng riêng đạo đức vùi lấp, mất mát, mà còn bị làm cho kiếp nạn lớn lao liên tiếp! Vì thế, hiện tại muốn cứu vớt, bảo vệ đất nước thì phải bắt đầu từ căn bản. Căn bản là gì? Tức là tin tưởng chắc chắn vào nhân quả. Nếu đã thật sự hiểu rõ lý nhân quả lại còn có thể dốc lòng tin, tận lực thực hành thì thế đạo, nhân tâm tự có thể vãn hồi. Tôi cho rằng tất cả triết học, tôn giáo trên thế giới không gì tinh vi, sâu thẳm, nhưng dễ thực hành bằng Phật giáo cả.

Hiện tại, người đời sở dĩ chẳng tin nhân quả, phần lớn là vì chịu ảnh hưởng của Tống Nho. Những nhà Lý học[31] thời Tống như Trình Minh Đạo, [Trình] Y Xuyên, Chu Hối Am v.v… do xem kinh Đại Thừa nhà Phật, chỉ

lãnh hội sơ lược ý nghĩa *"toàn sự tức lý"* và thân cận tri thức trong Tông Môn (Thiền Tông), lại hiểu rằng bất cứ pháp nào, chuyện nào cũng chẳng ngoài ý chỉ Nhất Tâm, chứ thực sự chưa hề xem trọn khắp các kinh luận và tham học với khắp những bậc tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa của kinh Phật để tự xưng hùng, dùng đó phát huy sự sâu xa của Nho giáo. Bọn họ lại sợ người đời sau xem kinh Phật sẽ biết được chỗ sở đắc (cái họ đạt được) [là ăn trộm từ kinh Phật] bèn rắp tâm báng Phật. [Do] chẳng thể báng bổ những chỗ tinh diệu, họ liền nhắm vào mặt Sự mà bài bác. Họ bảo đức Phật dạy sự -lý "tam thế nhân quả, lục đạo luân hồi" chỉ nhằm để phỉnh phờ hạng ngu phu, ngu phụ phụng hành giáo pháp của Ngài, chứ thật sự chẳng có những điều ấy.

Họ còn bảo: Sau khi con người chết đi, thân đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán; dù có băm, chặt, giã, mài, cũng không còn có gì để làm được! Hơn nữa, thần thức đã tan thì nay ai sẽ thọ sanh? Do vậy, họ đã mở tung đầu mối phóng túng, không kiêng sợ gì cả, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, cho rằng *"Trời tức là Lý"* vậy, chứ nào có một vị vua đội mão thật sự đâu! Họ cho rằng Thần và Hồn là hai lương năng[32] của Khí, chẳng hạn như sấm động là do hai khí Âm, Dương va chạm nhau nổ thành tiếng.

Họ coi những vấn đề Thực Lý, Thực Sự là chuyện không đàm (bàn luận suông), chuyên lấy việc "chánh tâm thành ý" làm gốc để trị quốc, trị dân; chẳng hề biết chánh tâm thành ý chính là do *"trí tri cách vật"* mà ra. Họ bảo *"trí tri"* là thúc đẩy tri thức (sự hiểu biết) của mình đến cùng cực, *"cách vật"* là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ; nào hay *"vật"* chính là tư dục trong tâm mình. Do có tư dục nên chướng lấp tự tâm. Bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chân tri nhưng không cách nào hiển hiện được. Do *"cách trừ"* (hiểu biết và trừ khử) được tư dục thì chân tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chân tri đã hiển thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh! Chánh tâm thành ý thì dù ngu phu, ngu phụ chẳng biết một chữ cũng vẫn làm được! Còn nếu đúng như họ (chỉ các nhà Tống Nho) nói thì việc thúc đẩy đến cùng cực tri thức của ta, hiểu tận cùng cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ dẫu bậc thánh nhân cũng làm không được! Vì thế, biết rằng: Vì lầm lạc ở chỗ này nên căn bản để trị thế (giữ yên cõi đời) đã mất. Họ lại dùng thuyết không nhân quả, luân hồi để dạy người chánh tâm thành ý. Nếu không có nhân quả, một phen chết đi là vĩnh viễn mất hết, thiện hay ác cũng đều chết sạch; còn ai bận tâm đến cái tiếng hão mà chánh tâm thành ý cơ chứ?

Hơn nữa, các nhà Lý học cho rằng: *"Làm điều gì để làm lành thì đó chính là ác"*. Lời này đúng là phá hoại thiện pháp thế gian. Vì sao thế? Ông Cừ Bá Ngọc năm hai mươi tuổi, thấy mười chín năm trước đều sai trái. Đến năm mươi tuổi, thấy bốn mươi chín năm trước đều sai trái, muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được. Như thế là có làm điều gì hay là không làm điều gì? Khổng Tử coi chuyện *"đức không tu, học vấn chẳng giảng, nghe đạo nghĩa nào mà chẳng thể làm theo, điều chẳng tốt nào không thể thay đổi"* là điều đáng lo. Tuổi đã bảy mươi, Ngài vẫn mong trời cho sống thêm mấy năm nữa ngõ hầu học Dịch để khỏi mắc lỗi lớn. Như vậy thì Ngài có làm điều gì hay không làm điều gì hết vậy?

Chỉ từ sau thời Trình - Chu, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả vì hễ bàn đến là bị người khác công kích, cho rằng không phải thuần Nho, cho là trái nghịch tiên hiền. Bởi vậy, phàm những kẻ hiểu biết kém cỏi liền hùa giọng báng Phật; người kiến thức cao minh không ai chẳng lén lút xem kinh Phật để mong khoe tài, không ai chẳng sốt sắng bài bác Phật pháp, ngõ hầu làm căn cứ sau này được thờ trong Hiền Từ (miếu thờ tiên hiền) trong làng hay được đưa vào [thờ trong] Văn Miếu! Trong thâm tâm của Trình, Chu khi ấy chỉ mong Nho Giáo hưng thạnh, chẳng bận tâm đến Phật giáo sẽ còn hay mất! Cho đến hiện thời, do chất độc "phá diệt nhân quả, luân hồi" của bọn họ đến nay đột nhiên bộc phát, phế kinh, phế luận, bỏ hiếu, không biết hổ thẹn, trở thành sự ác dữ dội như giết cha, giết mẹ, chung vợ, chung tài sản, chẳng đáng buồn ư?

Hiện tại, chiến sự ở vùng Tuy Viễn rất khẩn cấp, tai họa cực thảm, những chiến sĩ trung dũng và đồng bào thân ái của chúng ta hoặc là máu thịt vương vãi tung tóe, táng thân, tổn mạng, hoặc là nhà tan cửa nát, trôi giạt, bơ vơ, không cơm, không áo, đói khát bức bách. Nói, nghĩ đến điều này, tim gan đều tan nát! Sáng nay, pháp sư Viên Anh kể cho tôi nghe chuyện này, bảo tôi khuyên mọi người phát tâm cứu tế, góp gió thành bão[33], chẳng quản ít nhiều. Có áo cho áo, có tiền cho tiền, công đức vô lượng, chắc chắn hưởng thiện quả. Phải biết: Giúp người tức là giúp mình, cứu người tức là cứu mình. Nhân quả vằng vặc, chẳng sai sót mảy may. Nếu chính mình gặp tai nạn, không có ai giúp, nhưng nếu có thể xưng niệm thánh hiệu thì nhất định sẽ được Phật, Bồ Tát thầm gia hộ, bảo vệ. Tôi là một ông sư nghèo, hoàn toàn chẳng cất chứa thứ gì, hễ tại gia đệ tử có bố thí gì, đều dùng để ấn loát kinh sách hết. Nay tôi xin quyên ra một ngàn đồng để xướng suất [cứu trợ vùng] Tuy Viễn. Giúp người mắc nạn thì mới có thể dứt trừ được tai nạn cho chính mình.

Hiện tại, có những phụ nữ ham chuộng xa hoa, một bình nước hoa trị giá từ ba, bốn chục đồng đến hai, ba trăm đồng. Sao bằng đem số tiền phung phí đó dùng để cứu trợ Tuy Viễn? Lại còn có hạng người rất chuộng tích cóp của cải, lúc sống đã chẳng muốn dùng, chết đi còn mong chôn theo xuống đất, muốn được con cái chôn cất ma chay trọng thể, hoặc để lại cho con cháu dùng. Nào hay đâu hiện đang có nguy cơ đào mồ, [những tưởng] tích chứa [nào ngờ] lại khiến cho [người chết] bị hại. Như hiện tại ở Thiểm Tây đang có cả một tổ chức đào mộ chuyên làm chuyện đó. Làm con có hiếu với cha mẹ, nỡ nào vì chữ Hiếu lại khiến cho mớ xương khô phơi tênh hênh trên đất! Sao bằng đem khoản tiền lớn lao đó dùng để cứu tế người khác thì tốt hơn! Lại có người nghèo túng, tuy có chí nguyện làm như thế, nhưng sức chẳng kham nổi, tôi cho rằng hãy nên niệm Phật cho nhiều để giúp đỡ. Đã có thể dứt tai nạn cho người, lại còn dứt được tai nạn cho mình. Vui sướng [như vậy] mà sao không làm?

Lúc chiến cuộc xảy ra tại đất Hỗ, cháu nội của cư sĩ Tào Thương Châu vâng lời cha từ đất Hỗ xuống Tô Châu đón tam thúc tổ (ông chú thứ ba) và các chú về đất Hỗ. Ông chú và các chú chẳng muốn đi. Anh ta bèn lấy châu báu của vợ giắt vào lưng, ngồi tàu thủy nhỏ về đất Hỗ. Chợt có kẻ cướp đến, anh ta muốn trốn lên bờ, liền nhảy xuống nước, vàng ngọc giắt theo có lẽ đáng giá hai, ba vạn đều đem cho hết người đã đổi áo cho mình, tự xưng là học trò nghèo, làm thầy giáo dạy vỡ lòng cho trẻ, may mà thoát nạn. Nếu bọn giặc cướp biết được, không biết còn phải tốn mấy vạn để chuộc thân nữa. Đấy có phải là tiền tài gieo họa cho người hay không? Người ta nay chỉ tham phần tiện nghi trước mắt chẳng thể thấy thông suốt, bị tiền tài làm khốn khổ, những trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng thể thuật đủ! Khi xưa, có một vị cư sĩ nọ hỏi tôi phương cách vãn hồi kiếp vận, tôi bảo: "Việc này rất dễ! Hiểu rõ lý nhân quả rồi tận lực mà hành. Phát được tín tâm ắt có thiện quả. Vả nữa, tâm dối trá đã tiêu, trong tâm rỗng suốt thì tai nạn nào cũng đều tiêu tan như băng tuyết vậy!"

Trong cơn loạn lạc Hồng Dương[34], ông Mộc Thương Viên Cung Hoằng ở Giang Tây bị bọn phỉ bắt được, trói vào cây cột ở khách sảnh (nhà khách), khóa chặt cửa lại, chờ đúng lúc sẽ giết. Ông Viên tự nghĩ ắt bị chết, bèn thầm niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, hồi lâu ngủ quên đi, tỉnh dậy thấy thân mình nằm ngoài đồng, ngẩng đầu lên thấy hãy còn sớm liền trốn thoát. Do vậy, tôi rất mong mọi người phát tín tâm rộng lớn, nương vào đức của cha trời, mẹ đất[35], giữ lòng nhân *"coi mọi người và ta là ruột thịt, xem loài vật cũng giống như ta"*. Phàm đối với [hết thảy những gì] trong vòng trời đất đều thương xót, nuôi dưỡng, bảo vệ. Lại còn đem lẽ nhân quả báo ứng, đạo

niệm Phật cầu sanh Tây Phương để chỉ bảo, khuyến hóa. Nếu như ai nấy đều thực hành thì nước chẳng mong bảo vệ mà tự được bảo vệ, tai nạn chẳng mong dứt cũng tự dứt vậy!

---o0o---

Ngày thứ tư : Giảng về nhân quả lớn lao để thành Phật và lược giải Tứ Liệu Giản

Hai ngày hôm trước, tôi đã bàn qua về nhân quả. Hôm nay tôi vẫn bàn về nhân quả, [quý vị] cần biết là [nhân quả] đã được nói trong hai bữa trước là tiểu nhân, tiểu quả, [nhân quả] được bàn trong ngày hôm nay là đại nhân, đại quả. Sở dĩ đức Phật thành Phật thường hưởng pháp lạc chân thường, sở dĩ chúng sanh bị đọa địa ngục, vĩnh viễn chịu khổ luân hồi kịch liệt, [cả hai việc này] đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hễ con người muốn trị thân tâm thì trọn chẳng thể lìa nhân quả được. Con người hiện tại ham ăn nói lớn lối, chẳng cầu thực tế, bộp chộp bảo nhân quả là pháp Tiểu Thừa, thật là lầm lẫn lớn. Nào biết Đại Thừa hay Tiểu Thừa trọn chẳng ra ngoài hai chữ "nhân quả" được! Tiểu Thừa là tiểu nhân quả, Đại Thừa là đại nhân quả. Tiểu nhân (nhân nhỏ bé) là y theo Sanh Diệt Tứ Đế, biết Khổ, đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo; tiểu quả là chứng quả A La Hán. Đại nhân (nhân lớn lao) là tu Lục Độ vạn hạnh; đại quả là chứng Phật Quả rốt ráo. Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Đã có nhân nào ắt sẽ có quả đó, chưa hề sai sót. Vì vậy, chẳng riêng người thế gian đều thuộc trong nhân quả mà ngay chính Bồ Tát, Phật cũng chẳng ra ngoài nhân quả được! Nếu bảo nhân quả là Tiểu Thừa, hóa ra Phật, Bồ Tát cũng là Tiểu Thừa ư? Đủ biết lời lẽ ấy ngông cuồng đến thế nào! Pháp hội này là pháp hội Hộ Quốc Tức Tai. Tôi chỉ mới bàn đến việc ngưng dứt tai nạn đao binh, nước lửa, vẫn chưa phải là rốt ráo. Lại cần phải dứt tai nạn phiền não sanh tử thì mới là biện pháp triệt để. Chúng ta mê muội Pháp Thân của chính mình, dứt huệ mạng của Phật, đáng buồn, đáng đau! So với việc sắc thân bị tai họa, [mê lầm mất Pháp Thân] nào phải chỉ gấp trăm ngàn vạn lần nặng nề hơn! Vì thế, phải hộ trì Pháp Thân huệ mạng, đoạn sanh tử phiền não mới đáng kể là biện pháp tức tai (dứt trừ tai chướng) trọn vẹn. Phật giáo, [nói] đại cương, chẳng ngoài năm tông, tức là: Luật, Giáo, Thiền, Mật, Tịnh. Luật là căn bản của Phật pháp. Nghiêm trì tịnh giới để mong tam nghiệp thanh tịnh, nhất tánh viên minh. Ngũ Uẩn đều không, các khổ đều độ. Giáo là nương theo giáo pháp mà tu Quán, rời khỏi *"ngón tay [chỉ mặt trăng] thấy được mặt trăng"*, triệt ngộ Phật tánh sẵn có của đương nhân, kiến tánh thành Phật. Nhưng chữ *"thành Phật"* đó có nghĩa là thấy được đức Phật thiên chân[36] trong tự tánh bèn gọi là "thành Phật", chứ chưa

phải là thành tựu, chứng được quả Phật của Bồ Đề đạo. Mật dùng tam mật (thân mật, khẩu mật, ý mật) gia trì, chuyển Thức thành Trí, gọi là *"tức thân thành Phật"*. Đây cũng chỉ là coi việc từ ngay nơi thân này liễu sanh thoát tử nên bảo là "thành Phật", chứ chưa phải là thành đức Phật phước huệ viên mãn! Ba tông này đều có thể gộp vào Thiền vì khí phận giống nhau. Do vậy, tu trì Phật Pháp trọng yếu chẳng ngoài hai môn Thiền và Tịnh. Thiền chuyên cậy tự lực, nếu chẳng phải kẻ túc căn chín muồi thì chẳng thể được lợi ích thật sự. Tịnh là kiêm nhờ Phật lực, hễ ai đầy đủ tín, hạnh, nguyện chân thật thì đều có thể đới nghiệp vãng sanh. Hỏi đến khó - dễ [giữa hai pháp môn này] thì khác nhau một trời, một vực. Vì thế, ngài Vĩnh Minh Diên Thọ thiền sư đầu đời Tống dùng thân "cổ Phật" thị hiện sanh trong thế gian, triệt ngộ nhất tâm, tu trọn vạn hạnh; mỗi ngày làm một trăm lẻ tám Phật sự, đêm đi qua ngọn núi khác, đi kinh hành niệm Phật. Ngài rất lo hậu thế học nhân chẳng hiểu rõ tông yếu[37], nên viết riêng thành một bài kệ Tứ Liệu Giản ngõ hầu [mọi người] biết chỗ tiến theo.

Bài kệ ấy như sau:

Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ,

Do như đới giác hổ,

Hiện thế vi nhân sư,

Lai sanh tác Phật, Tổ.

Vô Thiền, hữu Tịnh Độ,

Vạn tu, vạn nhân khứ,

Nhược đắc kiến Di Đà,

Hà sầu bất khai ngộ?

Hữu Thiền, vô Tịnh Độ,

Thập nhân cửu tha lộ,

Ấm cảnh nhược hiện tiền,

Miết nhĩ tùy tha khứ.

Vô Thiền, vô Tịnh Độ,

Thiết sàng tịnh đồng trụ,

Vạn kiếp dữ thiên sanh,

Một cá nhân y hỗ

(Có Thiền, có Tịnh Độ,

Khác nào hổ thêm sừng,

Hiện tại làm thầy người

Đời sau làm Phật, Tổ.

Không Thiền, có Tịnh Độ,

Vạn tu, vạn cùng sanh,

Nếu được thấy Di Đà,

Lo gì chẳng khai ngộ.

Có Thiền, không Tịnh Độ

Mười người, chín chần chừ

Ấm cảnh nếu hiện tiền

Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, không Tịnh Độ

Giường sắt cùng cột đồng

Muôn kiếp với ngàn đời

Không một ai nương dựa)

Tám mươi chữ này là cương yếu cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là khuôn mẫu huyền diệu để người học [Phật] liễu thoát ngay trong đời này.

Người đọc trước hết cần phải hiểu rõ thế nào là Thiền? Thế nào là Tịnh Độ? Thế nào là có Thiền? Thế nào là có Tịnh Độ? Thiền và Tịnh Độ là ước về Lý, về Giáo mà nói. *"Có Thiền, có Tịnh Độ"* là ước về căn cơ, ước về tu mà luận. [Luận theo] Lý - Giáo, hai pháp trọn chẳng khác gì nhau. Xét về mặt Cơ - Tu (căn cơ và tu hành), hai pháp khác nhau rất xa. Lời tuy tương tự, ý nghĩa thật khác biệt, cần phải rất chú ý thì mới chẳng cô phụ tấm lòng đau đáu của tổ Vĩnh Minh.

Gì là Thiền? Đấy chính là Chân Như Phật tánh chúng ta sẵn có, nhà Thiền thường gọi là *"bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra"*. Tông môn chẳng nói toạc ra để người ta tự tham cứu, tự lãnh ngộ, nên nói như thế. Thật sự, nó chính là ly niệm linh tri không Năng, không Sở, vừa Tịch vừa Chiếu[38] vậy ("Ly niệm linh tri" là trọn không có ý niệm suy lường nhưng hiểu rành rẽ tất cả cảnh tượng trước mắt). Tịnh Độ tức "tín nguyện trì danh, cầu sanh Tây Phương", chứ chẳng phải chỉ riêng nói đến *"duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà"*.

"Có Thiền" tức là dốc sức tham cứu đến cùng cực, niệm vắng lặng, tình[39] mất đi, thấy thấu suốt diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh. *"Có Tịnh Độ"* là chuyện thực sự phát Bồ Đề tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu như tham thiền chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để đều chẳng được gọi là *"có Thiền"*. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín - nguyện, hoặc có tín - nguyện nhưng chẳng thân thiết đều chẳng được gọi là *"có Tịnh Độ"*.

Thậm chí, tu Tịnh Độ nhưng tâm nghĩ đến trần lao, hoặc cầu phước báo trời - người, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe một hiểu cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh đều chẳng được gọi là "người tu Tịnh Độ" vì chẳng chịu theo đúng kinh giáo Tịnh Độ trong Phật pháp. Nếu lầm lạc lấy giáo nghĩa thông thường làm chuẩn [để phê phán suy luận pháp môn Tịnh Độ] thì đời sau có thể chẳng mê mà được liễu thoát, trong cả vạn người, khó được một, hai. Bị phước báo mê hoặc, từ mê vào mê, thật có lắm kẻ! Nếu thật sự hiểu sâu xa ý nghĩa này thì mới đúng là người tu Tịnh Độ.

Kẻ mắt không tròng thường cho tham thiền là "có Thiền", niệm Phật là "có Tịnh Độ", tự lầm, lầm người, há chẳng phải là tai hại cùng cực sao? Ở đây, tôi đã thuyết minh [thế nào là] có hay không có Thiền, Tịnh; nay sẽ lại đem lời kệ, dựa theo từng đoạn mà phân tích [thì quý vị] mới biết tám mươi

chữ này khác nào trời tạo đất dựng, không một chữ nào chẳng xác đáng, không một chữ nào có thể thay đổi được!

Bài kệ thứ nhất nói: *"Có Thiền, có Tịnh Độ, khác nào hổ thêm sừng, hiện tại làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ"*, nghĩa là: Người đã triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập kinh tạng, biết trọn vẹn các pháp môn Quyền - Thật của Như Lai, nhưng trong các pháp, lại chỉ chọn lấy một pháp "tín nguyện niệm Phật" để làm đường lối chung cho chánh hạnh tự lợi, lợi tha. Phần nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh trong Quán kinh: *"Đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa"* chính là nói về hạng người này. *"Khác nào hổ thêm sừng"* là người này song tu Thiền Tịnh, có đại trí huệ, có đại Thiền Định, có đại biện tài, tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật, giống như hổ mọc thêm sừng, oai mãnh khôn sánh. Có kẻ nào đến học hỏi sẽ tùy cơ thuyết pháp. Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp độ thì dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ. Nên dùng Chuyên Tu Tịnh Độ để tiếp độ thì dùng Chuyên Tu Tịnh Độ tiếp độ. Bất luận là thượng, trung, hạ căn, không một ai chẳng được lợi lạc. [Người như vậy] há chẳng phải là *"nhân thiên đạo sư"* ư? Đến lúc mạng chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Thượng Phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, hoa nở thấy Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn, thấp nhất cũng là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Cũng có người đốn siêu[40] địa vị, đạt lên Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi; huống hồ là những địa vị sau đó càng lên cao càng thù thắng hơn, tính thẳng đến địa vị thứ bốn mươi mốt là địa vị Đẳng Giác [thì càng thù thắng đến mực nào] nữa? Vì thế nói: *"Lai sanh tác Phật, Tổ"* (Đời sau làm Phật, Tổ).

Bài kệ thứ hai là: *"Không Thiền, có Tịnh Độ, vạn tu, vạn cùng sanh, nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"*. Do người ấy tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng cứ quyết chí cầu sanh Tây Phương. Trong kiếp xưa, Phật từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì cảm ứng đạo giao, liền được Phật nhiếp thọ. Kẻ tận lực tu Định Huệ được vãng sanh đã đành mà kẻ ngũ nghịch, thập ác lúc lâm chung bị sự khổ bức bách, phát tâm hổ thẹn lớn lao, xưng niệm Phật danh hoặc đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi liền mạng chung, cũng đều được hóa thân của Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đấy chẳng phải là *"vạn tu, vạn người sanh"* hay sao? Tuy kẻ ấy niệm Phật chẳng bao lâu, nhưng do [niệm Phật] cực kỳ mãnh liệt nên đạt hiệu quả lớn lao, chớ nên đem người niệm Phật hờ hững, lững lờ để so sánh nhiều - ít! Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, tuy có nhanh - chậm khác nhau, nhưng đều cao dự dòng Thánh, vĩnh viễn chẳng lui sụt. Tùy theo căn tánh

sâu hay cạn sẽ hoặc dần dà hoặc nhanh chóng, chứng đạt các quả vị. Đã được chứng quả thì chuyện khai ngộ cần gì phải nói nữa, bởi thế mới bảo: *"Nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ"*.

Bài kệ thứ ba là: *"Có Thiền, không Tịnh Độ, mười người, chín chần chừ. Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó"*. Do người ấy tuy triệt ngộ Thiền Tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến, Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, cần phải qua bao duyên rèn luyện khiến [phiền não bị] đoạn trừ sạch không còn sót; sau đấy, phần đoạn sanh tử[41] mới có thể xuất ly. Còn như kẻ chưa đoạn được mảy may nào ta chẳng cần bàn đến. Nếu như đoạn [phiền não] mà còn sót chút mảy may chưa thể đoạn sạch thì luân hồi sáu nẻo vẫn y như cũ, khó bề trốn tránh. Biển sanh tử sâu thăm thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi, nếu chưa về đến nhà đã liền mạng chung thì trong mười người đại ngộ, tám chín người đã giống như thế. Vì thế, mới nói: *"Thập nhân cửu tha lộ"* (Mười người, chín chần chừ). Chữ *"tha"* ở đây nghĩa là *"tha đà"*, nếu nói thông thường là "chần chừ". *"Ấm cảnh"* là cảnh tượng của thân Trung Ấm, tức là các cảnh tượng do nghiệp lực thiện, ác trong đời này và bao kiếp trước cùng hiện ra khi lâm chung. Khi cảnh này hiện ra, chỉ trong nháy mắt, sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng thể tự làm chủ được mảy may, giống như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước. Tâm tình lắm mối, sẽ nghiêng lệch về chỗ nào tâm mình đặt nặng. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công[42]. Đấy vẫn còn là bực thượng[43], nên nói: *"Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó"*.

Chữ Ấm (陰) âm nghĩa giống chữ Ấm (蔭), có nghĩa là "che đậy". Ý nói: Do nghiệp lực này ngăn che nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Chữ Miết (瞥) cùng âm với chữ Phiết (撇), nghĩa là "chớp mắt". Có kẻ cho rằng chữ Tha (蹉) nghĩa là lầm lạc, "ấm" là cảnh Ngũ Ấm Ma thì đều là vì chưa hiểu ý nghĩa chữ Thiền và chữ Có nên mới hiểu sai lầm như thế. Lẽ đâu bậc đại triệt đại ngộ trong mười vị, hết chín người lầm đường, lạc lối, lầm theo cảnh ngũ ấm ma mà đi, bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm kẻ bị ma dựa phát cuồng thì là hạng tăng thượng mạn[44] chẳng hiểu giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện đui vậy. Sao chẳng biết tốt - xấu, lại đem gán cho bậc đại triệt, đại ngộ vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện bác rõ.

Bài kệ thứ tư là: *"Không Thiền, không Tịnh Độ, giường sắt cùng cột đồng, muôn kiếp với ngàn đời, không một ai nương dựa"*. Có người bảo "không Thiền, không Tịnh Độ" chính là kẻ vùi đầu tạo nghiệp, chẳng tu

thiện pháp. Lầm lẫn lắm thay! Bởi pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiền và Tịnh là phù hợp căn cơ nhất. Kẻ đó đã chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu vãng sanh, cứ hời hợt, hờ hững tu các pháp môn khác thì chẳng thể giữ cho Định, Huệ quân bình, đoạn Hoặc, chứng Chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để đới nghiệp vãng sanh, dùng công đức tu trì cả đời để cảm lấy phước báo trời người trong đời sau. Đời này đã không có chánh trí, đời sau ắt bị phước chuyển, đắm say Ngũ Dục, rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo nghiệp ác sẽ khó tránh khỏi ác báo. Một hơi thở hít không vào nữa liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải qua kiếp dài lâu, nằm lăn giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả các món ác nghiệp tham thanh sắc, giết sanh mạng v.v… Chư Phật, Bồ Tát tuy rủ lòng từ mẫn, nhưng bị ác nghiệp chướng ngăn nên cũng chẳng được lợi ích gì.

Thiền sư Triệt Lưu đời Thanh bảo: *"Người tu hành nếu không có chánh tín cầu sanh Tây phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba"*, chính là ngụ ý này. Bởi lẽ, đời này tu hành, đời sau hưởng phước; cậy phước làm ác ắt bị đọa lạc. Vui chỉ tạm hưởng trong đời sau, khổ vĩnh viễn suốt kiếp. Nếu như nghiệp địa ngục đã tiêu, lại chuyển sanh làm quỷ, súc sanh. Muốn lại được thân người, khó nhất trong những điều khó! Bởi thế, đức Thích Ca dùng tay bốc đất, hỏi ngài A Nan rằng: "Đất trên tay ta nhiều hay đất trên đại địa nhiều?" A Nan bạch Phật: "Đất trên đại địa nhiều". Phật dạy: "Được thân người như đất trên tay; mất thân người như đất trên đại địa". Câu *"vạn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa"* vẫn còn là do âm vận bài kệ bó buộc nên chỉ nói thiển cận như vậy đó thôi!

Vĩnh Minh thiền sư sợ người đời chẳng hiểu được nghĩa chân thật của Thiền - Tịnh, [chẳng] quán sát rõ ràng, nên mới làm bài kệ này để giảng rõ. Có thể nói [bài kệ này] là chiếc bè báu để thoát bến mê, là người dẫn đường lìa nẻo hiểm, công lao rất lớn. Bởi lẽ, hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực, chỉ riêng pháp môn Tịnh Độ kiêm nhờ Phật lực. Hết thảy pháp môn phải hết sạch Hoặc nghiệp thì mới có thể liễu sanh tử; pháp môn Tịnh Độ đới nghiệp vãng sanh liền dự vào dòng Thánh. Người đời chẳng xem xét, coi Tịnh Độ là vô dụng, thật đáng than lớn! Hiện tại, người ta hay cho rằng khán thoại đầu là cách tu thích hợp nhất, [cứ cho rằng] hễ lâm chung được chết an lành là liễu thoát. Nào hay lời ấy là lời nói mớ của kẻ chưa mở Chánh Nhãn. Ở đây, tôi dẫn chuyện cũ để làm thí dụ:

Vào khoảng đời Càn Long - Gia Khánh nhà Thanh, có ba vị Thiền tăng cùng tham thiền với nhau. Chết đi, một vị sanh tại Giang Tô, tên là Bành Văn Chương; một vị sanh ở Vân Nam, tên là Hà Quế Thanh; một vị sanh ở

Thiểm Tây tên là Trương Phí. Trong ba người, chỉ ông Bành nhớ được chuyện kiếp trước. Sau lên kinh đô thi Hội, gặp hai người kia liền kể chuyện kiếp trước cùng làm Tăng. Hai người kia tuy không nhớ được [việc cũ], nhưng vừa thấy ông Bành đã như [gặp lại] cố nhân, trở thành bạn thân thiết.

Vào Điện Thí (thi Đình), ông Bành đậu Trạng Nguyên, ông Hà đậu Bảng Nhãn, ông Trương trúng Truyền Lô[45]. Họ Bành sau từng làm Chủ Khảo, Học Đài, nhưng khá tham sắc, sau chết tại nhà. Họ Hà giữ chức Chế Đài ở Nam Kinh. Giặc Hồng Dương nổi dậy, Nam Kinh bị mất, ông bị hoàng thượng bắt tội chết. Ông Trương từng làm thầy dạy hoàng đế Hàm Phong, dân Hồi Hồi[46] muốn làm phản bèn giết phăng ông đi. Ba vị này chẳng thể coi là Tăng nhân bình thường, đáng tiếc là chẳng biết cầu sanh Tây Phương, tuy được đôi chút phước lớn nhưng hai người chẳng được chết yên lành. Ông Bành tham đắm nữ sắc, e trong đời sau chẳng được như đời này!

Lại nữa, tiên sinh Ngô Dẫn Chi ở Tô Châu, đậu Thám Hoa triều Thanh. Học vấn, tướng mạo, đạo đức đều tốt đẹp cả. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), đi triều bái Phổ Đà, gặp tôi, tự bảo kiếp trước ông ta là hòa thượng ở Vân Nam. Vì khách đến dâng hương đông đảo, chẳng thể chuyện trò nhiều, cũng chưa hỏi tường tận nguyên do. Năm [Dân Quốc] thứ mười một (1922), tôi qua Dương Châu khắc in sách, đến ở nhà một người đệ tử tại Tô Châu, liền dò hỏi về việc ấy, định bụng: Xưa kia vì chưa rõ nguồn cơn, nay [muốn] gặp ông ta để đàm luận, nhưng rồi hoàn toàn quên mất. Từ đó, chẳng qua lại với nhau nữa. Đến năm [Dân Quốc] thứ 19 (1930), tôi bế quan tại chùa Báo Quốc. Đến tháng Mười Một, ông ta cùng hai tiên sinh Lý Ấn Tuyền, Lý Hiệp Hòa đến thăm. Tôi hỏi: "Sao ông biết là kiếp trước là nhà sư ở Vân Nam?" Ông ta bảo: "Năm hai mươi sáu tuổi, tôi nằm mộng đến một ngôi chùa kia, biết là chùa X. ở huyện X. thuộc tỉnh Vân Nam. Trông thấy hình dạng điện đường, phòng xá, cây cối đều như thường thấy, cũng thấy mình là Tăng. Tỉnh dậy, nhớ rất rõ, ghi chép lại từng điều". Sau đấy, một người bạn tôi đi làm quan ở Vân Nam (tiên sinh Trương Trọng Nhân còn chưa biết tên họ ông này), đem đối chiếu những lời ông ta chép thì không sai lệch mảy may.

Tôi bảo: "Tiên sinh nay đã tám mươi tuổi, không còn được bao nhiêu ngày nữa, hãy nên khôi phục sự nghiệp hòa thượng kiếp trước, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ công khó tu trì đời trước!" Ông ta đáp: "Niệm Phật có gì là hy hữu, lạ lùng?" Tôi nói: "Niệm Phật tuy chẳng phải là hy hữu, lạ lùng gì, nhưng thế gian chẳng có mấy người niệm. Chuyện chẳng hy hữu, lạ lùng nhất là chuyện ăn cơm, cả thế

giới không một ai là chẳng ăn; đấy là sự chẳng hy hữu, lạ lùng bậc nhất, vì sao ông vẫn cứ phải làm?" Ông ta chẳng đáp được, nhưng vẫn không chịu niệm. Ông ta hỏi hai ông Lý: "Các vị có niệm không?" Họ đáp: "Niệm chứ!" Ông ta vẫn chẳng nghe theo, đến tối ngày Ba Mươi tháng Chạp, lúc sắp thắp đèn, qua đời, vừa tròn tám mươi tuổi. Vị này đời trước tu trì cũng rất khá nên đời này mới cảm được công danh lớn lao, tuổi thọ lâu dài, nhưng đời này chỉ giữ trọn luân thường, chẳng còn tin vào Phật pháp nữa, há chẳng phải là đáng xót xa lắm sao?

Cả bốn vị trên chưa ai chứng đắc, mà dù có sở chứng đi nữa, nếu chưa đoạn hết phiền hoặc thì vẫn khó thể lìa khỏi sanh tử được! Thậm chí như thiền sư Viên Trạch đời Đường, biết được chuyện quá khứ, vị lai, nhưng vẫn không thể thoát được, huống hồ là kẻ chỉ được chết an tường lại có thể giải quyết xong chuyện sanh tử được sao? Cha ông Lý Nguyên đời Đường, trấn thủ Đông Đô, bị An Lộc Sơn làm phản giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, biến căn nhà mình đang sống ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ở chùa ấy. Qua mấy năm, Lý Nguyên muốn triều bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định đi theo đường thủy Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền dặn dò hậu sự, mỗi mỗi đều rành rẽ, kẹp trong cuốn kinh nhưng chẳng để lộ ra, theo Lý Nguyên ngồi thuyền ra đi.

Thuyền bơi đến miền thượng du Kinh Châu, sắp gần đến Giáp Sơn, vùng đất ấy thế nước chảy xiết, chưa đến tối đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: "Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ gặp người đàn bà này. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào không làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Đến ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp ta". Nói xong, Viên Trạch tọa thoát (ngồi qua đời). Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đứa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin [sư Viên Trạch] chẳng phải là kẻ tầm thường. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm Rằm tháng Tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chăn trâu, ngồi trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, xướng:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,

Thưởng nguyệt, ngâm phong bất yếu luân.

Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng,

Thử thân tuy dị tánh thường tồn.

(Trên đá ba sinh[47], vẫn nguyên hồn

Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn

Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp

Thân này tuy khác, tánh thường còn)

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đứa bé lại đọc:

Thân tiền, thân hậu sự mang mang,

Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường[48]

Ngô, Việt giang sơn du dĩ biến

Khước hồi yên trạo thượng cù đường

(Thân trước, thân sau sự vấn vương

Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường

Ngô,Việt giang sơn chơi khắp cả,

Gác chèo mây khói, ẩn ao chuôm)

Rồi ruổi trâu đi mất. Thân phận như thế còn chưa liễu thoát được, huống hồ là những kẻ chỉ mới lãnh hội được câu thoại đầu, được chết an lành mà coi là đã liễu thoát ư? Cậy vào tự lực để thoát sanh tử khó khăn như thế đó; cậy vào Phật lực để thoát sanh tử dễ dàng như thế đó; vậy mà người đời vẫn cứ buông bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, cũng là vì chưa hiểu rõ lẽ mầu nhiệm. Nay dùng hai câu sau đây để nói toạc ra: Chỉ là vì tri kiến sai lầm "muốn tỏ vẻ ta là hạng người bậc thượng, chẳng chịu làm chuyện tầm

thường, không hy hữu, lạ lùng" vậy. Xin hết thảy mọi người hãy suy nghĩ chín chắn chuyện đã qua của năm người này rồi tự lợi, lợi tha, sốt sắng tu Tịnh Nghiệp như lo chôn cất cha mẹ, như cứu đầu cháy thì mới khỏi luống uổng đời này và lần gặp gỡ này.

---o0o---

Ngày thứ năm : Giải thích sơ lược về giáo nghĩa Lục Tức của tông Thiên Thai, kiêm giảng về việc ăn chay, phóng sanh

Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp lợi căn lẫn độn căn, khế lý, khế cơ, chí viên, chí đốn, đúng là pháp môn lợi lạc chúng sanh duy nhất vô thượng. Nhưng con người hiện tại, có kẻ tự cao, tự đại bảo: "Chúng sanh tức là Phật thì ta chính là Phật, sao lại phải niệm Phật?", kẻ thì lại cho rằng: "Ta đã là phàm phu khổ não, làm sao có thể liễu thoát sanh tử, chỉ cầu kiếp sau chẳng mất thân người thôi!" Hai hạng người này đều vì chẳng hiểu rõ nhân quả mà thành ra như thế ấy. Bởi đó, hôm nay tôi vẫn giảng về nhân quả.

Phải biết *"chúng sanh tức là Phật"* [chỉ cho] cái nhân chân thật là Phật tánh sẵn có đủ. Nếu chẳng tu hạnh Niệm Phật mầu nhiệm, Phật tánh chẳng thể hiển hiện thì làm sao đạt được thật quả "giải thoát sanh tử, thành tựu Phật đạo" cho được? Ví như gương báu đóng bụi, quang minh chẳng hiện, thật ra chẳng mất mảy may. Nếu chịu ra sức lau chùi, mài giũa thì sẽ tự có thể chiếu trời soi đất. Nếu nói: "Ta là phàm phu khổ não, chẳng thể vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật" thì lại chính là lời lẽ của kẻ nghiệp chướng sâu nặng, tự cam chịu đọa lạc. Vả nữa, người đời nay có kẻ đánh cờ, xoa mạt-chược đến nỗi mệt quá rồi chết, chẳng biết là bao nhiêu! Nếu họ có thể vận dụng sự khổ nhọc ấy vào chuyện tu hành niệm Phật thì lo gì chẳng vãng sanh Tây Phương, chứng lên đến Phật quả ư? Bởi lẽ, Phật vốn chỉ là một chúng sanh tu trì, chứng đắc Phật quả mà thôi.

Thiên Thai Trí Giả Đại Sư đời Tùy soạn cuốn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, đã lập ra giáo nghĩa Lục Tức Phật để đối trị căn bệnh lớn "cam chịu đọa lạc" và bệnh "tự tôn, tự đại sai lầm". Lục Tức Phật là: một là Lý Tức Phật, hai là Danh Tự Tức Phật, ba là Quán Hạnh Tức Phật, bốn là Tương Tự Tức Phật, năm là Phần Chứng Tức Phật, sáu là Cứu Cánh Tức Phật. "Lục": minh thị thứ lớp sâu - cạn, "Tức": chỉ rõ ngay nơi Thể chính là Phật. Ví như trẻ sơ sanh hình thể chẳng khác gì cha mẹ, nhưng sức lực, khả năng khác biệt rất xa. Bởi thế, chẳng thể bảo đứa bé con ấy chẳng phải là người, nhưng cũng chẳng thể sai nó gánh vác chuyện của người đã trưởng

thành được. Nếu biết rõ "tuy sáu mà thường tức" thì sẽ chẳng sanh lui sụt. Nếu hiểu "tuy tức mà thường sáu" sẽ chẳng sanh lòng tăng thượng mạn. Từ đó, nỗ lực tu trì, sẽ từ phàm phu mà viên chứng Phật quả, do Lý Tức Phật mà thành Cứu Cánh Tức Phật vậy.

1. **Lý Tức Phật** là hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Tuy trái phản Chánh Giác, xuôi theo trần lao, luân hồi Tam Đồ, Lục Đạo, nhưng công đức của Phật Tánh vẫn tự đầy đủ, cho nên gọi là Lý Tức Phật, coi Lý Thể của tâm tức là Phật vậy. Ông Vô Cơ Tử làm bài tụng rằng:

Động, tịnh lý toàn thị

Hành, tàng sự tận phi,

Minh minh tùy vật khứ,

Yểu yểu bất tri quy.

(Động, tịnh toàn là lý,

Hành, tàng chẳng trúng gì,

Tối tăm theo đuổi vật,

Mờ mịt chẳng biết về)

Do hết thảy chúng sanh chưa nghe Phật pháp, chẳng biết tu trì, nhưng nhất niệm tâm thể vẫn hoàn toàn giống như Phật. Vì thế mới bảo là: *"Động, tịnh toàn là lý"*. Do mê lầm tự tâm, tạo các sự nghiệp nên mới bảo *"Hành, tàng chẳng trúng gì"* (Hành là hoạt động, tàng là ở yên), vì mọi việc làm đều chẳng tương ứng Phật Tánh. Suốt ngày, suốt năm, tối tăm, mờ mịt ruổi theo vật dục (lòng ham muốn vật chất) phiền não vọng tưởng, từ sống đến chết chẳng hề biết hồi quang phản chiếu (xoay trở lại xét soi cái tâm), nên bảo là: *"Tối tăm theo đuổi vật, mờ mịt chẳng biết về"*.

2. **Danh Tự Tức Phật** là hoặc do từ thiện tri thức, hoặc từ kinh điển mà biết rằng tâm vốn sẵn đủ Phật Tánh tịch - chiếu viên dung, bất sanh, bất diệt. Thông suốt hiểu rõ nơi danh tự, biết hết thảy pháp đều là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật. Đó gọi là "nghe danh tự Phật tánh liền hiểu rõ, thấu suốt Phật pháp". Kệ tụng rằng

Phương thính vô sanh khúc,

Thỉ văn bất tử ca,

Kim tri đương thể thị

Phiên hận tự tha đà.

(Vừa nghe khúc vô sanh,

Mới nghe bài bất tử,

Liền biết ngay đương thể,

Tiếc đã trót lần khân)

[Ý nói]: Từ trước đến nay chỉ biết sanh tử luân hồi không lúc nào kết thúc; nay biết Phật Tánh chân thường, bất sanh, bất diệt, đã biết đương thể (ngay nơi bản thể) chính là cái nhân chân chánh để thành Phật liền gấp gáp tu trì, còn hận từ trước đến nay mình bỏ uổng quang âm (thời gian) đến nỗi chưa thể thật sự chứng đắc!

3. **Quán Hạnh Tức Phật** là nương theo Giáo tu Quán, tức là địa vị Ngoại Phàm Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Ngũ Phẩm là:

a. Tùy Hỷ Phẩm: nghe pháp Thật Tướng, tin hiểu, tùy hỷ.

b. Độc Tụng Phẩm: đọc tụng kinh Pháp Hoa và các kinh điển Đại Thừa để hỗ trợ quán hạnh, hiểu biết.

c. Giảng Thuyết Phẩm: Tự nói những điều mình tự chứng hiểu (nội giải) để chỉ dạy, dắt dẫn làm lợi cho người khác.

c. Kiêm Hành Lục Độ Phẩm: Kiêm tu Lục Độ để giúp cho quán tâm.

e. Chánh Hành Lục Độ Phẩm: Lấy việc hành Lục Độ làm hạnh chánh yếu, tự mình hành, dạy người khác hành, Lý - Sự đầy đủ. Quán Hạnh càng thêm thù thắng. Kệ tụng rằng:

Niệm niệm chiếu thường lý

Tâm tâm tức huyễn trần

Biến quán chư pháp tánh

Vô giả diệc vô chân.

(Niệm niệm chiếu thường lý,

Tâm tâm bặt huyễn trần

Quán khắp các pháp tánh,

Không giả cũng không chân)

Đã viên ngộ (ngộ trọn vẹn) Phật tánh, nương theo Giáo tu Quán, đối trị phiền não tập khí nên bảo là: *"Niệm niệm chiếu thường lý, tâm tâm bặt huyễn trần"*. Hiểu rõ một sắc, một hương không thứ gì chẳng phải là Trung Đạo; hết thảy các pháp không pháp nào chẳng phải là Phật pháp, hết thảy chúng sanh đều sẽ thành Phật, cho nên nói: *"Quán khắp các pháp tánh, không giả cũng không chân"*.

4. Tương Tự Tức Phật là tương tự giải phát (gần giống như đã giải ngộ, phát khởi), tức là địa vị Nội Phàm thuộc Thập Tín trong Viên Giáo. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc; Bát, Cửu, Thập, Tín đoạn Trần Sa Hoặc. Kệ tụng rằng:

Tứ Trụ tuy tiên thoát,

Lục trần vị tận không

Nhãn trung do hữu ế

Không lý kiến hoa hồng.

(Trước đã thoát Tứ Trụ,

Nhưng sáu trần chửa không,

Mắt vẫn còn màng mộng

Thấy hoa đốm trên không)

Tứ Trụ là:

a. Kiến Nhất Thiết Trụ Địa chính là Kiến Hoặc trong Tam Giới.

b. Dục Ái Trụ Địa chính là Tư Hoặc trong Dục Giới.

c. Sắc Ái Trụ Địa tức là Tư Hoặc trong Sắc Giới.

d. Hữu Ái Trụ Địa tức là Tư Hoặc trong Vô Sắc Giới.

Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc nên bảo là: *"Trước đã thoát Tứ Trụ"*. Nhưng do tập khí sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp chưa hết, nên bảo là: *"Nhưng sáu trần chửa không"*. Ở đây chỉ luận về địa vị Thất Tín, chứ Bát, Cửu, Thập Tín đã phá được Trần Sa Hoặc nên tập khí đã hoàn toàn rỗng không. Tập khí là những dư âm của các chánh Hoặc (các phiền não chánh yếu). Giống như cái mâm đựng thịt dù đã rửa sạch, vẫn còn có mùi hôi; bình đựng rượu tuy đã súc kỹ vẫn còn có mùi rượu. *"Mắt vẫn còn màng mộng, thấy hoa đốm trên không"* là: Vì chưa phá Vô Minh nên chưa thể thấy được bản thể của Chân Không Pháp Giới.

5. Phần Chứng Tức Phật là ở [giai đoạn] Thập Tín hậu tâm[49], phá một phần Vô Minh, chứng một phần Tam Đức, liền bước vào Sơ Trụ, chứng Pháp Thân, là Pháp Thân Đại Sĩ. Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, tổng cộng là bốn mươi mốt địa vị, mỗi địa vị đều phá được một phần vô minh, chứng một phần Tam Đức, nên gọi là Phần Chứng Tức Phật. Do vô minh chia làm bốn mươi hai phẩm, Sơ Trụ phá một phần, cho đến Thập Trụ phá được mười phần. Trải qua [các địa vị] Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa cho đến Đẳng Giác [lần lượt] phá được bốn mươi mốt phần. Bậc Sơ Trụ có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, lại còn tùy loại hiện thân độ thoát chúng sanh. Thần thông đạo lực của bậc này chẳng thể nghĩ bàn, huống hồ là càng lên mỗi địa vị trên càng thù thắng hơn nữa, nhất là địa vị thứ bốn mươi mốt là Đẳng Giác Bồ Tát ư? Kệ tụng rằng:

Khoát nhĩ tâm khai ngộ

Trạm nhiên nhất thiết thông

Cùng nguyên do vị tận

Thường kiến nguyệt mông lung.

(Đột nhiên tâm khai ngộ,

Lặng trong hết thảy thông,

Vẫn chưa thông tận gốc

Trăng thường thấy mông lung)

"Đột nhiên tâm khai ngộ, lặng trong hết thảy thông" là nói về cảnh tượng phá được vô minh đôi phần, chứng ngộ đôi phần. *"Vẫn chưa thông tận gốc, trăng thường thấy mông lung"* ý nói còn có mây vô minh [che lấp] nên chưa thể thấy thấu tột ánh sáng của vầng trăng thiên chân trong tự tánh.

6. **Cứu Cánh Thành Phật** là từ Đẳng Giác lại phá một phần Vô Minh nên [thấu đạt] tột cùng Chân Tánh, hết sạch Hoặc, phước huệ viên mãn, chứng ngộ triệt để Chân Như Phật Tánh sẵn có ngay trong tâm mình, đạt địa vị Diệu Giác, thành đạo Vô Thượng Bồ Đề. Kệ tụng rằng:

Tùng lai chân thị vọng

Kim nhật vọng giai chân

Đản phục bản thời tánh

Cánh vô nhất pháp tân.

(Từ trước, chân là vọng

Hôm nay, vọng là chân,

Chỉ khôi phục bản tánh

Có pháp nào mới đâu?)

"Từ trước chân là vọng" là trước khi ngộ thì cũng chỉ "Ngũ Uẩn đều là không" này mà lầm sanh chấp trước [khiến cho] Sắc Pháp, Tâm Pháp thành lập, khổ ách theo đó sanh ra. Sau khi đã ngộ rồi, tuy vẫn chỉ là Ngũ Uẩn này, nhưng toàn thể đều là một Chân Như, trọn chẳng có tướng Sắc, Tâm, Ngũ Uẩn để được. Vì thế, bảo là: *"Từ trước chân là vọng. Hôm nay, vọng là chân"*. Nhưng cái Chân được chứng ấy nào phải là điều gì mới đạt được, chẳng qua là phục hồi lại Chân Như Phật Tánh sẵn có đó thôi, vì thế bảo: *"Chỉ khôi phục bản tánh, có pháp nào mới đâu?"*

Lại nữa, chúng sanh còn mê thì thấy Phật, Bồ Tát và hết thảy chúng sanh đều là chúng sanh, cho nên hủy báng Phật pháp, sát hại chúng sanh, chẳng biết là tội lỗi; trái lại còn coi đó là vui. Đức Phật đã triệt ngộ cái tâm "tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt", thấy hết thảy chúng sanh hoàn toàn là Phật. Vì thế đều vì kẻ oán, người thân thuyết pháp khiến cho được độ thoát; dẫu là kẻ cực kỳ ác nghịch không tin, tâm [Phật] cũng không hề có một niệm buông bỏ vì Phật thấy thấu suốt kẻ đó chính là một vị Phật chưa thành vậy.

Sáng hôm nay, ông Hoàng Hàm bảo tôi: "Pháp Sư Viên Anh nói đạo tràng sắp viên mãn. Ngày hoàn mãn sẽ cử hành phóng sanh. Đến ngày Mười Sáu sẽ nói về Tam Quy, Ngũ Giới, xin tôi vì đại chúng giảng đại ý việc phóng sanh và thọ Tam Quy, Ngũ Giới ngõ hầu mong mọi người cùng phát tâm lợi người, lợi vật". Bởi thế, chẳng thể không tuyên nói. Pháp hội này nhằm để hộ quốc tức tai. Nếu suy xét đến tận cùng nguyên do phát khởi tai nạn thì phần nhiều là vì sát sanh mà ra. Vì thế, muốn ngưng dứt sát nghiệp, phải bắt đầu từ việc kiêng giết chóc, ăn chay, bảo vệ, tiếc thương sanh mạng loài vật và chuộc mạng loài vật. Mọi người ai nấy phải nên phát tâm bảo vệ, thương tiếc sanh mạng loài vật. *"Muốn biết binh đao trong cõi thế, lò mổ xin nghe tiếng nửa đêm*". Hãy giữ hai câu ấy làm lời răn nhắc, tận lực kiêng dè.

Ý nghĩa của việc phóng sanh là khiến cho mọi người phát tâm bảo vệ mạng sống của chúng sanh. Chính mình phóng sanh, đương nhiên sẽ chẳng sát sanh nữa. Chính mình đã chẳng phóng sanh, trông thấy người khác phóng sanh, lẽ nào còn nỡ sát sanh? Nếu ai nấy bảo vệ, thương tiếc sanh mạng, chẳng tàn hại nữa thì tiêu được sát kiếp, chuyển được vận nước. Nhưng người đời vẫn có kẻ một mặt bỏ tiền phóng sanh, một mặt vẫn sát sanh, ăn thịt như thường. Như vậy, dù có chút công đức phóng sanh, vẫn e khó địch nổi tội lỗi sát sanh lớn lao! Hiện thời, hội này dự định ngày viên mãn sẽ cử hành phóng sanh, xin các vị phát tâm thí tiền giúp cho, tự lợi, lợi vật, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Còn như [tiền] cúng dường của đệ tử quy y lần này, Ấn Quang quyết định dùng hết vào việc cứu trợ tai nạn, trọn chẳng lấy dùng một đồng nào! Bởi lẽ, tôi là một ông Tăng trơ trọi, đã không có chùa miếu, lại cũng chẳng có đồ đệ, trừ thức ăn, quần áo ra, để dành tiền làm gì? Mai kia mạng chung, sau khi hỏa thiêu, đem tro rải xuống biển cả, chẳng cần phải tạo tháp và làm bất cứ [hình thức] kỷ niệm nào!

Ngay cả việc quy y đây, từ đầu tôi vốn chẳng thuận, nhưng bởi cư sĩ Khuất Văn Lục và pháp sư Viên Anh thiết tha khuyên bảo, viện lẽ những người phát tâm cầu pháp ân cần, vì thỏa mãn ý nguyện của họ, vì tình chẳng

thể khước từ, nên đành chấp thuận. Tôi vốn xem nhẹ tiền bạc, chẳng giống những người khác, mỗi tên đệ tử phải xuất tiền “hương kính”[50] bao nhiêu đó mới chấp thuận cho quy y. Tôi thì không tiền cũng quy y được, chỉ cần người ấy có tâm thành kính tu trì mà thôi. Bởi lẽ, chẳng thể coi chuyện quy y như chuyện mua bán, cần phải ra giá bao nhiêu đó mới mua được hàng hóa độ đáng giá chừng đó! Có như vậy thì mới là tín đồ chân thật quy y Phật pháp, mới có thể đạt đại lợi ích liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

---o0o---

Ngày thứ sáu : Dùng Chân Đế và Tục Đế để phá trừ kiến chấp và trần thuật những chuyện linh cảm gần đây

Người đời chấp không, chấp có, lầm sanh kiến giải của chính mình nên mê muội chẳng giác ngộ. Đức Thế Tôn lập ra giáo pháp [là vì] muốn cho chúng sanh phá trừ hai kiến chấp ấy, đặc biệt bày ra một pháp môn Niệm Phật, mong chúng sanh từ Có đạt đến Không, dẫu đắc Không nhưng chẳng bỏ Có thì hai pháp Có - Không sẽ hỗ trợ nhau, được lợi ích rất lớn. Huống hồ là cậy vào nguyện lực của Phật Di Đà. Vì thế, lực dụng của pháp môn Niệm Phật vượt trỗi hết thảy pháp môn [khác], làm chỗ quy túc cho hết thảy các pháp môn.

Trong đời có một hạng người tri kiến hèn kém, dạy họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương bèn nói: “Chúng tôi là hạng nghiệp lực phàm phu, làm sao dám mong mỏi vãng sanh Tây Phương? Chỉ cầu chẳng mất thân người là đủ lắm rồi”. Thứ tri kiến này là do chẳng biết tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của chư Phật giống hệt, chẳng hai. Nhưng chư Phật tu đức đến cùng cực, tánh đức hiển hiện trọn vẹn, còn chúng sanh dẫu đủ tánh đức, trọn không tu đức, dẫu có tu tập nhưng lắm kẻ vì tu hành trái nghịch với tánh, nên đâm ra càng thêm mê muội.

Lại có một hạng người tri kiến cuồng vọng. Dạy họ niệm Phật, liền bảo: “Ta đã là Phật, cần gì phải niệm Phật? Các ngươi chẳng biết tự mình chính là Phật thì thường niệm Phật cũng không sao! Ta đã tự biết là Phật, cần gì phải trên đầu lại chồng thêm một cái đầu!” Thứ tri kiến này là do chỉ biết đến vị Phật thuộc về Phật Tánh sẵn có ngay trong tâm, chưa biết đến vị Phật đã đoạn sạch phiền hoặc, viên mãn phước huệ. Hạng người này nếu đã biết Tánh - Tu, Lý - Sự đều chẳng thể thiên chấp, cực lực tu tịnh hạnh thì sẽ vượt xa hạng người nẩy sanh tri kiến hèn kém. Nếu chẳng vậy, sẽ tự lầm, lầm người, vĩnh viễn đọa trong địa ngục A Tỳ, trọn không có kỳ ra. Vì thế, đối với những hiểu biết lầm lạc chấp không, chấp có, kiến giải hèn kém và

kiến giải lầm lạc cuồng vọng này, chỉ có riêng pháp Niệm Phật là dễ đối trị nhất. *"Tâm này làm Phật, tâm này là Phật"*, nếu chẳng làm Phật thì chẳng phải là Phật được. Hai câu kinh văn này chính là Vô Thượng Diệu Pháp để phá trừ hai thứ kiến chấp hèn kém và cuồng vọng.

Bàn chặt chẽ về ý nghĩa lớn lao trong Phật pháp thì chẳng ngoài Chân Đế và Tục Đế. Chân Đế một pháp chẳng lập, là thực thể được thấy biết bởi Thánh Trí. Tục Đế phô bày trọn vẹn vạn hạnh, chính là hành tướng được tu trong pháp môn (chữ Tục ở đây nghĩa là tạo dựng, kiến lập, chứ đừng hiểu là thế tục, thô tục). Người học Phật phải viên dung Chân - Tục, một mực cùng hành. Bởi lẽ, vì một pháp chẳng lập thì mới có thể tu đạo phô bày trọn vẹn vạn hạnh. Vạn hạnh được phô bày trọn vẹn thì mới hiển hiện được bản thể một pháp chẳng lập. Nay để dễ hiểu, tôi nêu riêng một thí dụ. Bản thể của Chân Như Pháp Tánh ví như tấm gương quý báu tròn lớn, rỗng rỗng rang rang, trọn không có một vật, thế mà người Hồ đến thì bóng người Hồ hiện, người Hán đến ắt bóng người Hán hiện. Hồ, Hán cùng đến một lúc thì cùng lúc hiện bóng. Ngay đang trong lúc rỗng rang, trống lỗng, trọn không có một vật, chẳng trở ngại gì chuyện người Hồ đến, bóng người Hồ hiện; kẻ Hán đến, bóng kẻ Hán hiện. Ngay đang lúc người Hồ đến hiện bóng người Hồ, người Hán đến soi bóng người Hán, gương vẫn rỗng rang, trống lỗng, trọn không có một vật.

Thiền Tông đặt nặng Chân Đế, tức là ngay chỗ "vạn hạnh phô bày trọn vẹn" chỉ ra "một pháp chẳng lập". Tịnh tông phần nhiều chú trọng Tục Đế, tức là ngay nơi "một pháp chẳng lập", chỉ ra chuyện "vạn hạnh phô bày trọn vẹn". Bậc trí hiểu rõ Lý sẽ tự chẳng thiên chấp. Nếu không, thà chấp Có còn hơn là chấp Không! Vì nếu chấp Có dẫu chưa ngộ trọn vẹn Phật tánh vẫn còn có công tu trì; chứ chấp Không sẽ bác không nhân quả, thành ra kiến chấp Đoạn Diệt, phá hoại, rối loạn Phật pháp, khiến chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, họa ấy rất lớn, chẳng thể tuyên nói được!

Chúng ta niệm Phật trước hết phải từ Có Niệm mà khởi. Niệm đến lúc niệm lặng, tình mất, ắt không những đã không có Ta là người niệm mà cũng không có đức Phật được ta niệm, nhưng từng câu, từng chữ vẫn rành rẽ, phân minh, chẳng lầm, chẳng loạn, tức là như thường nói: *"Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"* vậy. *"Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm"* nghĩa là ngay trong lúc đang niệm Phật, trọn chẳng có ý niệm khởi tâm niệm Phật. Tuy không có ý niệm khởi tâm niệm Phật nhưng lại niệm rành rẽ, phân minh, liên tục. Nhưng công phu này chẳng phải là điều hạng sơ tâm có thể đạt được ngay! Nếu chưa đạt đến công phu "vô niệm mà niệm" mà không

chú trọng "có niệm" thì khác nào phá nhà để tìm lấy chỗ trống không! Cái Không ấy quyết chẳng phải là chỗ để an thân lập mạng được! Các bậc cổ Thiền đức, có nhiều vị lễ bái, trì tụng chẳng tiếc thân mạng như cứu đầu cháy. Vì thế, Vĩnh Minh Diên Thọ thiền sư ngày làm một trăm lẻ tám Phật sự, đêm qua ngọn núi khác kinh hành niệm Phật; huống hồ là kẻ hậu học chẳng trọng Sự Tu (tu hành về mặt Sự) mà hòng thành tựu đạo nghiệp ư? Do đại ngộ lý thể "một pháp chẳng lập", tận lực tu hành công phu "vạn pháp viên tu" nơi mặt Sự thì mới là Trung Đạo Không Hữu viên dung!

Kẻ [chấp vào] Không Giải Thoát cho rằng chẳng tu một pháp nào hết mới là "[một pháp] chẳng lập" được chư Phật gọi là "đáng thương xót". Liên Trì Đại Sư dạy: *"Chấp sự mà niệm, giữ được liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được dự vào phẩm vị [vãng sanh]. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó thể tránh được cái họa rớt vào Không. Bởi lẽ, Sự có công năng kèm cặp Lý, Lý chẳng thể tồn tại độc lập"*, lý do là như vậy đó. Chúng ta học Phật phải do từ ngay nơi Sự để thành Lý, do chính ngay nơi Lý để thành Sự. Lý - Sự viên dung, Có - Không chẳng hai thì mới có thể trọn thành tam muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự nói ta chính là Phật, chấp Lý phế Sự, sai lầm rất nặng! Hãy nên tận lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ Sự hiển Lý, dẫu hiển Lý vẫn chú trọng nơi Sự thì mới được lợi ích thật sự. Ngay như hàng Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hầu mong viên mãn Phật Quả. Nay là phàm phu mà chẳng biết tự lượng, coi niệm Phật là Tiểu Thừa chẳng đáng để tu trì, tương lai quyết định vào địa ngục A Tỳ vậy!

Hơn nữa, người niệm Phật ai nấy phải tận hết bổn phận của chính mình, chẳng trái nghịch luân lý thế gian, như thường nói là *"giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, ngăn cấm điều tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành"*. Nếu bất hiếu với cha mẹ, chẳng dạy dỗ con cái thì là tội nhân trong Phật pháp. [Người] như vậy mà muốn được Phật cảm ứng gia bị trọn chẳng có lẽ ấy! Vì thế, người học Phật phải là cha lành, con hiếu, anh nhường, em kính, tự lập mình, lại chu toàn cho người, tự lợi, lợi tha. Ai nấy tận hết bổn phận của chính mình, dùng chính thân mình đốc suất người khác, rộng tu Lục Độ, vạn hạnh, để làm gương mẫu cho mọi người. Phải biết rằng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ cũng thuộc vào Lục Độ vạn hạnh. Người chẳng tin Phật trong cõi đời giống như người mang cặp kính màu xem xét vạn vật, [thấy là] xanh hoặc đỏ là do kính khác màu mà ra, chẳng thấy được màu sắc thật sự của sự vật. Vì thế, sách Đại Học có thuyết *"cách vật trí tri"*, thật là có lý vậy! Người học Phật chúng ta chớ có lầm chấp vào kiến giải của chính mình. Nếu lầm chấp vào kiến giải của

chính mình, ngồi đáy giếng nhìn trời, một khi Diêm La đòi mạng mới hay trước đây mình đã sai lầm, có hối cũng muộn rồi!

Đời này bạc ác, xã hội rối loạn, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra. Muốn tính chuyện cứu vãn, ai nấy phải tận lực giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, hiếu dưỡng cha mẹ, thương yêu trẻ nhỏ, yêu người như yêu chính mình, hoàn toàn vì lẽ công, chẳng tư túi, thì mới có thể [cứu vãn được]! Do nhân tâm hòa bình, thế giới tự yên, quốc nạn tự dứt. Hiện tại, mối họa hoạn lớn nhất là con người ôm lòng riêng tư. Lòng riêng tư đến cùng cực [sẽ chỉ còn biết đến mình], con ruột có thể giết cha mẹ. Người đời thường hâm mộ cảnh thịnh trị rạng ngời, rực rỡ, thiên hạ thái bình thời Đường - Ngu[51], cứ than thở thói đời hiện tại suy đồi, lòng người hiểm ác, nhưng xét đến cùng cực tại sao thành ra như vậy thì thật sự chẳng ngoài [hai chữ] Công và Tư mà thôi! Công đến cùng cực ắt thế giới đại đồng, tư đến cùng cực thì con giết cha mẹ. Nếu mọi người phá được kiến chấp tư hữu thì chẳng tàn hại lẫn nhau thì sẽ lại được thấy cảnh đời Đường Ngu Tam Đại[52] trong ngày nay chẳng khó khăn gì!

Xưa kia, tại Phổ Đà có một vị lão Tăng đi đường, chân chợt đụng phải cái ghế, liền đạp đổ cái ghế, lại còn giộng liên tiếp mấy đạp nữa. Thứ tri kiến như vậy đều là do mặc tình ngã mạn, tuyệt chẳng phản tỉnh mà ra! Thứ tri kiến ấy bộc phát lừng lẫy ắt sẽ dẫn đến chuyện giết cha giết mẹ mà vẫn không hổ thẹn; trái lại, còn coi đó là công lao! Hiện tại cơ duyên giết hại càng mạnh mẽ, dụng cụ giết người càng thêm khéo léo, tinh vi, đại kiếp ngay trước mặt, ai có thể thoát khỏi được? Chỉ mong đại chúng dốc hết lòng thành niệm Phật, xót xa cầu Phật lực gia bị. Khi chiến cuộc xảy ra ở đất Hỗ (Thượng Hải), những nhà cửa ở vùng Áp Bắc phần nhiều cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y là ông Hạ Hinh Bồi chưa bị mắc họa. Ấy là vì trong lúc chiến sự dữ dội, cả nhà ông ta cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, cả nhà bọn họ mới được Thập Cửu Lộ Quân[53] cứu ra; đến lúc đình chiến trở về nhà, mọi vật trong nhà chẳng mất thứ gì. Nếu Bồ Tát chẳng gia hộ, che chở thì sao mà được như vậy? Đó là do từ khi ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật thật chí thành. Do vậy biết: Quán Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, chắc chắn được cứu vớt, che chở.

Nếu nói: "Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dồn dập, Quán Âm Bồ Tát chỉ có một mình làm sao có thể cùng lúc đến cứu vớt, che chở từng người được? Dù có cứu giúp, che chở, cũng mệt nhọc khôn xiết!" Nào biết

trọn chẳng phải Quán Âm Bồ Tát đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tâm chúng sanh cứu giúp đó thôi! Quán Âm vốn vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm, nên dùng thân nào để cứu độ thì sẽ hiện ngay thân đó để thuyết pháp. Như vầng trăng vằng vặc trên không, tất cả mọi chỗ có nước đều hiện bóng trăng, nước trong ngàn dòng sông có ngàn vầng trăng in bóng trên sông. Trăng ấy là một hay là nhiều? Chẳng thể nói là một, vì trăng hiện bóng trong muôn dòng nước; chẳng thể nói là nhiều vì vầng trăng trên hư không luôn chỉ là một. Chư Phật, Bồ Tát cứu độ hữu tình cũng giống như thế. Chẳng được cảm ứng là do chúng sanh còn chưa dốc lòng thành, chứ chẳng phải Bồ Tát không cứu giúp, che chở! Như một cái ao nước dơ bẩn quá, muốn trăng hiện bóng trong ấy há có được chăng? Hiểu lẽ này rồi, đại chúng chúng ta niệm Phật há còn người chẳng chánh tâm, thành ý, chân thành, khẩn thiết hay sao? Tôi không tin !

Một đệ tử ở huyện Văn Hỷ, tỉnh Sơn Tây là ông Diệp Tư Sơ, cưỡi lừa đi trong vùng núi thẳm, một bên núi cao chót vót, một bên là khe sâu thăm thẳm. Tuyết đóng thành băng, con lừa trượt chân, liền rơi xuống khe. Ngang lưng vách núi có một cái cây to, khéo sao rớt đúng ngay trên cây ấy, không hề hấn gì. Nếu không, sẽ bị tan thân, nát xương. Cây ấy do đâu mà có? Ấy là do Quán Âm Bồ Tát thị hiện vậy!

Lại nữa, năm Dân Quốc mười bảy (1928), ông Thái Nhân Sơ người huyện Ninh Ba mở cửa hàng Ngũ Kim Pha Lê ở Thượng Hải. [Ông là] người cực thuần hậu, chơi thân với ông Nhiếp Vân Đài. Vân Đài dạy ông Thái thường niệm Quán Âm, cốt ý để phòng ngừa bị bắt cóc, tống tiền. Nhân Sơ tin theo. Ngày nọ, sắp ra về, xe của chính ông đậu ngoài cửa, bọn cướp cầm súng đuổi tài xế đi, rồi bọn cướp ngồi trên đó. Ông Nhân Sơ vừa bước ra liền lên xe, xe liền chạy đi, mới biết gặp cướp, liền thầm niệm Quán Âm, mong cho xe chết máy hòng thoát nạn. Quả thật, xe bị bể bánh, xe chạy khật khừ, nhưng vẫn cứ chạy tiếp. Bình xăng bị nổ bể khiến xe bắt lửa, bọn cướp xuống xe, cáu kỉnh hướng về phía ông nã liền ba phát súng, nhưng ông Thái chạy ba lần chạy né được, liền ngồi xe kéo trở về. Tháng Sáu năm đó, ông và vợ cùng đến Phổ Đà quy y.

Lại nữa, ông Trương Thiếu Liêm giám đốc của một hãng ngoại quốc, trọn chẳng tin Phật. Một ngày kia, ngồi xe hơi lái đến chỗ nghỉ mát, hai tên cướp cầm súng đuổi người tài xế đi. Ông Trương nói: "Các ông lên xe ngồi, sai hắn lái đến chỗ nào là được rồi!" Hai tên cướp cầm súng chĩa về phía ông Trương. Ông Trương thầm niệm Quán Âm, xe lái đến chỗ náo nhiệt, chợt có hai người đánh lộn, tuần bộ (cảnh sát) thổi còi, hai tên cướp trèo xuống xe,

lủi mất. Đấy là vì [ông Trương] niệm Quán Âm nên hai tên cướp mới lầm tưởng là tuần bộ đến bắt chúng. Cậu ông ta là Chu Vị Thạch đã quy y từ trước, một hôm thỉnh tôi đến nhà cụ. Thiếu Liêm cũng đến quy y.

Lại nữa, con ông Lý Cận Đan ở Trấn Hải làm nhân viên buôn bán cho một hãng ngoại quốc, bị bịnh thổ huyết đã hai năm. Có lúc thổ huyết thình lình, dẫu là lúc không thổ huyết thì trong đàm cũng thường lẫn máu. Một ngày, ông bị bọn cướp bắt. Cận Đan sợ hãi vô cùng, cả nhà niệm Quán Âm cầu cứu. Lại thỉnh chư Tăng chùa Pháp Tạng trợ niệm. Sau đấy, bọn cướp đòi năm mươi vạn đồng tiền chuộc. Nhà họ Lý chỉ có năm vạn. Tên đầu sỏ bọn cướp bảo không đủ năm mươi vạn là không xong; nhưng mỗi khi hắn đề cập đến năm mươi vạn, đầu liền bị nhức buốt, sau đành chấp thuận năm vạn tiền chuộc. Từ khi ông Cận Đan được bọn cướp thả về, chẳng những không bị thổ huyết, mà ngay cả khạc đàm cũng chẳng thấy lẫn máu nữa! Bệnh dây dưa suốt hai năm do bị cướp bắt, bệnh được khỏi hẳn. Những sự tích cảm ứng vừa thuật trên đây, [quý vị] hãy nên tin tưởng sâu xa.

Hiện tại, người học Phật khá nhiều, nhưng người hiểu biết Phật pháp sâu xa quá ít, trái lại, con người phần nhiều tin vào những lời lẽ của ngoại đạo. Miền Giang - Triết thường đồn rằng: "Người niệm Phật chẳng được vào huyết phòng (phòng đàn bà sanh nở) vì một khi bị mùi máu tanh hôi của bà đẻ suông nhằm, bao nhiêu công đức niệm Phật từ trước tiêu mất hết". Vì thế, [ai nấy] coi là chỗ phải tránh né, dù là con gái, con dâu của chính mình [sanh nở] đều chẳng dám đến gần. Có kẻ còn né sẵn qua nơi khác từ trước. Đầy tháng rồi mới dám trở về nhà. Tập tục này phổ biến rất rộng cũng đáng lạ thay! Chẳng biết đó chính là tà thuyết của ngoại đạo làm lầm lạc, điên đảo lòng người, há nên tin bậy?

Năm Dân Quốc thứ mười hai (1923), con dâu thứ của ông Viên Hải Quán, tuổi đã hơn năm mươi, có chút học vấn, có hai trai, hai gái. [Lúc] con dâu trưởng của bà ta sắp sanh, một vị cư sĩ bảo: "Con dâu sắp sanh, trong vòng một tháng, không được thờ Phật trong nhà, cũng chẳng được niệm Phật". Bà ta nghe xong, hồ nghi, vừa may tôi đến đất Hỗ, bèn hỏi ý việc ấy.

Tôi nói: "Kẻ mù quáng đặt lời đồn thổi! Về bảo con dâu bà niệm Quán Âm cho nhiều, lúc sanh cần niệm Phật ra tiếng. Bà và những người săn sóc sản phụ ai nấy đều nên niệm lớn tiếng thì chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó, và không bị những nạn đau đớn, băng huyết v.v… Mà sau khi đẻ xong cũng chẳng bị các điều nguy hiểm". Bà ta nghe nói, rất mừng. Qua mấy ngày sau, cháu bé sanh ra, thân rất to, người Hồ Nam sanh con nhất định cân [coi nặng

bao nhiêu], đứa bé nặng đến chín cân rưỡi, lại là con so, mà [người mẹ] trọn chẳng đau đớn gì. Vậy mới biết sức đại từ, đại bi của Quán Âm Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Bình thường niệm Phật, niệm Bồ Tát, phàm lúc sắp ngủ, lúc rửa chân, tắm gội đều nên niệm thầm. Nhưng lúc sanh nở chẳng được niệm thầm vì lúc sắp sanh phải dùng sức, niệm thầm ắt sẽ bị tức khí thành bệnh. Phải rất chú ý điểm này! Phải biết: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, Pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực cũng chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có điều là con người có lòng kiền thành hay không mà thôi!

Vị cao tăng đời Minh là ngài Thọ Xương Huệ Kinh thiền sư lúc sắp được sanh ra khá khó khăn. Ông nội ngài đứng ngoài phòng sanh, vì con cháu niệm kinh Kim Cang để cầu được dễ sanh. Cụ vừa mới mở miệng niệm xong hai chữ Kim Cang, [cháu] liền được sanh. Ông nội bèn đặt tên cho cháu là Huệ Kinh. Lớn lên, quy y và xuất gia đều chẳng lấy tên nào khác. Ngài là vị cao tăng lỗi lạc thời Vạn Lịch (Minh Thần Tông 1573-1620). Do đấy, gẫm xem thì biết là Phật pháp có ích cho cõi đời cũng lớn lắm! Niệm Quán Âm Bồ Tát vào lúc sanh sản có lợi ích như thế đó, há nên bị tà thuyết mê hoặc mà chẳng tín phụng Ngài ư?

Người đời ăn thịt đã thành thói quen. Nên biết bất cứ loại thịt nào đi nữa đều có chất độc, vì lúc [con vật] bị giết, hận tâm, oán khí ngùn ngụt. [Người ăn vào] tuy chẳng đến nỗi mất mạng ngay lập tức, nhưng tích tập lâu ngày sẽ trở thành ghẻ chốc, tật bệnh. Những phụ nữ trẻ tuổi nếu vừa nổi nóng xong cho con bú sữa mẹ, đứa bé có thể bị chết; là vì sự nóng giận khiến cho sữa bị trở thành chất độc. Sự nóng giận của con người vào lúc chưa phải bị đau khổ trí mạng còn độc đến thế, huống là cái đau mất mạng của những loài heo, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v… thịt chúng há có thể nào chẳng độc ư? Hơn mười năm về trước, tôi thấy một cuốn sách nói: *"Một phụ nữ Âu Tây tánh tình nóng nảy quá mức, [ngày nọ] vừa nổi nóng xong, cho con bú, đứa bé chết ngay, chẳng biết vì nguyên do gì. Về sau lại sanh đứa khác, lại nhân lúc nóng giận xong cho con bú, [đứa bé] chết tươi; bèn đem sữa đi xét nghiệm thì thấy có chất độc, mới biết cả hai đứa con đều chết vì bú sữa độc"*.

Gần đây, có một bà cụ đến quy y, tôi bảo cụ ăn chay vì thịt có chất độc và kể chuyện người phụ nữ Âu Tây do nóng giận mà sữa hóa thành chất độc làm chết hai đứa con. Bà cụ ấy bảo bà ta cũng có hai đứa con cũng bị chết giống như vậy, vì ông chồng cụ tánh khí ngang ngược, man rợ, cứ hễ trái ý liền đánh vợ nhừ tử. Con thơ trông thấy khóc òa lên, liền cho con bú. [Đứa bé] chết liền! Lúc ấy, cụ chẳng biết là chết vì sữa trở thành chất độc. Con dâu cụ cũng vì cho con bú mà chết mất một đứa. Đủ thấy con nít trong đời bị

trúng sữa độc chết chẳng biết là bao nhiêu. Từ người phụ nữ Tây Phương phát giác trước tiên cho đến cụ bà kia [xác nhận], mới thấy thật minh bạch. Vì thế, phụ nữ cho con bú sữa mẹ chớ nên nổi nóng. Nếu như đang giận dữ quá mức thì hôm ấy đừng có cho con bú, cần phải đợi đến hôm sau, tâm trạng lắng dịu, lúc hết còn giận hờn thì mới [cho con bú] không ngại gì. Nếu ngay hôm đó cho con bú rất có thể làm chết con. Nếu không chết ngay, rất có thể là chết dần dần.

Do vậy, biết rằng: Trâu, dê v.v… lúc bị giết tuy chẳng nói được, nhưng độc do lòng oán hận kết lại trong thịt nơi thân chúng cũng chẳng ít ỏi gì! Kẻ biết tự thương mình cố nhiên phải nên kiêng [ăn thịt] vĩnh viễn để tránh khỏi các thứ tai họa trong đời sau! Vì thế, phải nêu rõ ra, mong sao mọi người lưu ý. Lấy đó làm chứng, cần biết rằng: Khi người ta nóng giận, chẳng những sữa có chất độc mà nước mắt, nước miếng cũng đều có chất độc. Nếu những thứ này rơi rớt vào mắt, vào thân trẻ nhỏ cũng gây hại chẳng cạn. Có một vị bác sĩ đến quy y, tôi hỏi ông ta: "Trong sách thuốc có nói đến điều này hay không?" Ông ta đáp: "Không biết!" Trong thế gian chuyện vượt ngoài tình lý khá nhiều, chẳng thể vì chúng không hợp khoa học mà coi thường được! Chẳng hạn như cách trị bệnh sốt rét thì dùng một tấm giấy trắng rộng hai tấc, viết ô mai hai trái, hồng táo hai trái, hồ đậu vài hạt (tùy theo bệnh nhân bao nhiêu tuổi, viết bấy nhiêu hạt. Như mười tuổi, viết mười hạt. Hai mươi tuổi là hai mươi hạt) xếp thành gói. Trước lúc cơn bệnh phát ra khoảng một tiếng đồng hồ, quấn trên bắp tay, nam bên trái nữ bên phải, thì bệnh sẽ chẳng phát nữa. Trăm lần áp dụng, trăm lần hiệu nghiệm. Dù bệnh đã hai ba năm chẳng lành, cũng chữa lành được. Chẳng phải bùa, chẳng phải chú mà trị lành được bệnh ngặt, há có thể vận dụng lý thông thường để giải thích chăng? Sự thể trong thế gian đều khó thể nghĩ bàn cả! Như mắt thấy, tai nghe là chuyện cực bình thường, ai ai cũng biết cả, nhưng nếu hỏi vì sao mắt thấy được, vì sao tai nghe được thì những người biết rất ít! Trong Phật pháp cũng có những sự chẳng thể nghĩ bàn nhưng lại nghĩ bàn được, có những sự có thể nghĩ bàn nhưng lại chẳng thể nghĩ bàn được. Thần diệu nhưng minh bạch, tồn tại ngay trong con người, há nên dùng lẽ thường tình để suy lường ư!

---o0o---

Ngày thứ bảy : Giảng về tội đại vọng ngữ và những sự như đại hiếu trong nhà Phật, trí tri cách vật, thật thà niệm Phật v.v…

Ngày hôm nay, pháp hội viên mãn. Thời hạn bảy ngày chớp mắt đã qua. Thế nhưng, pháp hội tuy viên mãn, chuyện hộ quốc tức tai nên thực hiện cho đến khi chấm dứt báo thân này. Trừ phi ai nấy ăn chay, niệm Phật, vãng sanh Tây Phương, chẳng thể nói là đã viên mãn rốt ráo được.

Người học Phật hiện tại có lắm kẻ tự bảo ta đã khai ngộ, ta là Bồ Tát, ta đã đắc thần thông đến nỗi gây lầm lạc cho nhiều người. Một mai Diêm lão réo mạng, lúc mạng sắp chấm dứt, khi ấy cầu vãng sanh chẳng được, đau khổ mà chết, chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ. Chớ nên nhiễm đắm thói ác của

những kẻ ham cao, chuộng xa, dối mình, lừa người ấy; nếu có thì phải sửa ngay. Nếu không có thì càng thêm cố gắng. Hãy kiêng dè, hãy đề phòng!

Giết, trộm, dâm… cố nhiên là tội nặng, nhưng con người biết những hành vi ấy chẳng tốt, không đến nỗi ai nấy đều bắt chước theo, nên tội ấy vẫn còn nhẹ. Nếu chẳng tự lượng, phạm tội đại vọng ngữ, chưa đắc đã bảo đắc, chưa chứng đã nói chứng để dẫn dắt những hạng vô tri, ai nấy đều bắt chước theo, hoại loạn Phật pháp, làm chúng sanh bị nghi ngờ, lầm lạc, tội ấy nặng không thể hình dung được! Người tu hành cần phải giấu tài, ẩn đức, phơi bày tội lỗi. Nếu chuộng phô trương tiếng tăm, oai thế rỗng tuếch, bày trò giả dối, dù có tu hành cũng bị cái tâm kiêu căng, dối trá ấy làm hư mất hết! Vì thế, Phật đặc biệt coi tội vọng ngữ là giới căn bản của các giới để ngăn ngừa tâm hư ngụy, ngõ hầu chân tu, thực chứng. Người tu hành chẳng được hướng về hết thảy mọi người khoe khoang công phu của chính mình. Nếu như vì chính mình chẳng thể hiểu rành rẽ, muốn cầu thiện tri thức khai thị, ấn chứng, thì cứ theo đúng sự thực mà trình bày trực tiếp, chớ nên tự kiêu nói quá lên, cũng chớ nên nói giảm đi, cứ dựa bổn phận của chính mình mà nói thì mới là đệ tử Phật thật sự, mới có thể mỗi ngày một thấy được lợi ích nhiều hơn. Lục Tổ đại sư nói:

Phật pháp tại thế gian,

Bất ly thế gian giác,

Ly thế mịch Bồ Đề,

Kháp như cầu thố giác

(Phật pháp tại thế gian,

Chẳng rời thế gian giác

Lìa đời tìm Bồ Đề

Khác nào tìm sừng thỏ).

Vì vậy, biết rằng: Hết thảy mỗi sự mỗi vật trong thế gian đều là Phật pháp. Chúng ta khởi tâm động niệm đều phải rành rẽ, minh bạch, chẳng được để vọng niệm làm mê. Ngay cả những hạng người cực ác, bại hoại nhất trong thế gian cũng như những đứa trẻ non nớt nếu có ai nói đến những điều bất thiện thì giận, nghe điều lành thì vui. Sự giận dữ đối với điều bất thiện,

vui vẻ đối với điều thiện há chẳng phải là Chân Tâm Bản Giác phát hiện. Điều đáng tiếc là chẳng biết tự quay lại để mở rộng [cái tâm giận điều ác, vui điều lành] ra, vẫn cứ suốt ngày làm chuyện chẳng lành, đến nỗi trở thành ham danh ghét thật, lọt vào hạng tiểu nhân. Giả sử họ có thể tự phản tỉnh: "Ta đã vui với điều thiện thì hãy nên tận lực làm việc lành, tận lực ngăn ngừa điều ác thì gần là mong thành hiền, thành thánh; xa là liễu sanh thoát tử, thành giác đạo của Phật".

Điều quan trọng là tự giác. Hễ giác thì chẳng chịu thuận theo mê tình, cuối cùng đạt đến chỗ giác vĩnh viễn chẳng mê. Nếu chẳng tự giác sẽ hằng ngày muốn người khác khen ngợi ta là lành, nhưng hằng ngày tận lực làm các điều ác, chẳng đáng buồn lắm ư? [Sự kiện] con người ai cũng có ý niệm thích được người khác khen ta là lành đủ chứng tỏ chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng hành vi thuận theo tánh hay trái nghịch tánh thì một là do mình tự cố gắng hay tự buông lung, hai là do thiện hay ác tri thức chỉ bày, dẫn dụ.

Đời nay, tai nạn phát sanh dồn dập, quá nửa là do con người phần nhiều chẳng chuộng thực tế, ham chuộng mong mỏi hư danh, ham danh ghét thật, trái nghịch bản tâm của chính mình mà nên nỗi! Nếu có thể hồi quang phản chiếu, tỏ rõ Phật tánh vốn sẵn có, chẳng lừa mình, dối người, biết lễ nghĩa, biết liêm sỉ thì cái căn bản đã lập, chẳng còn có hạnh nghịch lý loạn đức, ắt tai hoạn sẽ tự dứt vậy!

Người học Phật quan trọng nhất là ai nấy phải trọn hết bổn phận. Tròn bổn phận thì sẽ có liêm, có sỉ. [Những hạnh] như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính đều nên nỗ lực thực hành. Sách Đại Học có câu: *"Đại học chi đạo, tại minh Minh Đức"* (Đạo đại học cốt ở chỗ làm sáng tỏ cái đức sáng). Chữ "minh" thứ nhất là tu đức "khắc kỷ[54], xét soi, phản tỉnh". Hai chữ "Minh Đức" tiếp đó chỉ tánh đức sẵn có trong tự tâm. Muốn làm sáng tỏ Minh Đức sẵn có trong bản tâm, không tu trì từ việc khắc kỷ, xét soi, phản tỉnh thì không xong! Tiến lên nữa, mới có thể nói: *"Tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện"*. Chữ *"thân dân"* ở đây hàm ý ai nấy tận hết bổn phận. *"Chỉ ư chí thiện"* nghĩa là khởi tâm, làm chuyện gì, tự hành, dạy người, đều thuận theo lẽ trời, tình người, là Trung Đạo chẳng lệch, chẳng cong quẹo. Được như vậy thì làm thánh làm hiền là điều có thể đạt được!

Vả nữa, Phật pháp nhằm dạy người đối trị phiền não, tập khí, nên có Tam Học Giới - Định - Huệ làm căn bản. Bởi lẽ, Giới ràng buộc cái thân thì chẳng dám làm điều trái đức nghịch lý, chẳng dám thốt lời vô ích có hại. Do Giới sanh Định nên những tạp niệm vọng loạn rối bời trong tâm sẽ dần tiêu,

những hành vi hồ đồ sẽ tự ngưng. Do Định phát Huệ nên Chánh Trí mở mang, phát khởi, phiền hoặc tiêu diệt, thực hiện các thiện pháp thế gian hay xuất thế gian không pháp nào là chẳng phù hợp với Trung Đạo vậy! Ba thứ Giới - Định - Huệ đều là Tu Đức, đều là tâm thể do đích thân Chánh Trí thấy được! Đấy chính là Minh Đức. Sách Trung Dung gọi Minh Đức này là Thành. Thành chỉ cho "thuần chân chẳng vọng". Minh Đức tức là "ly niệm linh tri". Thành và Minh Đức đều thuộc về Tánh Đức. Do có Tu Đức "tu trì khắc kỷ, phản tỉnh, xét soi" thì Tánh đức mới hiển lộ. Bởi thế, cần chú trọng vào chữ "minh" thứ nhất thì Minh Đức mới có thể thấy thấu suốt, vĩnh viễn sáng!

Phật pháp và thế gian pháp vốn chẳng phải là hai thứ! Nếu có kẻ cho rằng nhà Phật *"từ thân cát ái"* (từ biệt cha mẹ, cắt đứt tình yêu thương) là bất hiếu thì đó là cái nhìn hạn cuộc trong đời này, là cái nhìn nông cạn chẳng biết quá khứ, vị lai. Chữ Hiếu đối với cha mẹ trong nhà Phật thông cả ba đời. Vì thế kinh Phạm Võng dạy*: "Nếu là Phật tử thì do từ tâm sẽ hành nghiệp phóng sanh, coi hết thảy đàn ông là cha ta, coi hết thảy nữ nhân là mẹ ta. Ta trong đời đời, không lúc nào không do họ sanh ra. Bởi vậy, chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ ta. Giết họ để ăn tức là giết cha mẹ ta!"* Đối với hết thảy chúng sanh, Phật đều nghĩ thương xót độ thoát, ấy là Hiếu, chẳng phải là vừa rộng lại vừa xa ư? Vả nữa, sự Hiếu thế gian: Cha mẹ còn sống thì hầu hạ, phụng dưỡng, cha mẹ đã khuất thì chỉ trong ngày [cha mẹ] mất mới làm cỗ cúng bái để hết dạ làm con. Nếu như cha mẹ tội lớn, đọa trong dị loại, nào ai có thể biết trong đám sinh vật bị giết hại để ăn ấy, chắc chắn không có ai từng là cha mẹ ta ư? Không thông hiểu lý ba đời vô tận, cậy vào sự hiếu nhỏ nhoi mấy mươi năm để trách người, sự thấy biết ấy nhỏ nhoi, nông cạn đáng thương xót thay! Vì thế, Phật dạy người ta kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, lòng từ bi cứu giúp lớn lao thay!

Hoặc lại có kẻ bảo: "Loài heo, dê, cá, tôm… vốn do trời sanh để nuôi dưỡng con người, ăn chúng nào có mắc tội gì?" Đây là do chưa trải qua cảnh đó nên mới nói bừa như thế. Nếu đích thân trải qua cảnh ấy thì mong được cứu còn không xuể, nào có dịp biện bác. Sách Khuyến Giới Loại Biên có chép: Ông họ Triệu nọ ở Bồ Thành, tỉnh Phước Kiến, ăn chay trường thờ Phật. Vợ ông hoàn toàn không có lòng tin. Ngày hôm trước bữa sinh nhật, bà mua khá nhiều sanh vật tính giết đãi khách. Họ Triệu bảo: "Bà muốn chúc thọ mà lại làm cho chúng nó bị chết, nên chăng?" Vợ bảo: "Ông nói toàn lời vô ích! Nếu theo như Phật pháp, nam nữ chẳng được ngủ chung, chẳng giết sanh mạng, thì hóa ra mấy chục năm sau, cả thế gian toàn là súc sanh!" Ông Triệu cũng không có cách gì khuyên giải được. Đến đêm, người

vợ mơ thấy đi vào nhà bếp, thấy giết heo mà chính mình bị biến thành heo, bị giết chết rồi vẫn còn biết đau. Lúc bị cạo lông, phanh bụng, móc ruột, cắt phổi, đau khổ không thể chịu được nổi! Sau đấy, giết đến gà, vịt v.v… đều thấy chính mình là những con vật bị giết. Đau quá sức, tỉnh cả ngủ, tim run, thịt giựt. Từ đấy phát tâm thả hết những loài vật mình đã mua, ăn chay trường. Người này đời trước có căn lành lớn nên mới cảm được Phật từ gia bị, khiến cho đích thân chịu khổ để dứt ác nghiệp. Chứ nếu không sẽ đời đời, kiếp kiếp nộp thân cho người ta ăn [để đền nợ sát sanh]! Những kẻ giết sanh vật ăn thịt trong cõi đời nếu có thể nghĩ tưởng đặt chính mình vào trong hoàn cảnh [của loài vật] thì khó gì mà chẳng quay đầu ngay khi ấy.

Lại có một hạng người nói: "Ta ăn thịt trâu, dê, gà, vịt… là vì muốn độ thoát chúng nó!" Chẳng những Hiển Giáo không có thuyết này, ngay trong Mật Giáo cũng không có. Nếu quả thật có thần thông như ngài Tế Điên thì còn được. Chứ nếu không, đó chỉ là tà thuyết khiến người lầm lạc, tự chuốc lấy tội. Hạng hết sức vô liêm sỉ mới dám nói như thế! Người học Phật phải hiểu rõ ràng khả năng của mình, chớ nên xằng bậy tự khoe khoang lớn lối, mong mỏi vậy thay! Thời Lương, tại núi Thanh Thành ở đất Thục (Tứ Xuyên), có vị Tăng tên là Đạo Hương có đại thần lực, nhưng giấu kín chẳng tiết lộ. Núi ấy có lệ hằng năm mở hội, lúc đó mọi người ăn uống no say, giết hại sanh vật vô số. Ngài Đạo Hương khuyên can nhiều lần, họ chẳng nghe. Năm ấy, ngài đào một cái hố to ở ngoài cửa núi, bảo mọi người: "Các ông đã ăn no, xin chia cho tôi một bát canh, có được không?" Mọi người ưng thuận. Khi đó, ngài Đạo Hương cũng ăn uống no say, nhờ người dìu đến trước hố ọe hết ra. Những con vật ngài đã ăn vào: Con nào bay được thì bay lên, con nào chạy thì chạy đi, tôm, cá, thủy tộc ói ra ngập cả hố. Mọi người kinh sợ, kính phục, liền vĩnh viễn kiêng sát sanh. Về sau, ngài Đạo Hương nghe lời Chí Công liền hóa (tịch diệt) (Có người đất Thục yết kiến ngài Chí Công ở kinh đô. Chí Công hỏi: "Người xứ nào?" Đáp: "Tứ Xuyên". Chí Công bảo: "Hương ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?" Đáp: "Rất rẻ"[55]. Chí Công bảo: "Bị người coi thường sao chẳng ra đi". Người đó trở về núi Thanh Thành, thuật cho Đạo Hương nghe lời ngài Chí Công. Ngài Đạo Hương nghe lời ấy xong liền hóa).

Cần biết rằng: Những người an phận giữ mình trong cõi đời, một khi hiển thị thần thông xong liền lìa đời thị hiện tịch diệt để khỏi bị làm phiền thêm. Nếu không, phải như ngài Tế Điên làm ra vẻ si cuồng, không ra trò gì để người ta nửa tin nửa ngờ, không thể đoan chắc thì mới được!

Người học Phật cần phải chăm chú bỏ cái thấy ta - người, cần phải tự lập, lập người, tự lợi, lợi người. Có vậy mới có thể nói là "nhập đạo". Tức là như sách Đại Học chép: *"Cổ chi dục minh Minh Đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm. Dục chánh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật"* (Người xưa muốn làm sáng tỏ Minh Đức trong thiên hạ thì trước hết phải giữ yên đất nước. Muốn giữ yên đất nước thì trước hết phải giữ yên gia đình. Muốn giữ yên gia đình thì trước hết phải sửa đổi thân mình. Muốn sửa đổi thân mình thì trước hết cái tâm phải ngay thẳng. Muốn cái tâm ta ngay thẳng thì trước hết phải giữ cho cái ý chân thành. Muốn cho cái ý chân thành thì trước hết phải đạt đến chỗ hiểu biết. Đạt đến chỗ hiểu biết nằm ở chỗ trừ khử vật dục).

Chữ *"vật"* ở đây chỉ lòng tư dục chẳng phù hợp với thiên lý và tình người. Hễ đã có tư dục ắt tri kiến sẽ lệch lạc, tà vạy, chẳng còn công chánh nữa. Chẳng hạn như đã yêu vợ, thương con thì dù vợ con có hư đốn, kẻ đó cũng chẳng thấy là hư hỏng. Do lòng tư chuộng yêu thương mê mệt ngăn lấp lương tri sẵn có, trở thành sự lệch lạc, tà vạy, bất chánh. Nếu có thể trừ khử (cách trừ) sạch được lòng tư dục yêu thương mù quáng thì những chuyện vợ con đúng hay sai sẽ thấy ngay lập tức. Vì vậy, biết: Chuyện *"cách vật"* (trừ khử vật dục) ở đây cần phải thống thiết giảng, chớ có lầm hiểu *"cách vật"* nghĩa là thông suốt cùng tột lý của mọi sự vật trong thiên hạ. Trừ khử món đồ tư dục trong tự tâm mới chính là căn bản của việc "làm sáng tỏ Minh Đức". Thông đạt tận cùng lý tánh của sự vật trong cõi đời chỉ là chuyện cành nhánh nhất trong các chuyện cành nhánh. Lấy chuyện cành nhánh phụ thuộc nhất làm căn bản trọng yếu thì thiên hạ ắt phải loạn lạc hết thuốc chữa được! Phật pháp trừ khử tham - sân - si chính là *"cách vật"*. Tu Giới - Định - Huệ chính là *"trí tri"*. Vật Tham - Sân - Si chất chứa trong tâm thì cũng như đeo cặp kính màu để nhìn mọi vật sẽ chẳng thể thấy được màu thật của chúng. Họa hại của vật [dục] chẳng đáng sợ sao?

Người niệm Phật cũng đừng ỷ mình thông minh, trí huệ, mà cần phải vứt bỏ [những điều ấy] ra tận ngoài biển Đông. Nếu không, e rằng sẽ bị chúng làm lầm lạc, tự chuốc buồn khổ. Bởi lẽ, do thấy biết nhiều nhưng không chuyên nhất, đâm ra chẳng bằng hạng ngu phu, ngu phụ niệm Phật, chánh tâm, thành ý được hưởng ích lợi rất nhiều. Vì thế, một pháp Niệm Phật tốt nhất là phải học theo ngu phu, ngu phụ, [lấy việc] thật thà tu trì làm trọng. Tục ngữ có câu: *"Thông minh phản bị thông minh ngộ"* (Thông minh đâm ra lại bị lầm lạc vì thông minh), chẳng đáng sợ sao? Như bà vợ của ông Trịnh Bá Thuần, một đệ tử quy y của tôi ở huyện Bảo Sơn, tỉnh Vân Nam,

ăn chay trường niệm Phật nhiều năm. Người con trưởng tên Huệ Hồng đã chết vào năm trước. Bà mẹ do thương con quá nên uống thuốc độc, trọn không có tướng trạng khổ sở, ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời. Hơn nữa, chết rồi sắc mặt sáng nhuận, kinh động cả một phương. Ông Bá Thuần là bậc lão nho đề xướng [niệm Phật], người tin theo rất ít, nhưng do cái chết của vợ con ông, mười người đã hết tám, chín người tin theo. Phàm ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời, dẫu không bịnh mà thác cũng đã khó có; huống chi uống thuốc độc mà chết còn hiện được tướng đó, nếu chẳng phải là đã đắc Tam Muội nên chất độc chẳng thể làm hại được thì làm sao hiện được tướng như vậy? Nhưng uống thuốc độc tự sát là điều Phật pháp cấm đoán, đừng tưởng vậy là hay, cũng đừng khinh thường làm thử, những vị nghe giảng phải dè chừng[56].

Ông Tống Dương Kiệt, tự là Thứ Công, hiệu Vô Vi Tử, tham học với Thiên Y Nghĩa Hoài thiền sư, đại ngộ. Sau do cư tang mẹ, đọc Đại Tạng, hiểu sâu xa sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ nên tự hành, dạy người hành. Lâm chung nói kệ rằng:

Sanh diệc vô khả luyến

Tử diệc vô khả xả,

Thái hư không trung chi hồ giả dã,

Tương thác tựu thác: Tây Phương Cực Lạc.

(Sanh thì cũng chẳng tiếc gì,

Chết rồi cũng chẳng bỏ đi đâu nào,

Hư không hư huyễn sá chi,

Đem lầm đáp lẫn để về Tây Phương)

Ông Dương Kiệt sau khi đại ngộ, quy tâm Tịnh Độ, cực lực đề xướng; đến lúc lâm chung nói: Trong chân tánh thì sanh tử như hoa đốm trong hư không, nhưng do chưa chứng được chơn tánh thì chẳng thể không chú trọng cầu vãng sanh Tây Phương. *"Đem lầm đáp lẫn"* nghĩa là nếu đã triệt chứng chân tánh thì chẳng cần phải cầu sanh Tây Phương chi nữa vì cầu được vãng sanh vẫn còn là lầm lạc! Chưa chứng ngộ chân tánh thì phải nên cầu vãng sanh Tây Phương, cho nên mới nói: *"Đem lầm đáp lẫn để về Tây*

Phương”. Trong tác phẩm Vãng Sanh Tập, cuối truyện ông Tống Dương Kiệt, Liên Trì Đại Sư đã viết bài tán như sau: *“Tôi mong những kẻ thông minh tài trí trong thiên hạ đều có thể thành tựu loại lầm lạc này. Đấy có thể bảo là thực sự đại thông minh mà chẳng bị thông minh làm lầm lạc vậy”.*

Như ông Tô Đông Pha đời Tống, tuy là hậu thân của Ngũ Tổ Giới thiền sư, luôn mang một bức tranh Phật A Di Đà theo bên mình, bảo: “Đây là công cứ Tây Phương của cả đời ta”. Nhưng đến lúc lâm chung, trưởng lão Duy Lâm ở Kính Sơn khuyên nhủ đừng quên Tây Phương, Đông Pha nói: “Tây Phương dù chẳng phải là không có, nhưng chẳng thể dốc sức vào đấy được!” Môn nhân là Tiền Thế Hùng bảo: “Đấy chính là chỗ tiên sinh thường hành trì, hãy nên dốc sức”. Đông Pha đáp: “Hễ dốc sức vào thì là sai rồi!” Nói xong liền mất. Đấy chính là bằng chứng hùng hồn của chuyện tự lầm lạc bởi thông minh vậy. Mong quý vị ai nấy đều chú ý.

Pháp môn Tịnh Độ khế lý, khế cơ, dùng sức ít mà thành công dễ, như đã căng buồm thuận gió lại còn thuận nước vì nhờ vào Phật lực. Các tông khác dùng sức nhiều mà thành công khó như con kiến bò lên núi cao vì hoàn toàn cậy vào tự lực. Đẳng Giác Bồ Tát muốn cầu viên mãn Phật Quả còn phải cầu vãng sanh Tây Phương, huống hồ là bọn phàm phu chúng ta nghiệp căn sâu nặng, sao còn chẳng chịu dốc sức vào pháp này? Đấy là bỏ dễ cầu khó, lầm lạc cùng cực thay!

Vả nay những dụng cụ giết người trong cõi đời mỗi ngày mỗi mới mẻ, mỗi tháng mỗi khác biệt, nào là phi cơ, đại bác, hơi độc, tia sáng chết chóc v.v… Núi, sông chẳng thể ngăn trở nổi, vật cứng không chống ngăn được, cái thân máu thịt của chúng ta làm sao đương cự được nổi? Mạng người như giọt sương buổi sớm, vô thường một khi xảy đến, muôn sự đều thôi. Bởi thế, muốn cầu lìa khổ được vui thì phải nên gấp gáp nỗ lực niệm Phật, cầu Phật gia bị lâm chung vãng sanh. Một phen đạt lên cõi kia, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, hoa nở thấy Phật, chứng được Vô Sanh, mới chẳng cô phụ chuyện được nghe pháp này mà tin nhận vậy. Kính mong đại chúng tinh tấn hành trì, đấy là điều tôi rất mong mỏi.

---o0o---

Ngày thứ tám : Pháp hội đã viên mãn, giảng Tam Quy, Ngũ Giới và các nghĩa lý trọng yếu dành cho người niệm Phật

Hôm nay là ngày quý vị quy y. Quý vị đã quy y thì nên hiểu rõ đạo lý quy y, nay tôi trình bày cùng quý vị. Vì sao quý vị quy y Tam Bảo? Tôi

nghĩ nói chung là chẳng ngoài việc muốn cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử mà thôi! Như thế nào mới đạt được những mục tiêu này? Tức là phải quy y Tam Bảo, nghĩa là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Có quy y Tam Bảo, tu trì chân thật thì mới được liễu thoát sanh tử, vãng sanh Tây Phương. Vả Tam Bảo vừa nói đó có hai loại là Tự Tánh [Tam Bảo] và Trụ Trì [Tam Bảo].

* Phật nghĩa là Giác Ngộ. Tự Tánh Phật Chân Như Phật Tánh ly niệm linh tri có sẵn trong tự tâm.

* Pháp nghĩa là quỹ phạm (khuôn phép). Tự Tánh Pháp chính là khuôn mẫu đạo đức, nhân nghĩa cao quý sẵn có trong tâm.

* Tăng nghĩa là Thanh Tịnh. Tự Tánh Tăng chính là tịnh hạnh thanh tịnh vô nhiễm sẵn có trong tâm.

Trụ Trì Tam Bảo:

* Đức Phật Thích Ca lúc còn tại thế thì Ngài là Phật Bảo. Sau khi diệt độ, tất cả các tượng Phật bằng vàng, bằng đất, gỗ chạm, tranh vẽ đều là Phật Bảo.

* Các pháp ly dục thanh tịnh Phật đã giảng, và các kinh điển sách vàng, trục đỏ đều là Pháp Bảo.

* Người xuất gia áo thâm, tu các hạnh thanh tịnh đều là Tăng Bảo.

Quy là quay về, đổ vào, như nước đổ vào biển, như dân hướng về vua. Y là nương gởi, như con nương vào mẹ, như vượt [sông, biển] nương nhờ thuyền. Con người giữa biển cả sanh tử nếu chẳng quay về nương nhờ Tự Tánh Tam Bảo và Trụ Trì Tam Bảo thì không cách gì thoát ra được! Nếu chịu phát tâm chí thành quy y Tam Bảo, tu hành đúng như pháp thì liền ra khỏi biển khổ sanh tử, liễu sanh thoát tử. Như người lỡ chân rớt xuống biển cả, sóng dữ bủa cuồn cuộn, lo bị ngập mất đầu. Giữa lúc ngàn cân treo sợi tóc, sanh tử tồn vong ấy, chợt có con thuyền đi đến, liền đuổi theo, trèo lên. Đấy là nghĩa "quay về, gieo vào" vậy. Do biết Tự Tánh Tam Bảo, từ đấy khắc kỷ, phản tỉnh, xem xét, kiêng dè, gắng sức, lại cầu nơi Trụ Trì Tam Bảo và mười phương tam thế hết thảy Tam Bảo thì tiêu trừ được ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thành tựu đạo nghiệp ngay trong đời này, vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử, luân hồi. Giống như được cứu, leo lên thuyền, ngồi yên đến bờ. Hung hiểm lúc ấy đã qua, hiện tại mừng được sống sót. Bởi đó được

vô hạn lợi ích. Đấy chính là ý nghĩa "nương, gởi" vậy. Việc đời rối ren, phiền não đau khổ, sống trong biển cả sanh tử này, nên lấy Tam Bảo làm thuyền. Chúng sanh được quy y, thúc trống, chèo chống, giương buồm, chẳng lười, chẳng lui sụt, tự lên được bờ kia!

* Đã quy y Phật nên thờ Phật làm thầy; bắt đầu từ nay cho đến hết đời, dốc lòng chân thành lễ kính, chẳng chịu lười nhác dẫu chỉ trong một hơi thở. Lại chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần.

* Đã quy y Pháp, nên lấy Pháp làm thầy, từ nay cho đến hết đời, chẳng quy y kinh điển ngoại đạo nữa.

* Đã quy y Tăng nên lấy Tăng làm thầy, bắt đầu từ nay cho đến hết đời, chẳng còn quy y đồ chúng ngoại đạo nữa.

Nếu đã quy y Tam Bảo mà còn tin tưởng ngoại đạo, tôn thờ tà ma, quỷ thần thì tuy hằng ngày niệm Phật, tu trì, cũng khó lòng được lợi ích chơn thật, vì tà - chánh chẳng phân, chắc chắn chẳng có hy vọng liễu thoát sanh tử. Ai nấy nên nghiêm chỉnh vâng giữ như thế.

Lại cần phải biết rằng: "Quy y" vừa nói đó chính là quy y hết thảy Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, chứ chẳng phải là quy y một cá nhân nào. Chẳng hạn như hôm nay các vị đến quy y, chẳng qua tôi thay mặt cho Tam Bảo truyền chứng Tam Quy, chứ chẳng phải quy y một mình tôi. Tôi thường thấy Tăng - tục có kẻ hiểu lầm ý nghĩa quy y, người tại gia thì nói tôi quy y vị pháp sư đó, người xuất gia bảo kẻ nọ là đệ tử quy y của tôi. Bỏ cái lớn, lấy cái nhỏ, bỏ công chọn tư, đáng buồn, đáng than thay! Vì thế tiện dịp bèn nói rõ để quý vị khỏi bị lầm lạc nữa, xin ai nấy chú ý[57].

Đã giảng về ý nghĩa Tam Quy rồi, lại nói đến ý nghĩa Ngũ Giới. Ngũ Giới vừa được nói đó, chính là: một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng uống rượu.

* Chẳng sát sanh là vì ta cùng loài vật đều ham sống, sợ chết hệt như nhau. Ta đã ham sống, loài vật há muốn chết? Nói, nghĩ đến điều đó nỡ lòng nào giết hại? Bởi lẽ, hết thảy chúng sanh vốn cùng ngang hàng, luân hồi trong lục đạo, tùy theo nghiệp thiện - ác mà hình thể biến đổi, thăng, giáng, siêu thoát, chìm đắm, trọn chẳng lúc nào hết. Ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha, mẹ, lần lượt làm con cái. Nghĩ như vậy, há còn dám sát sanh? Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, quả thực chẳng hai, chẳng khác với tam thế chư Phật. Trong đời vị lai, đều có thể thành Phật, chỉ vì sức

ác nghiệp đời trước ngăn lấp Phật Tánh mầu nhiệm sáng suốt chẳng thể hiển hiện được, chìm đắm trong dị loại. [Chúng ta] nên đem lòng thương xót, lòng từ bi để cứu vớt, nỡ nào cắt xẻ thân thể chúng để no bụng ta? Đời này, bọn ta đã được làm người chính là do thiện quả đời trước, phải nên giữ gìn thiện quả này khiến cho nó được tỏa rạng rộng lớn, duy trì vĩnh cửu, hãy nên kiêng giết chóc sanh mạng! Nếu như rộng tạo sát nghiệp ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, xoay vần giết hại nhau, đây chìm, kia nổi, chẳng có lúc hết. Muốn cầu sanh Tây Phương để tránh khỏi nỗi khổ luân hồi, sao còn dám tạo đôi chút sát nghiệp ư? Vì thế, điều đầu tiên cần chú trọng là kiêng giết.

* Chẳng trộm cắp là khi có được vật gì phải xét xem nó có hợp đạo nghĩa hay không[58], nếu chẳng cho thì chẳng lấy. Việc này những ai biết chút liêm sỉ sẽ đều có thể chẳng phạm, nhưng con người chẳng phải là hiền thánh, ai có thể chưa hề phạm? Bởi lẽ, nếu tư dục dấy lên sẽ dễ vật chất lung lạc. Nếu đối với mối lợi lớn ở ngay trước mắt mà có thể né tránh như thể gấp tránh rắn, rết, kẻ chạy cuồng đi gấp thì [người như vậy] chẳng luôn luôn gặp gỡ được! Nói "trộm cắp" đó chẳng phải chỉ có nghĩa là trộm cắp tài vật của người khác, mà là ngay trong lúc khởi tâm, làm việc có khi giống như trộm cắp thì cũng gọi là trộm cắp vậy. Chẳng hạn, lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu đoạt vật, ganh tỵ sự phú quý của người khác, mong người nghèo hèn đi v.v… đều là trộm cắp cả! Lại như làm lành phô trương để cầu danh. Nếu gặp các việc lành, tâm chẳng tích cực, công chuyện làm quấy quá. Chẳng hạn như lập trường nghĩa học[59], nhưng chẳng chọn thầy nghiêm khắc khiến cho con em người khác bị lầm lạc; thí thuốc men chẳng phân biệt thật - giả, khiến tánh mạng người khác bị hại. Phàm thấy chuyện gấp, dụ dự chẳng cứu cho nhanh, lần chần, dùng dằng đến nỗi lỡ việc. Chỉ luôn lằng nhằng, thiếu trách nhiệm, chẳng quan tâm đến lợi - hại của người khác. Những điều giống như thế đều gọi là trộm cắp! Lòng mang cái tâm trộm cắp, làm chuyện trộm cắp thì xã hội sẽ rối beng, thiên hạ cũng chẳng thái bình.Vì vậy, cần phải chú trọng kiêng dè trộm cắp.

* Chẳng tà dâm: Âm - dương thu hút nhau, muôn vật nhờ đó mà sanh. Nam nữ lập gia đình là giềng mối lớn lao của con người. Sanh con đẻ cái, dạy dỗ nên người, trên liên quan đến phong hóa, dưới liên quan đến tiếp nối dòng dõi; cho nên chẳng cấm. Nếu chẳng phải với người vợ hay chồng chánh thức, lại chung chạ bừa bãi, đấy là tà dâm. Như vậy là trái nghịch lẽ trời, rối loạn luân thường của con người, sống làm cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa tam đồ ác đạo ngàn vạn ức kiếp chẳng thể thoát khỏi. Nhưng con người do dâm dục sanh ra nên dục tâm khó chế ngự nhất. Đức Như Lai dạy người tham dục nặng nề tu Bất Tịnh Quán, quán lâu ngày sẽ thấy sắc đâm

chán. Lại nếu có thể tưởng hết thảy nữ nhân mình trông thấy đều là mẹ, con gái, chị, em, sanh tâm hiếu thuận, tâm cung kính thì ác niệm dâm dục không do đâu phát sanh được! Đấy chính là cách đoạn trừ căn bản của sanh tử luân hồi, là cơ sở, là bậc thềm để siêu phàm nhập thánh, hãy nên thường kiêng dè.

Còn như vợ chồng ân ái với nhau vốn chẳng bị cấm đoán, nhưng cũng cần phải *"tương kính như tân"* (kính trọng nhau như khách), nhằm tiếp nối dòng dõi, phải nên giữ chừng mực, chớ nên tham cầu khoái lạc đến nỗi chôn vùi thân mạng! Tuy là người phối ngẫu của mình, tham khoái lạc cũng là phạm giới! Chẳng qua tội ấy so ra nhẹ hơn [tội tà dâm] thôi! Vì thế, cần phải đặt nặng chuyện giới dâm.

* Chẳng nói dối là lời lẽ phải đáng tin, chẳng dối trá thốt ra. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, lấy có làm không; phàm hết thảy những chuyện tâm miệng chẳng xứng nhau, muốn lừa dối người thì đều là "nói dối" cả. Lại nếu tự mình chưa đoạn Hoặc mà bảo đã đoạn Hoặc, tự mình chưa đắc đạo mà bảo đã đắc đạo thì là đại vọng ngữ. Tội ấy rất nặng vì hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh ngờ vực, lầm lạc, chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ, vĩnh viễn không có ngày ra. Vì thế, cần phải chú trọng giới vọng ngữ.

Bốn điều kể trên gọi là Tánh Giới vì do thể tánh của chúng đáng kiêng giữ. Chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không, hễ phạm phải đều có tội lỗi. Kẻ chưa thọ giới, căn cứ trên sự mà luận tội. Người đã thọ giới, ngoài việc căn cứ trên Sự để luận tội ra, còn kèm thêm tội phạm giới. Vì thế, bốn điều sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đại vọng ngữ này, hết thảy mọi người đều chẳng nên phạm. Hễ phạm đều có tội! Đã thọ giới mà còn phạm sẽ mắc cả hai trọng tội.

* Chẳng uống rượu là vì rượu có thể làm mê loạn lòng người, hư hoại dòng giống trí huệ. Uống vào, rượu làm cho con người điên đảo, hôn mê, cuồng dại, làm càn những chuyện không biết hổ thẹn. Phàm là người tu hành trọn chẳng cho phép uống. Cần biết rằng: Hết thảy vọng niệm, tà hạnh phần nhiều là do uống rượu mà nẩy sanh! Vì thế, cần phải chú trọng thêm chuyện kiêng rượu! Đây là Già Giới (giới ngăn ngừa), chỉ người thọ giới mắc tội phạm giới. Người chưa thọ giới thì uống vào không bị tội! Nhưng không uống thì tốt hơn, bởi nó là căn bản có thể sanh ra các thứ tội lỗi.

Còn về Thập Thiện cũng phải nên tuân thủ. Thập Thiện là chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm; đấy là ba nghiệp của thân. Chẳng nói

dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu là bốn nghiệp của miệng. Chẳng keo tham, chẳng nóng giận, chẳng tà kiến là ba nghiệp của ý. Nếu giữ được chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện. Nếu phạm chẳng giữ thì gọi là Thập Ác. Thập Ác chia ra làm thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập Thiện cũng chia thành thượng, trung, hạ, chiêu cảm thân trong ba đường lành: trời, người, A-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định không nghi, không hề sai sót! Mười điều lành này bao gồm hết thảy thiện pháp. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Các vị đã quy y, thọ giới, hãy nên tuân thủ trọn vẹn. Lại còn phải nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ nên coi thường. Nếu chẳng để ý, đến khi lâm chung mới cảm thấy là trọng yếu thì gió nghiệp đã thổi, chẳng thể tự chủ, hối cũng chẳng kịp!

Người học Phật đã hiểu rõ các ý nghĩa Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện rồi thì hãy hết sức giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Điều cần phải chú ý nhất là làm bất cứ việc gì, đều phải dựa vào thiên lý, lương tâm. Như người làm nghề y mà có lương tâm, cứu người [trong cơn] nguy cấp sẽ tích lũy âm công (âm đức) lớn lao. Kẻ không có lương tâm có thể sẽ làm cho người bệnh nhẹ chuyển thành nặng, thừa nước đục thả câu, táng tận lương tâm, quyết định lãnh ác quả.

Hiếu liêm Tào Cẩm Đào ở Tô Châu đời Thanh giỏi y thuật[60], bất cứ bệnh ngặt nghèo nào, gặp tay ông đều khỏi. Một bữa, lúc ông sắp ra khỏi cửa, chợt có một người đàn bà nghèo quỳ ngoài cửa, khóc lóc xin ông chữa bệnh cho mẹ chồng, than: "Gia cảnh nghèo túng, nghe ngài sẵn lòng từ bi, nhất định sẽ đoái hoài đến trị". Ông Tào liền đến trị. Đến lúc ông ra về, dưới chiếc gối của mẹ chồng người đàn bà nghèo có năm lạng bạc trắng, chẳng biết đi đâu mất, tưởng ông Tào trộm đi, người đàn bà bèn đến nhà hỏi. Ông Tào bèn cứ đúng số đưa cho. Người đàn bà nghèo về đến nhà, [thì ra] mẹ chồng đã lấy bạc ra. Người đàn bà hổ thẹn vô cùng, lại đem bạc đến trả lại, tạ tội, hỏi ông: "Sao ngài lại tự đổ hô mình trộm bạc?" Ông Tào bảo: "Tôi chỉ muốn mẹ chồng bà chóng khỏi bệnh! Nếu tôi chẳng nhận, mẹ chồng bà ắt sẽ thêm lo lắng bệnh nặng hơn, hoặc khó trị lành! Chẳng sợ người ta bảo tôi trộm bạc". Tấm lòng ông trung hậu, có thể nói là đến cùng cực, không ai hơn được! Bởi thế, ông sanh được ba người con: Con trưởng làm Ngự Y, thọ hơn tám mươi tuổi, nhà giàu to; con thứ làm Hàn Lâm, làm quan đến chức Phiên Đài; con thứ ba cũng làm Hàn Lâm, làu thông kinh sử, chuyên chí trước tác. Cháu chắt đông đảo, nhiều người hiển đạt. Còn những kẻ chỉ mưu

kiếm lợi bằng nghề y, nếu chẳng tan nhà nát cửa, dòng dõi tuyệt diệt thì chứng cớ đã rành!

Kinh Dịch chép: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện, niềm vui có thừa; nhà tích ác, ương họa có thừa), ý nói: dư khánh, dư ương báo ứng vào con cháu. Còn bổn khánh, bổn ương vận vào chính thân mình. Dư khánh, dư ương người khác thấy được, còn bổn khánh, bổn ương là quả báo ngay nơi bản thân. Dư khánh, dư ương con người có thể thấy được. Bổn khánh, bổn ương thì chính là ngay trong đời này hoặc trong đời kế tiếp, đời sau phải hứng chịu, người đời chẳng thể thấy được. Thiên, địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát đều thấy biết từng sự rõ ràng. Phải biết là bổn khánh, bổn ương so với dư khánh, dư ương lớn gấp trăm, ngàn, vạn lần. Vì thế, xin người đời hãy nỗ lực tu trì, ngõ hầu được sự vui, trừ ương họa vậy. Ông Tào cam chịu tiếng "trộm cắp" để cứu tánh mạng người khác, thiện báo ứng vào con cháu. Nếu chính mình có thể thay cho con cháu niệm Phật, cầu Tam Bảo gia bị, dạy con cháu ai nấy cũng ăn chay, niệm Phật thì thiện báo sẽ là Tây Phương!

Các vị đã quy y thì phải nên cung kính thọ Tam Quy để làm cái gốc cho việc bỏ tà theo chánh. Giữ Ngũ Giới cẩn thận là cái nguồn để đoạn ác, tu thiện. Phụng hành Thập Thiện để làm gốc cho việc thanh tịnh ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý. Từ đó, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Tam nghiệp đã tịnh, rồi có thể tuân tu đạo phẩm, liễu sanh thoát tử, được dự vào hội tốt lành nơi Cực Lạc. Thiện - ác nhân - quả như bóng theo hình, chẳng hề sai lầm. Thật sự làm như vậy sẽ được lợi ích thật sự. Nếu mua danh chuốc tiếng, thích nói cuồng vọng, lừa mình, dối người, tự bảo đã đắc Phật đạo thì là đại vọng ngữ, ắt sẽ mắc ác báo. Người tu hành tâm địa phải quang minh, ba nghiệp thanh tịnh, công đức vô lượng. Quán kinh dạy: *"Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện nghiệp là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật"*. Buông dao đồ tể xuống, thành Phật ngay nơi ấy, đã có người làm được như thế. Xin ai nấy hãy gắng lên.

---o0o---

PHỤ LỤC

1. Pháp ngữ khai thị của lão pháp sư khi từ Thượng Hải trở về chùa Linh Nham[61]

(giảng vào buổi chiều ngày 17 tháng 10 năm Dân Quốc 25 (1936)

Linh Nham chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo "chánh tâm thành ý, siêng năng việc nước, yêu dân" của các vị tổ là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung[62], chỉ chuộng dâm lạc, bèn dựng cung Quán Oa[63] nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng không nhỏ. Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư Không[64] Lục Ngoạn xây nhà trên đó, sau nghe Phật pháp, bèn biến nhà thành chùa, đấy chính là duyên khởi khai sơn đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, ngài Bảo Chí Công cầu phước cho Vũ Đế, chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bồ Tát[65] nhiều lượt hiện thân vẽ tượng, hiển thị đạo nhiệm mầu, dẫn dắt những kẻ tục còn đang mê. Đến đời Đường, tể tướng Lục Tượng Tiên (người Tô Châu), mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị Tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, lập tức khỏi hẳn bệnh. Đem mọi vật đáp tạ Sư đều không nhận, nói: "Tôi tên là Trí Tích. Sau này ông trở về Tô Châu, nên đến núi Linh Nham gặp gỡ ta". Về sau, người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính là vị Tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế, đặc biệt dựng điện Trí Tích, chùa lại được hưng khởi. Từ đời Tấn đến đời Đường, [danh tánh] tất cả Trụ Trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm ai là trụ trì của núi này đều là bậc đại lão lỗi lạc trong Tông môn. Đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu xứ Chiết Giang - Tô Châu; do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam, đều nghỉ lại tại hành cung[66] trên núi. Trong cơn loạn Hồng Dương, chùa bị đốt cháy gần như hết sạch. Về sau, đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp, nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lân đi chơi núi gặp gỡ, bèn bỏ ra ruộng đất hơn sáu trăm mẫu, dựng hơn mười gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), trụ trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y [ca-sa] mà đánh đập người khác quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả như ông ta tận lực vâng giữ Thanh Quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng Tịnh Nghiệp duy nhất trong cả nước được! Họa - phước dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi. Bắt nguồn từ

việc thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán sai nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh Độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926), pháp sư Giới Trần[67] đến đây, bèn giao cho Ngài làm Trụ Trì. Tăng chúng thường trụ lấy hai mươi người làm mức, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ [chi tiêu] không đủ thì ngài Chân Đạt bèn bù cho. Chẳng quyên mộ, chẳng làm pháp hội, chẳng truyền pháp, chẳng thâu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tạc[68], chuyên nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi tiến hành Phật thất thông thường. Trụ trì bất luận ngu hay hiền, chậm lụt hay lanh lẹ đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa[69], chỉ cần là giới hạnh tinh ròng, [trì giới] nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh Độ là được. Nếu những mặt khác đều khá, nhưng chẳng chuyên chú Tịnh Độ thì quyết chẳng được mời [làm Trụ Trì].

Từ đấy trở đi, người thường trụ ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ, trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng Niệm Phật Đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng Hai năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây, tháng Tư liền bế quan, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả nhưng bất tài, chỉ muốn chết già trong nơi bế quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai mỗi ngày giảng khai thị một lần, tỏ rõ lý "nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo", đề xướng pháp "tín nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này" để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mồng Sáu tháng này ra khỏi chỗ bế quan đến đất Hỗ, nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày Mười Lăm viên mãn, ngày Mười Sáu vì họ nói Tam Quy - Ngũ Giới. Sáng nay từ đất Hỗ trở về đây, nhưng các vị như cư sĩ Quý Thánh Nhất v.v… ở thành Tô Châu[70] đã đến trước rồi. Lên núi, trông thấy điện vũ nguy nga, Tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Nhân đó, được giám viện là đại sư Diệu Chân mời vào trong pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu[71] Tịnh Độ. Nếu chỉ nói pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người đi đều chẳng biết duyên do, rất có thể sẽ coi đạo tràng này giống hệt như các đạo tràng khác! Đối với người thông suốt rộng lớn thì không gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang, lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy, trước hết phải thuật bày duyên khởi vậy (đoạn này người ghi chép không sao lục lại,

do chính lão nhân chép thêm vào, cho nên toàn viết bằng thể văn Văn Ngôn).

Pháp môn Tịnh Độ chúng ta đang tu trì đây là pháp thù thắng, trỗi vượt nhất, mọi người chớ nên xem thường. Vì sao vậy? Vì các pháp môn đức Phật đã nói không gì chẳng phải là xét theo căn cơ mà nói, giống như căn cứ trên chứng bệnh mà cho thuốc vậy. Nếu như căn cơ của chính mình chẳng tương ứng với pháp môn ấy mà cứ tu tập thì rất khó được lợi ích. Hết thảy pháp môn đều cậy vào Tự Lực để tu Giới - Định - Huệ, đoạn tham - sân - si, ắt phải đoạn sạch Hoặc nghiệp mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu như phiền não còn sót mảy may chưa đoạn sạch thì vẫn chẳng thể tránh khỏi sanh tử, huống chi là kẻ hoàn toàn chưa đoạn ư? Điều này cần phải dùng sức của chính mình thực hiện triệt để thì mới được. Chỉ có một pháp Niệm Phật là do đức Như Lai ứng theo mọi căn cơ mà nói, cũng là do đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật thành tựu. Bất luận thượng trung hạ căn đều có thể tu học. Dẫu phàm phu hoàn toàn chưa đoạn được mảy may phiền não Hoặc nghiệp nào, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha rồi thực hành niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cũng có thể được Phật tiếp dẫn, đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền có thể liễu thoát sanh tử; vì thế, nói [pháp môn này] là thù thắng nhất!

Khi đức Phật còn tại thế, mười người tu hành có đến chín người có thể thành đạo, vì con người lúc đó thiên tánh thuần hậu, căn cơ rất lanh lẹ, bén nhạy. Về sau này, chúng sanh nghiệp chướng ngày càng tăng thêm, căn cơ cũng dần dần hèn kém hẳn đi; nếu muốn giống như trước thì không thể được! Nhưng vào thời Tấn, thời Đường, vẫn có những người có thể cậy vào tự lực để liễu thoát sanh tử, nhưng đã ngày càng giảm ít, càng về sau càng ít. Cho đến hiện tại, đã không còn có người giống như vậy nữa! Xét theo đó, sẽ hiểu cậy vào sức của chính mình để đoạn phiền não hòng liễu sanh tử là một chuyện rất khó. Lúc này, nếu vẫn chẳng biết tự lượng sức, muốn nói lớn lối, coi nhẹ pháp môn Niệm Phật hoành siêu này, đi tu các pháp môn khác thì e rằng muốn liễu sanh tử xem ra còn khó hơn là lên trời nữa!

Tôi hoàn toàn chẳng nói các pháp môn khác không hay, quả thật là vì các pháp môn có pháp khế lý nhưng không khế cơ, có pháp khế cơ nhưng không khế lý. Chỉ có pháp môn Niệm Phật này độ khắp ba căn, gồm thâu lợi căn, độn căn, lý lẫn cơ đều phù hợp chẳng thể nghĩ bàn! Nhất là trong đời Mạt Pháp này, nó lại càng thích hợp với căn tánh chúng sanh. Do vậy, kinh Đại Tập dạy: *"Đời Mạt Pháp ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp Niệm Phật là được thoát khỏi sanh tử"*. Vì sao niệm Phật

cầu sanh Tây Phương lại gọi là pháp môn Hoành Siêu? Cổ nhân có lấy một thí dụ để giải thích, tức là đem bọn phàm phu đầy đủ Hoặc nghiệp chúng ta ví với một con sâu sống trong lóng thấp nhất của một cây tre, cây tre ấy ví cho tam giới. Con sâu ấy muốn thoát ra chỉ có hai cách: Một là Thụ Xuất (thoát ra theo chiều dọc), hai là Hoành Siêu (vượt ra theo chiều ngang). Thụ Xuất chính là từ thấp lên cao, lần lượt đục thủng từng lóng một, đến khi đục thủng được lóng cao nhất thì mới thoát ra được. Đây là ví cho việc tu hành các pháp môn khác, chắc chắn phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não thì mới thoát tam giới. Kiến Hoặc gồm tám mươi tám Sử[72], Tư Hoặc gồm tám mươi mốt phẩm, phẩm lượng nhiều như vậy ví như số lóng của một cây tre. Con sâu ấy đục hướng lên trên để thoát ra thì gọi là Thụ Xuất. Chẳng hạn như bậc thánh nhân Sơ Quả đoạn Kiến Hoặc, phải trải qua bảy lần sanh lên cõi trời, bảy lần sanh trong cõi người, tu tập trong thời gian kiếp số lâu dài mới có thể chứng được quả A La Hán, liễu sanh tử. Nhị Quả cũng phải một lần sanh lên trời, một lần trở xuống cõi người mới có thể chứng được Tứ Quả. Tam Quả đã đoạn sạch Tư Hoặc thuộc Dục Giới, vẫn phải ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên[73], tu tập dần dần theo thứ tự, mới có thể đoạn sạch Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Đây là thoát khỏi tam giới tính theo bậc Vô Học thánh nhân[74]. Nếu như là bậc Tam Quả độn căn, phải sanh lên Tứ Không Thiên, từ Không Vô Biên Xứ Thiên cho đến Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, mới chứng được Tứ Quả.

Cách Thụ Xuất gian nan lâu lắc như vậy. Còn Hoành Siêu là như con sâu ấy chẳng hướng lên trên đục thủng từng lóng từng lóng một mà chỉ cắn thủng một lỗ bên hông [lóng tre] liền thoát ra được. Cách này so với Thụ Xuất bớt được nhiều công sức lắm. Người niệm Phật cũng giống như thế, tuy chưa đoạn trừ Kiến Tư phiền não, chỉ cần có thể đầy đủ tư lương Tịnh Độ là Tín - Nguyện - Hạnh, lâm chung liền có thể cảm động A Di Đà Phật đến tiếp dẫn người ấy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến cõi nước thanh tịnh đó rồi, Kiến Tư phiền não chẳng đoạn mà tự đoạn. Vì sao vậy? Do Tịnh Độ cảnh thù thắng, duyên mạnh mẽ, vì không có những cảnh duyên khiến cho con người nẩy sanh phiền não! Như vậy liền đạt được ba thứ Bất Thoái Chuyển, thẳng mãi đến khi phá Trần Sa Vô Minh, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, có gì thẳng chóng, giản dị được bằng! Vì vậy, cổ nhân nói: *"Học đạo nơi các môn khác như con kiến bò lên núi cao!"* Niệm Phật vãng sanh giống như buồm căng gió lại được thuận nước. Nay tôi lấy một chuyện để chứng minh đạo lý "Thụ Xuất gian nan", mọi người hãy lắng lòng nghe lấy!

Trong niên hiệu Đại Lịch (766-779) đời Đường Đại Tông, có một ẩn sĩ tên là Lý Nguyên, biến nhà thành chùa Huệ Lâm, thỉnh thiền sư Viên Trạch làm Trụ Trì. Về sau, Lý Nguyên muốn đi Tứ Xuyên triều bái núi Nga Mi, bèn ước hẹn Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn theo đường Trường An đi qua Tà Cốc, đi theo đường bộ; Lý Nguyên muốn từ Kinh Châu vào Giáp Sơn, đi theo đường thủy. Hai người ý kiến bất đồng đều là vì có nguyên do. Lý Nguyên không biết chuyện của Viên Trạch, nhưng Viên Trạch hiểu rõ tâm của Lý Nguyên: Sợ đến Trường An rất có thể bị người ta ngờ vực ông ta muốn làm quan, nên đi theo đường Kinh Châu.

Một ngày nọ thuyền bơi đến vùng Nam Phố, do nước sông chảy xiết nguy hiểm, trời chưa tối đã cắm thuyền. Lúc ấy, có một người đàn bà mặc áo chẽn bằng gấm, đội vò đi lấy nước. Viên Trạch vừa trông thấy bà ta, liền gục đầu, hai hàng lệ ứa. Lý Nguyên hỏi han: "Từ Kinh Châu đến đây, phụ nữ giống như thế này chẳng biết là bao nhiêu, vì sao thầy lại nẩy sanh bi cảm như thế?" Viên Trạch nói: "Ta chẳng muốn đi theo đường này tới đây chính là vì sợ gặp phải bà này. Do bà ta mang thai đã ba năm vẫn chưa sanh nở vì đợi ta đến đầu thai. Nay đã thấy rồi, không còn cách nào để trốn tránh được nữa. Xin ông ở lại mấy ngày, giúp cho tôi mau sanh và chôn tôi trong hang núi. Ba ngày sau xin đến gặp tôi. Trước mặt ông, tôi sẽ cười một tiếng để làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm Trung Thu, đến ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp tôi".

Nói xong bèn thay áo, tắm gội, ngồi qua đời. Lý Nguyên có hối hận cũng không kịp, chỉ đành mai táng Viên Trạch. Ba ngày sau, đến nhà nọ gặp gỡ ông ta, quả nhiên, người đàn bà sanh được một đứa con trai. Nhân đó, đem chuyện ấy kể cặn kẽ với người ta, xin gặp mặt đứa bé, quả nhiên nó cười một tiếng làm tin. Do vậy, Lý Nguyên không còn muốn đến Tứ Xuyên nữa, quay về Lạc Kinh (Lạc Dương), trở về chùa Huệ Lâm, mới biết trước lúc Viên Trạch lên đường đã dặn dò hậu sự cặn kẽ; vì thế, càng thêm biết Ngài chẳng phải là người tầm thường! Qua mười hai năm sau, Lý Nguyên theo đúng ước hẹn đến Hàng Châu, tới hôm Rằm Trung Thu, đợi ở ngoài chùa Thiên Trúc. Quả nhiên, ánh trăng vừa rọi, chợt nghe bên bờ giếng Cát Hồng có đứa bé chăn trâu cỡi trâu ca lên:

Tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn,

Thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu luân,

Tàm quý tình nhân viễn tương phỏng,

Thử thân tuy dị, tánh thường tồn.

(Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn

Ngâm gió, thưởng trăng lọ phải bàn

Thẹn thấy người xưa tìm đến gặp

Thân này tuy khác, tánh thường còn).

Lý Nguyên liền biết nó chính là thân đời sau của Viên Trạch, liền bước đến thăm hỏi: "Ngài Viên Trạch mạnh giỏi hay chăng?" Đứa bé chăn trâu đáp: "Ông Lý quả thật là người đáng tin tưởng!" Rồi nói chuyện sơ sài mấy câu xong, lại xướng rằng:

Thân tiền thân hậu sự mang mang,

Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường.

Ngô Việt giang sơn du dĩ biến,

Khước hồi yên trạo, thượng cù đường.

(Thân trước, thân sau sự vấn vương

Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường

Ngô,Việt giang sơn chơi khắp cả,

Gác chèo mây khói, ẩn ao chuôm)

Rồi cưỡi trâu đi mất. Như vậy, thấy được rằng: Viên Trạch có bản lãnh biết chuyện quá khứ, vị lai và "ngồi mất, đứng thác", nhưng vẫn chưa thể liễu thoát sanh tử, trốn tránh bào thai; huống gì bọn phàm phu đầy dẫy triền phược chúng ta, một chút bản lãnh cũng không có? Nếu chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương mà muốn liễu sanh tử thì có nằm mộng cũng mộng chẳng được!

Có kẻ nói: "Thiền Tông minh tâm kiến tánh, đạo lý kiến tánh thành Phật chẳng phải là rất hay ư?" Trọn chẳng biết kiến tánh thành Phật chính là thấy được vị Phật thiên chân trong Tự Tánh thì gọi là "thành Phật", hoàn toàn chẳng phải là thành vị Phật rốt ráo viên mãn phước huệ! Vì sao vậy? Là vì

người trong Tông Môn (Thiền Tông) khi công phu đạt đến mức khai ngộ liền biết chân tánh của chính mình lẫn người khác vốn giống hệt như Phật, vì thế gọi là "kiến tánh thành Phật". Nhưng những phiền não thô - tế[75] của người ấy còn chưa đoạn mảy may nào, chẳng qua là có thể thường tự giác chiếu[76], chế ngự phiền não, xử sự gần giống với bậc thánh nhân. Nếu đánh mất công phu giác chiếu, không chế ngự được phiền não, bèn tạo nghiệp so với người khác lại càng dữ dội hơn, vì trong phiền não của kẻ ấy có chen lẫn sức mạnh khai ngộ, biến thành cuồng huệ. Bởi đó, năng lực tạo nghiệp cũng mạnh mẽ dị thường. Như vậy thì không những chẳng có hy vọng thành Phật, mà còn phải đọa lạc trong ba đường ác. Vì thế, người đã khai ngộ càng phải ra sức tấn tu, luôn luôn giác chiếu. Đến khi đoạn sạch Kiến Tư phiền não mới là lúc liễu sanh thoát tử, hoàn toàn chẳng phải là hễ ngộ liền liễu! Giống như Ngũ Tổ Giới và thiền sư Thảo Đường Thanh thuở trước, do ngộ rồi nhưng chưa chứng, vẫn không tránh khỏi nỗi khổ luân hồi. Vết xe đổ rành rành, chẳng thể không biết! Nếu nói là "thật sự thành Phật" thì lại càng sai rất xa!

Đức Phật rốt ráo phước huệ viên mãn làm sao mới thành được? Nói theo tông Thiên Thai, một vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc, khi tu đến địa vị Thập Tín mới phá hết Trần Sa. Lại phải tu lần lượt Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi mốt địa vị, mỗi [địa vị] phá một phẩm vô minh bèn tiến lên một địa vị [cao hơn], được một phần Tam Đức bí tạng. Theo thứ tự như thế, đến địa vị cuối cùng là Đẳng Giác mới đoạn sạch bốn mươi mốt phẩm vô minh, lại đoạn một phẩm vô minh, tiến lên một địa vị nữa, mới có thể thành tựu đức Phật rốt ráo phước huệ viên mãn. Như vậy, quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng. Mọi người hiểu được đạo lý này thì mới chẳng hiểu lầm!

Lại có người nói: Tự Tánh của mỗi người chúng ta vốn là chẳng nhiễm mảy trần, thanh tịnh trong lặng, đấy chính là Tịnh Độ. Tự Tánh vốn chẳng sanh, chẳng diệt, xưa nay thường hằng, chẳng dời, chẳng biến, chính là Vô Lượng Thọ. Tự Tánh vốn sẵn đủ đại trí huệ quang minh, chiếu trời soi đất, chính là Vô Lượng Quang. Nếu như lìa khỏi Tự Tánh sẵn có ấy, muốn có riêng một cõi Tịnh Độ để sanh, [có một] Phật Di Đà để thấy, đấy chính là trên đầu chồng thêm một cái đầu nữa, không có lẽ nào! Thêm nữa, nếu hiểu như vậy thì đạo lý Thiền Tịnh Song Tu cũng là lầm lẫn! Nếu nói như vậy thì hoàn toàn là thiên về Thiền Tông, hoàn toàn chẳng thích hợp cho Tịnh Tông. Vì sao biết được [như vậy]? Là vì Thiền Tông chẳng dạy người sanh lòng tin phát nguyện, cũng chẳng dạy người niệm Phật, chỉ dạy người tham cứu thoại đầu[77], cầu minh tâm kiến tánh. Đấy chính là nói: *"Lìa ngoài tự tánh chẳng*

*có Tịnh Độ để có thể sanh, [chẳng có] Di Đà để thấy!"*Nói tuy không sai, nhưng rốt cuộc vẫn thiên về kiến giải thuộc lý tánh, chẳng thể dung thông với sự tướng, mà cũng cách biệt với sự lý vô ngại của Tịnh tông, nên nói không phải là Thiền Tịnh Song Tu. Người tu Tịnh Độ chuyên lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, mọi người phải hiểu rõ ràng!

Lại có thuyết *"tức thân thành Phật"* (thành Phật ngay trong thân này) của Mật Tông. Nếu mới nghe qua, chuyện như thế khiến con người rúng động. Nhưng trên sự thật, trọn chẳng thể nhanh chóng, thuận tiện như vậy. Ý nghĩa của "tức thân thành Phật" là nói công phu của Mật Tông khi tu đến thành công thì có thể thành đạo ngay trong thân này. Nhưng sự thành đạo như vậy chẳng qua là liễu sanh tử mà thôi. Miễn cưỡng nói là "thành Phật" thì còn có thể miễn cưỡng chấp nhận được! Nếu coi là thật sự thành được vị Phật đoạn rốt ráo Ngũ Trụ[78], vĩnh viễn hết hai loại chết (phần đoạn và biến dị sanh tử) thì lầm lạc quá đỗi! Ví như một đứa bé con, cạo trọc đầu đi, ai nấy đều gọi nó là Hòa Thượng[79]; hay là vị tỳ-kheo đã thọ Tam Đàn Đại Giới[80] cũng được gọi là Hòa Thượng; hay là vị phương trượng đứng đầu chốn tùng lâm[81] cũng gọi là Hòa Thượng. [Những loại] Hòa Thượng như trên, miễn cưỡng gọi thì cũng được. Nếu coi [những người ấy] thật sự là Hòa Thượng thì cũng không đúng. Nói đúng sự thực thì phải [là người] có đạo đức, học vấn, có sức làm làm cho người khác sanh trưởng Pháp Thân huệ mạng thì mới đúng là Hòa Thượng danh phù hợp với sự thực.

Phải biết thế giới này của chúng ta, trong Phật pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ có một mình đức Thích Ca Mâu Ni Phật là thành Phật ngay trong thân này. Lại phải đến khi đức Di Lặc Phật hạ sanh thì mới có thể lại tính là một vị Phật thành Phật ngay trong thân này. Trong khoảng thời gian sau khi đức Thích Ca diệt độ và ngài Di Lặc chưa giáng sanh, muốn tìm lấy một người thành Phật ngay trong thân này thì bất luận ra sao cũng không thể có được! Dẫu cho ức Thích Ca ứng hiện trong thế gian lần nữa, cũng không thị hiện đạo lý "thành Phật ngay trong thân" này!

Vào đời nhà Thanh trước kia, trong khoảng từ niên hiệu Khang Hy đến niên hiệu Càn Long, Phật sống[82] Tây Tạng đến khi lâm chung biết chết rồi sẽ phải đi đầu thai trong nhà nào, dặn đệ tử đến lúc ấy đi rước ông ta. Khi đẻ ra, cũng nói được ông ta là Phật sống ở chỗ nào đó. Tuy có bản lãnh như vậy, cũng vẫn chưa phải là thành Phật ngay trong thân này! Vì sao biết được? Vì nếu quả thật là thành Phật ngay trong thân này, tự nhiên sẽ giống như Phật Thích Ca, nói được các thứ phương ngôn (ngôn ngữ riêng của từng địa phương), dùng một tiếng thuyết pháp cũng có thể khiến cho hết thảy

chúng sanh đều hiểu được. Cớ sao Phật sống Tây Tạng, [đối với] ngôn ngữ Trung Quốc lại không biết? Một chuyện nhỏ như vậy đủ chứng minh ông ta không phải là thành Phật ngay trong một đời. Huống chi sau này Phật sống khi chết đi chẳng để lại lời gì, lúc sống cũng chẳng có biểu hiện gì, đều là do người khác xếp đặt, bốc thăm để quyết định[83], vậy thì chẳng cần phải nói gì nữa!

Hơn nữa, công phu tu Mật Tông muốn thành công cũng rất khó khăn. Nếu chuyên cầu mau được thần thông, chẳng khéo dụng tâm, lại còn bị nguy hiểm gặp phải ma sự, vẫn chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng Niệm Phật. Năm Dân Quốc mười bảy (1928), ở Thượng Hải có một người đệ tử quy y mời tôi đến nhà ông ta dùng cơm chay, và nói trong gia đình ông ta có một người thân thích là một nữ cư sĩ học Phật đã nhiều năm, học vấn cũng rất khá, đã hơn năm mươi tuổi, gọi bà ta đến trò chuyện có được hay không? Tôi nói "được chớ!" Ông bèn kêu bà ta đến. Đến khi gặp mặt, tôi bảo bà ta: "Tuổi tác cao rồi! Hãy nên mau niệm Phật cầu sanh Tây Phương". Bà ta đáp: "Tôi chẳng cầu sanh Tây Phương, tôi muốn sanh trong thế giới Sa Bà!" Tôi liền trả lời bà ta: "Chí hướng của bà hèn kém quá!" Bà ta lại nói: "Tôi muốn thành Phật ngay nơi thân này". Tôi lại đáp lời bà ta: "Chí hướng của bà cao xa quá! Sao không chịu vãng sanh thế giới thanh tịnh kia, cứ muốn sanh trong thế giới trược ác này? Phải biết rằng: Đạo lý 'thành Phật ngay nơi thân này' là có, thế nhưng hiện thời không có ai được như vậy cả, mà cũng chẳng phải là chuyện bà hay tôi có thể làm được!" Người không thông hiểu đạo lý như vị nữ cư sĩ ấy, hoàn toàn không có chút gì biết tự lượng sức, ăn nói lớn lối, quả thật là tự lầm, lầm người vậy!

Lại có hai người cầu sanh trong thế giới Hoa Tạng. Có một ngày, người kia mắc bệnh, người này bèn đến thăm. Sau đấy, do thấy người kia bệnh tình không xong, liền gấp rút bảo người kia niệm *"Nam Mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Hoa Tạng Hải Hội Phật Bồ Tát"*, mọi người cũng ở bên cạnh trợ niệm cho ông ta. Sau một khắc bèn hỏi ông ta có thấy cảnh giới gì hay không? Ông ta đáp: "Không có!" Hỏi như vậy hai ba lần đều nói "không có!" Đến lần cuối cùng, ông ta bèn nói: "Mẹ đã đến rồi!" Ôi chao! Hỏi ông ta như vậy mới biết bọn họ [tu] như thế không thể nào chắc ăn được! Là vì trong tâm bọn họ, do niệm Phật hiệu như thế và mong mỏi như thế, lẽ ra phải trông thấy thế giới Hoa Tạng mới đúng, sao lại đâm ra thấy cảnh giới trong thai mẹ? Từ đấy về sau, ông ta mới quay đầu tu pháp môn Tịnh Độ.

Muốn hiểu được thế giới Hoa Tạng thì phải là bậc Pháp Thân Đại Sĩ phá được mấy phần vô minh mới có thể thấy được, sanh [về đó] được! Ngoài ra, [dẫu là] bậc Bồ Tát đoạn sạch Trần Sa Hoặc cũng chưa có phần, huống hồ phàm phu đầy dẫy triền phược ư? Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã chứng Đẳng Giác mà Phổ Hiền Bồ Tát vẫn dạy ngài và Hoa Tạng hải chúng dùng mười đại nguyện vương hồi hướng Cực Lạc để mong viên mãn Phật Quả. Đủ thấy pháp môn Tịnh Độ không căn cơ nào chẳng gồm thâu. Vì thế, tôi thường nói: *"Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp môn Niệm Phật thì trên là không thể do đâu viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp môn Niệm Phật thì dưới là không do đâu độ khắp quần manh",* chính là vì nhân duyên này đấy! Ví như người trong thiên hạ, ai nấy đều phải ăn cơm thì ai nấy cũng đều phải niệm Phật.

Kính khuyên các vị, chớ nên không tự lượng sức, vọng tưởng làm hạng phi thường. Nói chung là phải chất phác niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng cô phụ đức Như Lai đã nói pháp môn tổng trì *"trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thỉ thành chung"* này, và chẳng đến nỗi uổng phí nhân duyên thù thắng mười phương tụ hội tại đạo tràng Linh Nham thanh tịnh này. Mong mọi người hãy trân trọng!

---o0o---

2. Một lá thư gởi khắp

(lời lẽ tuy vụng về chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ kinh Phật. Nếu chịu hành theo, lợi lạc vô cùng. Năm Dân Quốc 21 (1932))

Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, lợi - độn trọn thâu, chính là đại pháp để đức Như Lai phổ độ hết thảy thượng thánh hạ phàm khiến cho họ liễu sanh tử ngay trong một đời này. Đối với pháp này chẳng tin, chẳng tu, chẳng đáng buồn ư? Pháp môn này lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông[84]. Tín là tin thế giới chúng ta đây là khổ, tin thế giới Cực Lạc là vui. Tin ta là nghiệp lực phàm phu, quyết định chẳng thể cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh thoát tử. Tin A Di Đà Phật có đại thệ nguyện; nếu có chúng sanh niệm danh hiệu Phật, cầu sanh cõi Phật, lúc người ấy mạng chung, Phật ắt rủ lòng từ tiếp dẫn sanh về Tây Phương. Nguyện là nguyện mau thoát lìa thế giới khổ sở này, nguyện mau vãng sanh thế giới Cực Lạc kia. Hạnh là chí thành khẩn thiết, thường niệm Nam Mô (âm đọc là Nạp-mạc[85]) A Di Đà Phật, thời thời khắc khắc chớ để tạm quên. Sáng tối đối trước Phật lễ bái, trì tụng, tùy theo bản thân rảnh rỗi hay bận bịu mà lập một khóa trình[86]. Ngoài ra, [trong lúc] đi - đứng - ngồi - nằm và

những chuyện chẳng phải dùng đến tâm thì đều khéo niệm. Lúc ngủ nên thầm niệm, chẳng nên niệm ra tiếng.

Chỉ nên niệm bốn chữ A Di Đà Phật để khỏi bị nhiều chữ khó niệm. Nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc đang lúc rửa ráy, đại tiểu tiện, hoặc đến chỗ không sạch sẽ đều nên niệm thầm. Niệm thầm có cùng một công đức [như niệm ra tiếng], niệm ra tiếng không hợp lễ. Bất luận niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng, niệm Kim Cang (niệm có tiếng nhưng người bên cạnh không nghe được), niệm thầm trong tâm, đều phải niệm cho rõ ràng rành rẽ trong tâm, niệm cho rõ ràng rành rẽ nơi niệm, tai nghe cho rõ ràng rành rẽ. Như thế thì tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, vọng tưởng dần dần dứt, Phật niệm dần dần thuần, công đức rất lớn!

Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức), từ bi không giết (nên ăn chay trường, hoặc ăn chay kỳ. Nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết), tu Thập Thiện nghiệp (tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si). Lại còn phải cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, tận hết bổn phận của chính mình. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bổn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết phận ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội tận tình, tận hết bổn phận thì gọi là thiện nhân. Thiện nhân niệm Phật cầu sanh Tây Phương chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh bởi tâm hợp với Phật, nên cảm được Phật từ tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật, nhưng tâm chẳng nương theo đạo, hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng thể tận hết bổn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó thể vãng sanh! Do tự tâm phát sanh chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rủ lòng từ tiếp dẫn được!

Lại phải nên khuyên cha mẹ, anh em, chị em, thê thiếp, con cái, xóm làng, thân hữu đều cùng thường niệm "nam-mô A Di Đà Phật" và "nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" (mỗi ngày nếu niệm một vạn câu Phật hiệu thì niệm năm ngàn câu Quán Âm, nhiều hay ít chiếu theo đây mà gia giảm). Bởi chuyện này lợi ích rất lớn, nỡ nào để người sanh ra ta và quyến thuộc của ta cũng như thân hữu chẳng được hưởng lợi ích này hay sao? Huống chi hiện tại đang là lúc cõi đời hoạn nạn lớn lao, tai họa xảy đến không cách gì đối phó được. Nếu thường niệm Phật và niệm Quán Âm, nhất định được Phật từ che chở, gặp chuyện dữ hóa lành. Dẫu không tai nạn cũng được túc nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước tăng. Huống chi khuyên người niệm Phật

cầu sanh Tây Phương chính là thành tựu cho kẻ phàm phu thành Phật, công đức rất lớn. Dùng công đức này hồi hướng vãng sanh, ắt được mãn nguyện.

Phàm tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, mọi thứ công đức từ thiện đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo nhân thiên trong đời sau. Nếu có tâm ấy sẽ chẳng có phần vãng sanh! Hễ sanh tử chưa giải quyết xong, phước càng lớn ắt nghiệp càng nặng. Hễ sanh lần nữa, khó khỏi đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu muốn lại được thân người, lại được gặp pháp môn Tịnh Độ liễu thoát ngay trong một đời, thật khó như lên trời vậy! Phật dạy người niệm Phật cầu sanh Tây Phương là nhằm để con người liễu thoát sanh tử ngay trong đời này. Nếu cầu phước báo nhân thiên đời sau thì là trái nghịch lời Phật dạy, giống như đem một viên bảo châu vô giá trong khắp cõi đời đổi lấy một thẻ đường để ăn, chẳng đáng tiếc ư? Người ngu niệm Phật chẳng cầu sanh Tây Phương, cầu phước báo nhân thiên đời sau cũng chẳng khác gì!

Người niệm Phật chẳng được lạm tu con đường tham cứu của nhà Thiền, bởi người tham cứu chẳng chú trọng nơi tín nguyện cầu sanh; dẫu có niệm Phật cũng chỉ chú trọng khán câu *"người niệm Phật là ai?"* để cầu khai ngộ mà thôi! Nếu sanh Tây Phương thì không có ai chẳng khai ngộ! Nếu khai ngộ mà Hoặc nghiệp hết sạch thì có thể liễu sanh tử. Nếu Hoặc nghiệp chưa hết sẽ chẳng thể cậy vào Tự Lực để liễu sanh tử. Lại do không có tín nguyện nên chẳng thể cậy vào Phật Lực để liễu sanh tử. Tự Lực lẫn Phật Lực đều không nhờ cậy được, muốn thoát luân hồi há có được chăng? Phải biết: Pháp Thân Bồ Tát lúc chưa thành Phật còn đều phải cậy vào oai lực của Phật, huống chi nghiệp lực phàm phu phí công bàn chuyện Tự Lực, chẳng cậy Phật Lực ư! Lời lẽ tuy cao siêu, nhưng hạnh thật hèn tệ. Phật Lực, Tự Lực lớn - nhỏ, nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! Nguyện đồng nhân[87] đều hiểu nghĩa này.

Người niệm Phật chớ nên bắt chước kẻ ngu, làm những *"Phật sự"* như hoàn thọ sanh[88], gởi kho v.v… bởi chuyện "hoàn thọ sanh" chẳng phát xuất từ kinh Phật, mà do người đời sau ngụy tạo. Gởi kho là nguyện chết đi làm quỷ, chuẩn bị sẵn tiền tiêu dùng trong quỷ đạo. Đã có tâm nguyện làm quỷ sẽ khó thể vãng sanh. Nếu chưa làm hãy chớ có làm. Nếu trót đã làm hãy bẩm rõ cùng Phật: *"Đệ tử tên là… chỉ cầu vãng sanh, tiền trước kia gởi kho nơi cõi âm, đều dùng chẩn tế cô hồn hết"* thì mới chẳng gây chướng ngại cho việc vãng sanh. Phàm những kinh như Thọ Sanh, Huyết Bồn, Thái Dương, Thái Âm, Nhãn Quang, Táo Vương, Thai Cốt, Phân Châu, Diệu Sa[89] v.v… đều do những kẻ lầm lạc ngụy tạo, chớ nên niệm. Kẻ ngu chẳng biết

niệm kinh Đại Thừa (tức là các kinh A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Tâm Kinh, Kim Cang, Dược Sư, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm v.v...) Tin vào các thứ ngụy kinh ngụy tạo mù quáng ấy, ắt phải làm những chuyện hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ mới an tâm được! Có người hiểu lý nói những kinh ấy là ngụy tạo, cũng chẳng chịu tin. Phải biết: Làm Phật sự thì chỉ có niệm Phật là công đức lớn nhất. Nên dùng tiền làm chuyện hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ[90] để thỉnh vị Tăng có chánh niệm niệm Phật thì lợi ích lớn lắm.

Người niệm Phật nên ăn chay trường. Nếu như chưa thể thì nên giữ Lục Trai, hoặc Thập Trai (mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30 là Lục Trai. Thêm vào ngày mồng Một, 18, 24, 28 thì thành Thập Trai. Gặp tháng thiếu thì ăn lên trước đó một ngày. Lại còn tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín là ba tháng chay, nên ăn chay trường, làm các công đức). Từ giảm dần đến vĩnh viễn dứt ăn mặn thì mới hợp lý. Tuy chưa dứt được ăn mặn, hãy nên mua thịt làm sẵn, chớ có sát sanh trong nhà. Do trong nhà thường nguyện cát tường (tốt lành, may mắn), nếu hằng ngày sát sanh thì nhà ấy liền trở thành nơi giết chóc. Nơi giết chóc chính là chỗ oán quỷ tụ hội, chẳng tốt lành, [điều này] quan trọng lắm! Do vậy phải kiêng sát sanh trong nhà.

Người niệm Phật nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhưng muốn cho cha mẹ lúc lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương mà không nói sẵn cho quyến thuộc biết về việc trợ niệm lâm chung, và lợi - hại của việc phô trương phù quáng và khóc lóc sẽ chẳng thể được! Vì vậy, muốn cho cha mẹ lâm chung được hưởng sự lợi ích do quyến thuộc trợ niệm, chẳng bị mắc hại phá hoại chánh niệm mà lúc thường ngày không nói cho họ biết sự lợi ích của việc niệm Phật, khiến cho ai nấy đều thường niệm sẽ không thể được! Như thế chẳng những có ích cho cha mẹ mà thật sự còn có ích cho những quyến thuộc hiện đời, con cháu đời sau. Lâm chung trợ niệm bất luận già trẻ đều nên như vậy, xem cuốn Sức Chung Tân Lương[91] sẽ tự biết (Thượng Hải Phật Học Thư Cục, chùa Báo Quốc ở Tô Châu đều có bán cuốn ấy).

Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gấp, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khẩn thiết niệm ra tiếng rõ ràng *"nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát"*, chớ đừng niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm sức nhỏ, nên cảm ứng cũng nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đứa

con ra, nếu thầm niệm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết niệm chắc chắn chẳng bị đau đớn, khó sanh và băng huyết sau khi sanh, con mắc các chứng kinh phong v.v… Dẫu cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dẫu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc liền được an nhiên sanh nở. Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự để luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dẫu là con gái ruột, con dâu cũng chẳng dám nhìn đến, huống chi là dám dạy họ niệm Quán Âm ư? Phải biết Bồ Tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh lõa lồ, bất tịnh, là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuồng, chẳng những [niệm Quán Âm khi ấy] không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ức đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (Kinh Dược Sư nói về thệ nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết cho nên bất tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được).

Nữ nhân từ mười hai, mười ba tuổi cho đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi đều có kinh nguyệt. Có kẻ nói trong lúc có kinh không được lễ bái, trì tụng. Lời ấy chẳng thông tình lý. Người có kinh ngắn ngày thì hai ba ngày là hết, có người kéo dài đến năm sáu ngày mới hết. Người tu trì ắt phải niệm niệm không gián đoạn, lẽ đâu vì một tật nhỏ trời sanh ấy để rồi bỏ phế việc tu trì ư? Nay tôi nói: Trong lúc có kinh, chỉ nên lễ bái ít hơn (nên ít lễ bái, chứ không phải là tuyệt đối chẳng được làm lễ), niệm Phật, tụng kinh đều theo như lệ thường. Nên thường thay vải dơ (băng vệ sinh). Nếu tay sờ vào vải dơ, hãy nên rửa sạch, chớ dùng tay đã chạm đồ dơ để lật kinh và thắp hương. Phật pháp pháp nào cũng viên dung, ngoại đạo chỉ chấp vào lý ngoài rìa. Người đời đa phần chỉ tin lời ngoại đạo, chẳng biết đến chánh lý trong Phật pháp. Vì thế, khiến cho hết thảy đồng nhân chẳng thể được nhuần thấm lợi ích nơi pháp.

Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ. Nếu gặp phải những hoạn nạn như đao binh, nước, lửa, đói kém, sâu rầy, châu chấu, ôn dịch, hạn hán, lụt lội, giặc cướp, oan gia, ác thú, rắn độc, ác quỷ, yêu mị, bệnh tật do oán nghiệp, tiểu nhân hãm hại…. mà có thể phát tâm sửa lỗi hướng thiện, tự lợi lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm, niệm niệm không gián đoạn, chắc chắn sẽ được Ngài từ bi che chở, chẳng bị nguy hiểm gì. Nếu vẫn giữ tấm lòng chẳng lành, dẫu có xưng niệm, chẳng qua chỉ

tạm gieo căn lành cho vị lai, chẳng được cảm ứng trong hiện thời. Bởi lẽ Phật, Bồ Tát đều là thành tựu thiện niệm cho người, trọn chẳng thành tựu ác niệm cho người. Nếu chẳng phát tâm sửa lỗi hướng thiện, lầm lạc muốn niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát để mong thành tựu ác sự cho mình thì quyết định không được cảm ứng, chớ có dấy lên cái tâm điên đảo ấy!

Niệm Phật khẩn yếu nhất là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt. Có sức làm được thì tích cực làm, chẳng thể làm được thì cũng phải phát thiện tâm ấy, hoặc khuyên người có sức làm, hoặc thấy người khác làm bèn phát tâm hoan hỷ, thốt lời khen ngợi thì cũng là thuộc về công đức nơi tâm và miệng. Nếu chẳng thể tự làm được, thấy người khác làm bèn sanh ganh ghét, liền thành ra tâm hạnh tiểu nhân gian ác, chắc chắn bị tổn phước, giảm thọ, chẳng được kết quả tốt lành, hãy nên thống thiết răn dè. Chẳng được làm chuyện giả dối để được tiếng, buôn danh chuốc dự, tâm hạnh ấy quả thật bị thiên địa quỷ thần đều cùng ghét. Nếu có thì phải sửa đổi, nếu không thì càng thêm cố gắng.

Trong đời có kẻ nữ, chẳng hiểu chí lý (lý tột cùng), hoặc chẳng hiếu đối với cha mẹ chồng, lừa dối, khinh miệt chồng, nuông chiều con cái mù quáng, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ kế ngược đãi con cái đời vợ trước, chẳng biết hiếu dưỡng cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy con cái, rộng rãi với tôi tớ, nuôi dạy, chăm sóc con cái vợ trước, [chẳng biết những điều ấy] quả thật là đạo thánh hiền trong thế gian, mà cũng là pháp vun bồi cái gốc trong nhà Phật. Đầy đủ công đức này, do tu tập Tịnh nghiệp chắc chắn danh dự ngày càng cao, phước tăng, tuổi thọ lâu dài, lâm chung được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm sen. Phải biết: Có nhân ắt chắc chắn có quả. Nếu mình đã gieo cái nhân hiếu kính từ ái, sẽ tự hưởng cái quả hiếu kính từ ái. Vì người chính là vì mình, hại người còn tệ hơn tự hại mình. Vì thế phải tận hết chức phận của chính mình để mong Phật trời cùng soi xét.

Trẻ nhỏ từ lúc có sự hiểu biết, liền dạy cho chúng đạo hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, và những sự nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo khiến cho chúng biết tâm của chính chúng nó trong từng hơi thở đều thông với tâm của trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát. Khởi lên một niệm bất chánh, làm một chuyện bất chánh đã sớm bị trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát thấy biết tường tận, như đối trước gương sáng đều hiện ra hình bóng xấu không thể trốn tránh được, ngõ hầu chúng nó biết kiêng sợ, gắng làm người lương thiện. Bất luận là ai, dẫu là tôi tớ, trẻ nhỏ cũng chẳng được phép đánh chửi. Dạy chúng tôn kính bậc tôn trưởng, giữ phận người dưới. Phải chú trọng dạy

chúng nó kính tiếc giấy có viết chữ, yêu tiếc ngũ cốc, y phục, đồ đạc, thương tiếc che chở trùng kiến, cấm ngặt ăn vặt để khỏi bị bệnh. Dạy được như thế thì phần đông chắc chắn trở thành người hiền thiện. Nếu lúc nhỏ để mặc theo thói quen, điều gì cũng chẳng giáo huấn, lớn lên không thành hạng tầm thường cũng thành phường trộm cướp. Lúc ấy có hối cũng chẳng có ích gì! Cổ nhân nói: *"Dạy vợ từ thuở mới về, dạy con từ tấm bé",* bởi lẽ do huân tập sẽ trở thành bản tánh nên phải cẩn thận ngay từ đầu. Thiên hạ yên hay loạn đều bắt nguồn từ đây; chớ nghĩ lão tăng nói chuyện viễn vông, không quan hệ, khẩn yếu chi!

Quang đã già rồi, tinh thần ngày càng suy, không có sức trả lời thư gởi đến. Chỉ vì đường bưu điện thuận tiện khiến cho xa gần nghe lầm hư danh, thường gởi thư đến hỏi mãi. Nếu nhất loạt chẳng phúc đáp cũng cảm thấy phụ lòng người hỏi đến. Nếu phúc đáp từng thư một, thật chẳng có đủ tinh thần làm như vậy. Vì thế, cho in bức thư dài này, phàm những gì liên quan đến chuyện tu trì và lập thân, xử thế, thờ cha mẹ, dạy con, đều nói đại lược. Sau này có ai gởi thư đến, dùng thư này gởi lại. Nếu có một hai chuyện chi đặc biệt liền phê vào thư gởi đến mấy chữ để đôi bên thấu hiểu tình nhau, không đến nỗi nhọc nhằn quá đáng. Nếu muốn thông hiểu sâu xa kinh giáo, xin hãy thỉnh giáo nơi những bậc pháp sư thông hiểu sâu xa dựng cao tràng pháp. Nên biết rằng: Người thông hiểu sâu xa kinh giáo chưa chắc đã liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu muốn liễu sanh tử ngay trong đời này, hãy nên chú trọng nơi tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

---o0o---

3. Ba điều quan trọng nhất lúc lâm chung *(Lâm chung tam đại yếu)*

Điều bi thảm nhất trong thế gian thật không chi bằng cái chết, nhưng khắp cả người đời, có ai may mắn thoát được nổi? Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình lợi người thì chẳng thể không sớm lo liệu. Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh. Do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ [các nhân] đời trước đã tận nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được cái nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui chân thật Niết Bàn thường trụ.

Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm thì nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây phương và trợ niệm cho họ để mong người bị bệnh nhờ đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế kể sao cho xiết? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu là:

* Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến [người sắp mất] sanh chánh tín.

* Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm [cho người sắp mất].

* Ba là hết sức tránh dời động, khóc lóc, kẻo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này thì quyết định sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh Độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Một phen đã được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ[92] đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người; dùng những điều ấy để vun bồi thêm cái nhân Tịnh Độ của chính mình. Khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chày tháng nào có khó gì mà chẳng tập thành lề thói được. Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi lâm chung có những điều không thích đáng, không đúng lý vậy.

---o0o---

a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến cho [người sắp mất] sanh chánh tín:

Thiết tha khuyên người bịnh buông xuống hết thảy, chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong thì chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu vui, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh một niệm quyến luyến, vướng mắc. Phải biết: Một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Cái chết vừa nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi.

Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (Đường lành là trời - người. Đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. A Tu La vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện ác xen lẫn). Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành, ắt quyết định cảm được Phật dấy lòng đại từ bi, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, làm sao chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dẫu là kẻ tội nhân Thập Ác, Ngũ Nghịch rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn hoặc niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu còn được vãng sanh, há nên cho rằng ta nghiệp lực nặng, niệm Phật ít ỏi mà sanh lòng nghi nữa ư? Phải biết: Chúng ta vốn có chân tánh, chân tánh của ta và chân tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta Hoặc nghiệp còn sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì bên ngoài đâu! Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: *"Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác"*. Vì thế, hết thảy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì không một ai là chẳng được Ngài rủ lòng Từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi chính là tự mình lầm lạc, họa ấy chẳng nhỏ.

Huống hồ, lìa khỏi thế giới khổ não này sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, cho nên phải sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết. Dẫu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh Tây phương nữa vì tâm mình trái với tâm Phật vậy! Dẫu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật! Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa.

Vả lại, huống chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng

đến tiếp dẫn nữa ư? Đấy chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những việc chí thành, tận hiếu mà ta phải nên làm thì cũng chỉ chú trọng ở những điểm ấy; chớ nên thuận theo thói tục van cầu thần thánh, tìm thầy chạy thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quỷ thần, thuốc men giữ cho người ấy khỏi chết được! Nếu đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì đối với một sự niệm Phật lòng thành khẩn bị xen tạp, không cách gì cảm thông [đức Phật] được! Nhiều kẻ lúc cha mẹ lâm chung chẳng tiếc tiền của, mời nhiều thầy thuốc đến khám. Đấy là mua tiếng hiếu, muốn được người đời khen ta tận hiếu đối với cha mẹ; nào hay trời đất, quỷ thần xét soi tường tận nỗi lòng. Vì vậy, đối với những sự tống táng cha mẹ mà quá sức phô trương thì nếu chẳng mắc thiên tai ắt cũng bị vạ người. Kẻ làm con chỉ nên chú trọng những gì thần thức của cha mẹ sẽ đạt được. Lời xưng tụng của thế nhân chẳng đáng cho kẻ sáng mắt nhếch mép cười, lẽ đâu lại dốc lòng mong mỏi, thật chỉ khiến cho ta phải mắc vào cái lỗi bất hiếu to lớn mà thôi!

---o0o---

b. Thứ hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm [cho người chết].

Trước đó, đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín; nhưng vì người bịnh ấy tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người chuyên trọng niệm Phật thì cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quyến thuộc trong nhà nên cùng phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu. Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi lại trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; [như vậy thì niệm] suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp người đạt được Tịnh niệm vãng sanh thì cũng sẽ được hưởng báo có người trợ niệm. Chớ có nói là chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy, mà đối với người dưng cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một

người được vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư!

Ba ban liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngớt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nho nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác thì tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; to thì tốn hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân chẳng nghe rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, dẫu có nghe cũng chẳng rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích. Nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bịnh nhân; như vậy thì dễ có sức. Về pháp khí dùng cho việc niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thảy các thứ khác đều chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong trẻo khiến tấm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung. Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tốn tâm lực. Quyến thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu ở ngoài đến thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc, lại ngưng nghỉ rồi lại niệm khiến cho bịnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngớt tiếng niệm. Nếu như lúc bịnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa (Trong sách Sức Chung Tân Lương, nguyên văn ở chỗ này ghi *"thời gian niệm càng nhiều càng hay"*, các đại đức cận đại đề xướng tiếp tục niệm tám tiếng đồng hồ đến hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Người soạn bản in mới kính cẩn ghi chú). Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc. Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy cùng đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chơn thật, có ích cho bịnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng [để xảy ra] sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người [đến thăm] để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vãng sanh vậy.

---o0o---

c. Thứ ba là kiêng dè xáo động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, [tình trạng khác nào] ngàn cân [treo] đầu sợi tóc; hết sức quan trọng, chỉ nên dùng Phật hiệu để chỉ dạy thần thức người ấy, trọn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dời chỗ nằm. [Người ấy] nằm như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dời động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước [người ấy] mà lộ vẻ buồng bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó [người chết] thân chẳng tự chủ được; hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị cắt, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên tâm niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết…), đáng sợ hãi thay. Nếu [người chết] thấy [thân quyến] đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên tâm niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp chẳng được giải thoát.

Lúc ấy, có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật; điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi [người chết] sanh lòng sân hận hay mến luyến thì có muốn sanh Tây phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một.

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới lên trên là tướng siêu thăng, còn [hơi nóng] từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

Đảnh thánh, nhãn thiên sanh

Nhân tâm, ngạ quỷ phúc

Súc sanh tất cái ly,

Địa ngục cước phản xuất

Nhưng nếu cả nhà chí thành trợ niệm thì [người chết] ắt tự có thể sanh thẳng về Tây phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức [người chết] chưa rời [khỏi xác], nhân đấy bị đau đớn, tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh. Lỗi lầm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Làm con nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thế gian thì chính là xô người thân xuống biển khổ chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ta đã tận

hiếu! Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của La Sát Nữ! Kinh dạy: "*La Sát Nữ ăn thịt người, bảo: 'Vì ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi'*. Kẻ vô tri hành hiếu khiến cho người thân mất vui bị khổ, há chẳng phải là giống hệt cái tình yêu người của La Sát Nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa đến tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, ắt mong cho người chết vãng sanh, kẻ sống được phước, để thỏa tấm lòng thành sắt son của con hiền, cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho.

Thuyết: *Đảnh thánh, nhãn sanh thiên...* là nói về khi người đã tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu ấm thì ắt là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. *Nhãn sanh thiên* là nếu mắt và trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Chỗ ngực còn ấm thì sanh nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh trong ngạ quỷ đạo. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh trong súc sanh đạo. Riêng bàn chân còn nóng thì sanh địa ngục đạo. Đấy là do hai nghiệp thiện, ác đã tạo của người ấy lúc còn sống đến giờ đây cảm hiện như thế, chứ chẳng thể dựa vào thế lực nào để làm giả ra như vậy được. Khi đó, nếu bệnh nhân có thể chí thành niệm Phật, lại thêm sức của quyến thuộc và bạn lành trợ niệm chắc chắn có thể đới nghiệp vãng sanh, siêu phàm nhập thánh vậy. Chẳng cần phải để ý thử sờ xét nghiệm, đến nỗi làm hỏng việc. Mong mỏi lắm thay!

---o0o---

4. Sớ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm[93]

Kiêng giết phóng sanh về mặt Sự thì nông cạn, dễ thấy; nhưng về mặt Lý lại sâu xa, khó hiểu rõ. Nếu chẳng hiểu rõ Lý, dù có làm chuyện này, trong tâm chắc chắn chẳng chí thành, thương xót thiết tha, phước điền lợi ích cũng do tâm lượng mà trở thành nhỏ nhoi, nông cạn. Nếu gặp phải kẻ vô tri ngăn trở, phỉ báng, [người phóng sanh] sẽ bị kẻ đó xoay chuyển, khiến cho một dạ thiện tâm vì đó bị tiêu diệt chẳng còn. Do vậy, chẳng ngại lắm lời giãi bày ý nghĩa, để những loài vật đều được gội từ ân, loài người đều được vun bồi nền phước, ngõ hầu khẩn thiết động đến lòng nhân sâu xa, diệt được sát báo cho ta lẫn người, cùng đều được về cõi thọ, cùng vui tuổi trời. Lại nguyện đem công đức này hồi hướng Tây Phương để vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát tam giới, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải chúng. May ra sẽ được người đọc chú ý vậy!

Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh sống trên đất hay dưới nước, vốn quả thật chẳng hai, chẳng khác gì với tam thế chư Phật; nhưng vì sức ác nghiệp đời trước chướng lấp nên diệu minh chẳng thể hiển hiện, trầm luân trong dị loại, đến nỗi sự hay biết hèn kém, ngoại trừ chuyện tìm cái ăn, tránh cái chết ra, trọn chẳng biết đến điều chi khác nữa! Ví như tấm gương đồng quý báu lớn, trải bao kiếp bị bụi lấp, chẳng những không có mảy may quang minh nào, ngay cả chất đồng của gương cũng chẳng thể hiển hiện được, khác gì phế vật (vật hư nát, vô ích)! Chợt gặp được người trí, biết là gương báu sẵn có đủ vô biên quang minh chiếu trời soi đất, bèn ngày ngày chăm chú giồi mài. Thoạt đầu bèn lộ chút chất gương, dần dần tỏa ra ánh sáng. Mài đến cùng cực thì ánh sáng chiếu trời soi đất bèn hiển hiện toàn thể; người vô trí mới bèn quý trọng, xem là vật quý báu nhất.

Phải biết: Ánh sáng ấy gương vốn sẵn tự có, nào phải do mài mà có! Tuy là tự sẵn có, nhưng nếu không có duyên giồi mài thì từ kiếp này sang kiếp khác cũng chẳng có ngày tỏa ra quang minh. Tâm tánh của hết thảy trời - người chúng sanh lục đạo đều giống như vậy. Do Hoặc nghiệp từ vô thỉ đến nay che lấp nên chẳng thể tỏ lộ diệu minh sẵn có, mê trái chân tánh, tạo nghiệp sanh tử. Đức Đại Giác Thế Tôn biết nhất niệm tâm tánh của các chúng sanh bằng với chư Phật; do vậy, đủ mọi phương tiện tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi loài đều tu đạo Giới - Định - Huệ, ngõ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục cái mình sẵn có, trọn vẹn phước - huệ để chứng Pháp Thân.

Lại dạy người đời phát tâm từ bi, kiêng giết, phóng sanh; ấy là vì ta và hết thảy chúng sanh đều ở trong luân hồi, từ vô thỉ đến nay lần lượt sanh ra nhau, xoay vần giết lẫn nhau. Bọn họ cố nhiên là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của ta, mà ta cũng là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của mỗi một người trong bọn họ. Bọn họ nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại[94], bị ta giết chóc; ta cũng nhiều phen do ác nghiệp lực mà sanh trong loài người hoặc sanh trong dị loại, bị họ giết chóc. Trải bao kiếp lâu xa, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn không ngơi ngớt! Phàm phu không biết, Như Lai thấy thấu suốt. Hễ không nghĩ thì thôi, nếu nghĩ đến ắt khôn ngăn hổ thẹn, thương xót! Nay ta may nhờ phước thiện đời trước, sanh trong loài người, cố nhiên nên cởi gỡ mối oán kết, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thảy những loài có sanh mạng đều được yên ổn; lại vì họ niệm Phật hồi hướng Tịnh Độ, khiến cho họ được độ thoát. Nếu họ nghiệp nặng chưa thể vãng sanh ngay, ta bèn nhờ vào công đức từ thiện này, quyết cầu lâm chung vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh ắt sẽ siêu phàm

nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chứng được Phật quả.

Vả nữa, yêu thương loài vật, phóng sanh thì bậc cổ thánh tiên hiền đều làm chuyện này. Vì thế, kinh Thư có đoạn văn chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui[95], Văn Vương ân trạch thấm đến xương khô, huống chi loài vật có tri giác. Như Giản Tử thả chim cưu, Tử Sản[96] nuôi cá, Tùy Hầu giúp rắn[97], Dương Bảo cứu chim sẻ[98]. Đấy là tâm thánh hiền cùng dùng lòng nhân đối đãi với loài vật, dẫu họ không biết đến những nghĩa lý: *"Những loài có tri giác, có cử động đều có Phật tánh, lần lượt thăng lên, đọa xuống, làm kẻ oán người thân lẫn nhau, và tương lai quyết định thành Phật"*. Đến khi đại giáo truyền sang Đông, thì nhân quả ba đời và lý *"chúng sanh, Phật, tâm, ba thứ bình đẳng không hai"* sáng lòa trong thế gian. Phàm là bậc đại thánh đại hiền, không ai chẳng kiêng giết, phóng sanh, nhằm vãn hồi sát kiếp để vun bồi quả phước, làm nền tảng để dứt nạn binh đao, vui hưởng tuổi trời. Cổ nhân nói: *"Dục tri thế thượng đao binh kiếp, tu thính đồ môn bán dạ thanh"* (tạm dịch: "Muốn biết đao binh trong cõi thế, hãy nghe lò mổ giữa đêm thanh"). Lại nói: *"Muốn cho thế gian không còn nạn đao binh thì trừ phi chúng sanh không ăn thịt"*. Do vậy, biết rằng: Kiêng giết, phóng sanh chính là khuôn mẫu tốt đẹp để nhổ rễ lấp nguồn [tai nạn], cứu đời.

Vì thế, Trí Giả đại sư đời Trần mua hơn sáu mươi chỗ ở Lâm Hải, Giang, Hỗ, Khê, Lương, cả hơn bốn trăm dặm làm ao phóng sanh, xin sắc chỉ lập bia cấm ngặt đánh cá. Kẻ nào bắt trộm làm càn sẽ bị mắc vạ. Đến niên hiệu Trinh Quán đời Đường (triều vua Đường Thái Tông) vẫn còn như thế. Đến năm Càn Nguyên thứ hai đời Đường Túc Tông (759), vua hạ chiếu truyền các châu trong thiên hạ lập ao phóng sanh, sai Nhan Chân Khanh[99] soạn bài văn bia và viết bằng bút son; trong ấy có câu: *"Đức vua ta lấy cả thiên hạ làm ao, hết thảy [các loài] trong toàn cõi đều nhờ phước, nương sức Đà La Ni gia trì, cạn bờ mé phiền não sanh tử; suy đến tận ngàn xưa, chưa hề phảng phất giống được như vậy"*. Năm Thiên Hỷ nguyên niên (1017) đời Tống Chân Tông, hạ chiếu truyền thiên hạ lập ao phóng sanh, Tây Hồ ở Hàng Châu cũng trở thành ao phóng sanh của vua Tống. Đời Minh, đại sư Liên Trì lập ao phóng sanh ở hai nơi là Thượng Phương và Trường Thọ. Bài Giới Sát Phóng Sanh Văn của ngài lưu truyền khắp thiên hạ. Cho đến nay đã hơn ba trăm năm, những người thông hiểu trong hàng Tăng - tục đều ngưỡng mộ cao phong, từ bi cứu tế loài vật không thể tính kể. Nếu như có kẻ nói:

- Người quan quả cô độc[100], bần cùng, hoạn nạn, đâu đâu cũng có, sao không châu cấp, lại gấp rút lo lắng cho loài dị loại chẳng liên quan gì đến ta? Đấy chẳng phải là điên đảo nơi chuyện thong thả - gấp rút, nặng - nhẹ đó ư?

Đáp:

- Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Tuy người và vật khác nhau, nhưng Phật tánh vốn đồng. Do ác nghiệp nên chúng bị trầm luân trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được thân người. Nếu chẳng xót thương, giúp đỡ, cứ mặc tình giết hại, ăn nuốt, thì một mai kia nếu phước ta hết rồi, tội của chúng đã trả xong, khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu, [đem thân mình] thỏa miệng bụng của chúng. Phải biết đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dẫu thân gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi lòng lành, chẳng giết hại mình. Huống chi những tai nạn bất ngờ như ôn dịch, nước, lửa thì người kiêng giết, phóng sanh rất ít gặp phải. Do vậy, biết rằng: Che chở loài vật chính là tự che chở mình. Kiêng giết sẽ khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, trộm cướp giết, [khỏi bị] oán - thân giết nhau báo thù trong tương lai. Những kẻ quan quả cô độc, bần cùng, hoạn nạn cũng nên tùy phần tùy lực châu cấp cho họ, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh hoàn toàn chẳng hành những điều công đức ấy! Tuy người quan quả cô độc rất đáng thương, nhưng họ chưa đến nỗi lâm vào tử địa, còn loài vật nếu không bỏ tiền chuộc mạng, sẽ lập tức phải lên chảo, thớt để thỏa bụng miệng con người!

Lại có kẻ nói:

- Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy?

Đáp rằng:

- Phải biết chuyện phóng sanh thật ra nhằm để phát khởi thiện tâm tối thắng "bảo vệ sanh mạng mọi loài vật" của mọi người, ngõ hầu lãnh hội được ý nghĩa của chữ "Phóng" (thả), trong tâm đã động lòng trắc ẩn, ắt chẳng nỡ ăn nuốt. Đã không có người ăn nuốt thì người đánh bắt sẽ phải thôi, khiến cho hết thảy loài vật dưới nước, trên mặt đất, trên hư không đều tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sinh sống của chúng. Như vậy, thành ra không phóng sanh mà hóa ra là phóng sanh khắp tất cả. Đấy chẳng phải là "*cả thiên hạ biến thành một cái ao*" ư? Dẫu không phải ai cũng đều như vậy cả, nhưng một người chẳng nỡ ăn thịt thì vô lượng sanh mạng trên đất liền, dưới nước khỏi bị giết chóc; huống chi nào phải chỉ có một người! Lại vì hiện tại, vị lai hết thảy đồng nhân đoạn trừ cái nhân của quan quả cô độc,

hoạn nạn, bần cùng, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, an lạc, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão[101] cho họ. Đấy chính là làm chuyện châu cấp, cứu tế sẵn để đời đời kiếp kiếp trong vị lai mãi mãi chẳng bị những nỗi khổ quan quả cô độc v.v… hưởng thụ dài lâu những niềm vui sống lâu, giàu sang v.v… Đấy chẳng phải là *"toàn nước được hưởng phước"* ư? Há có nên coi thường gác bỏ? Ông hãy nghĩ kỹ đi, kiêng giết, phóng sanh rốt ráo là khăng khăng vì con người hay là khăng khăng vì loài vật, điên đảo nơi chuyện thong thả - gấp rút, nhẹ - nặng vậy?

Phía ngoài chùa Cực Lạc ở Nam Tầm từ trước đã có ao phóng sanh, nhưng do bờ vách chưa xây nên bị sụp lở, lại thêm nhiều năm chưa được khơi vét, bùn lầy đầy ứ. Thường có những người lành phải ra sông phóng sanh, dù phát thiện tâm nhưng sanh vật khó được hưởng lợi ích. Sáng vừa được thả, chiều lại bị bắt, quá nửa là như vậy. Nếu gần sông to thì dĩ nhiên nên thả xuống sông, nơi sông nhỏ trọn chớ nên thả xuống. Viên Lâm đại sư lòng bất nhẫn, muốn đào sâu ao đó, phía ngoài đắp tường vây bọc bảo vệ để có chỗ phóng sanh mà kẻ bắt cá trộm cũng không làm gì được! Ý ấy cũng rất tốt lành, nhưng chưa tiến hành, đến khi Giác Tam đại sư từ Phổ Đà đến đó, vừa trông thấy liền hợp ý, trở về chùa bàn bạc chuyện ấy, nhưng tôi đã buông xuống vạn duyên, chuyên tu Tịnh nghiệp rồi [nên không thể cáng đáng việc ấy]. Thầy Giác Tam kế thừa đầu mối cũ, muốn sự ấy chóng thành, nhưng công trình rộng lớn, sức một mình Sư khó thể thành tựu, tính quyên mộ thiện tín toàn trấn cùng giúp cho việc thù thắng, xin tôi viết lời tự (phần sau lược đi).

THƯỢNG HẢI HỘ QUỐC TỨC TAI PHÁP HỘI PHÁP NGỮ

---o0o---

HẾT

---

[1]. Tổ Ấn Quang quê ở Thiểm Tây. Tỉnh Thiểm Tây thuộc lãnh thổ cũ của đất Tần (thời Xuân Thu Chiến Quốc) nên Thiểm Tây còn được gọi là Tây Tần.

[2]. Nguyên văn "thành đồng": Theo tự điển Từ Hải, từ 13 tuổi trở lên, 17 tuổi trở xuống thì gọi là "thành đồng".

[3] . Trình, Chu, Âu, Hàn là Trình Y Xuyên, Chu Hy, Âu Dương Tu, Hàn Dũ, những nhà Tống Nho cực lực bài xích đạo Phật. Người bài bác đạo Phật nặng nề nhất là họ Trình và họ Chu.

[4] . Hóa duyên: Kêu gọi tín đồ đóng góp cúng dường

[5] . Nguyên văn là *"hoạt mai"* (chôn sống), ý Tổ nói sống mà ẩn dật như người đã chết rồi. Ở đây chúng tôi chỉ dịch gọn là lẩn quất

[6] . Ở vùng Thượng Hải có con sông lớn tên là Hỗ Độc giang, nên Tàu hay gọi Thượng Hải là đất Hỗ.

[7] . Ở đây Đại Sư ý muốn dùng câu *"Tương thác tựu thác"* của ông Vô Vi Tử (Tống Dương Kiệt), ngụ ý: Khi chưa triệt chứng Phật tánh thì cầu sanh Tịnh Độ vẫn là lầm lạc, nhưng phải dùng cái lầm lạc đó để tạo cơ hội dứt trừ cái lầm lạc trong đường sanh tử.

[8] . Cảo bản: Bản nháp, ở đây Tổ dùng với ý nghĩa lời giảng giải của Ngài thô sơ, thiếu sót, không hoàn chỉnh

[9] . Đây là lời tựa của Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã được in trong ấn bản của Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội. Lời tựa này không thấy in trong ấn bản của Đài Nam Tịnh Tông Học Hội.

[10] . Hộ Quốc Tức Tai: Bảo vệ đất nước, chấm dứt tai nạn. Thông thường pháp hội Hộ Quốc Tức Tai thường bao gồm cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu siêu cho những oan hồn uổng tử. Theo truyền thống, thường tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Pháp Hoa và Kim Quang Minh, kết thúc bằng nghi thức Diệm Khẩu hoặc Vô Già Thủy Lục

[11] . Ấn bản Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội ghi là *"nhàn tà, tồn thành, đôn luân, tận phận*", còn bản của Đài Nam Tịnh Tông Học Hội ghi là *"đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành"*. Chúng tôi dịch theo bản của Đài Nam Tịnh Tông Học Hội vì đây là cách Tổ thường viết trong Ấn Quang Văn Sao

[12] . Bản Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội ghi là *"tắc nạn tự tiêu, quốc gia diệc khả dĩ trường bảo hựu trị bình"*. Bản Đài Nam Tịnh Tông Học Hội ghi là*"tắc tai nạn tự tiêu, nhi quốc diệc thường mông ủng hộ hỹ"* (thì tai nạn tự tiêu mà nước cũng thường được ủng hộ). Chúng tôi dịch theo bản Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội vì thấy rõ nghĩa hơn

[13] . Thập Tín là mười địa vị trong năm mươi hai địa vị tu học của Bồ Tát (không kể địa vị Pháp Vân Địa), tức là mười tâm ban đầu mà Bồ Tát muốn thành Phật phải tu tập. Trọng tâm của mười tâm này đặt tại Tín, có công năng thành tựu Tín Hạnh, nên mười địa vị này gọi đầy đủ là Thập Tín Tâm, đôi khi còn gọi tắt là Thập Tâm. Có nhiều cách giải thích Thập Tín. Theo Hiền Thánh Danh Tự Phẩm của kinh Bồ Tát Anh Lạc Bổn Nghiệp thì Thập Tín là: Tín tâm (nhất tâm quyết định, ưa muốn được thành tựu), Niệm tâm (thường tu sáu niệm, tức niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm

thí và niệm thiên), Tinh Tấn tâm, Định tâm, Huệ tâm, Giới tâm (thọ trì luật nghi Bồ Tát Giới thanh tịnh, giữ ba nghiệp thanh tịnh, hễ phạm lỗi bèn sám hối thề không tái phạm), Hồi Hướng tâm, Hộ Pháp tâm (bảo vệ, ngăn ngừa cái tâm, chẳng để nó khởi phiền não), Xả tâm (chẳng tiếc thân mạng, tài sản, bỏ tất cả những gì đạt được), Nguyện tâm. Theo phẩm Bồ Tát Giáo Hóa trong kinh Nhân Vương Hộ Quốc (bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập) thì Thập Tín là: Tín tâm, Tinh Tấn tâm, Niệm tâm, Huệ tâm, Định tâm, Thí tâm, Giới tâm, Hộ tâm, Nguyện tâm, Hồi Hướng tâm. Kinh Phạm Võng lại giảng là Xả tâm, Giới tâm, Nhẫn tâm, Tấn tâm, Định tâm, Huệ tâm, Nguyện tâm, Hộ tâm, Hỷ tâm, Đảnh tâm; và gọi chung là Thập Phát Thú Tâm thuộc về Kiên Tín Nhẫn. Kinh Lăng Nghiêm giảng là Tín Tâm Trụ, Niệm Tâm Trụ, Tinh Tấn Tâm Trụ, Huệ Tâm Trụ, Định Tâm Trụ, Bất Thoái Tâm Trụ, Hộ Pháp Tâm Trụ, Hồi Hướng Tâm Trụ, Giới Tâm Trụ, Nguyện Tâm Trụ và gọi chung là Thập Tâm Trụ. Tuy các kinh liệt kê danh tướng hơi sai khác, nhưng đại thể mười tâm này gần giống nhau

[14] . Sơ Trụ, gọi đủ là Sơ Phát Tâm Trụ, tức địa vị đầu tiên của Thập Trụ (thuộc giai đoạn thứ hai sau khi viên mãn Thập Tín), đôi khi còn gọi là Phát Ý Trụ. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát trụ địa vị này là người thiện căn bậc thượng dùng phương tiện chân thật phát khởi Thập Tín Tâm, phụng hành Tam Bảo, thường trụ trong tám vạn bốn ngàn Bát Nhã Ba La Mật, vâng giữ tu tập hết thảy hạnh, hết thảy pháp môn, thường dấy lên tín tâm, chẳng nảy sanh tà kiến, mười tội nặng, ngũ nghịch, tám thứ điên đảo, chẳng sanh vào chỗ tai nạn, thường gặp gỡ Phật pháp, học rộng, nhiều trí huệ, cầu nhiều phương tiện, trụ nơi địa vị Không Tánh, dùng Không Lý Trí Tâm để tu tập pháp của chư Phật quá khứ, xuất sanh hết thảy công đức.

[15] . Do thành tựu phàm phu ban đầu nhập đạo nên gọi là "thành thỉ", đến địa vị cuối cùng là Đẳng Giác Bồ Tát vẫn phải nhờ vào pháp môn này để viên thành Phật đạo nên gọi là "thành chung".

[16] . Câu này bản Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội ghi là *"diệc năng đắc học Phật chi lợi ích kỷ hà tai!"* (cũng có được lợi ích nơi học Phật cho mấy đâu!) Ý nói: Được lợi ích rất ít ỏi. Còn bản Đài Nam Tịnh Tông Học Hội ghi *"diệc vị năng đắc học Phật chi chân lợi ích dã"* (cũng chưa được lợi ích chân thật nhờ học Phật), hợp lý hơn.

[17] . Kiến Hoặc gọi đầy đủ là Kiến Đạo Sở Đoạn Hoặc (darśana mārga prahātavyānuśaya). Còn gọi là Kiến Phiền Não, Kiến Chướng, Kiến Nhất Xứ Trụ Địa. Theo Câu Xá Luận, những kiến chấp mê muội đối với lý Tứ Đế

được gọi là Kiến Hoặc; còn mê chấp nơi hiện tượng sự vật thì gọi là Tu Hoặc. Theo đó, Kiến Hoặc gồm tám mươi tám thứ, gọi chung là Bát Thập Bát Sử. Về căn bản phiền não thì gồm Ngũ Lợi Sử (Thân Kiến: Chấp trước vào thân; Biên Kiến: Chấp chặt một bên có hay không, đúng hay sai, không thấy viên dung; Tà Kiến: thấy biết tà vạy; Kiến Thủ Kiến: Chấp chặt vào kiến giải một chiều, không thể chấp nhận những cách hiểu biết khác; Giới Cấm Kiến: Chấp chặt vào giới điều, giữ những giới xằng bậy) và Ngũ Độn Sử (tham, sân, si, mạn, nghi). Mười Sử này phối hợp với mỗi Đế trong Tứ Đế và mỗi Giới trong Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), tạo thành tám mươi tám thứ Hoặc cần phải đoạn. Theo tông Thiên Thai, mê nơi lý của tam giới là Kiến Hoặc, mê nơi sự tướng gọi là Tư Hoặc (tức là Tu Hoặc của Câu Xá Luận). Sách Thiên Thai Tứ Giáo Nghi lại giảng như sau: *"Phiền não vốn không có thực thể, nhưng lại tưởng những pháp hư vọng không hề có thật là thật sự có, nên gọi là Kiến Hoặc. Tham, sân, si… các phiền não là những sự tướng duyên theo Ngũ Trần, Lục Dục, qua sự suy nghĩ mà huyễn giả tồn tại trong tâm, vì thế gọi là Tư Hoặc"*

[18] . Trần Sa Hoặc: Những gì thuộc về Trí nhận biết trên mặt Sự gây chướng ngại Tục Đế khiến cho sự giáo hóa của Bồ Tát chẳng được tự tại thì gọi là Trần Sa Hoặc. Do chúng nhiều vô lượng nên kinh luận thường dùng số cát sông Hằng để sánh ví, vì thế gọi là Trần Sa Hoặc.

[19] . Tam đức bí tạng (kho bí mật ba đức), tức Giải Thoát, Bát Nhã và Pháp Thân.

[20] . Tiếm phận: Vượt phận, vượt khỏi địa vị chánh đáng. Mật Tông coi liễu sanh tử là "thành Phật ngay trong đời này", chứ chưa phải thật sự là Phật. Do chưa phải là Phật mà đã tự xưng là Phật nên bị coi là vượt lạm thân phận đáng nên giữ.

[21] . Nguyên văn *"tam phúc tư chỉ"* (suy nghĩ ba lần tông chỉ này).

[22] . Bản Đài Nam Tịnh Tông Học Hội ghi là "hạng mục", còn bản Hoa Tạng Tịnh Tông ghi là "mục đích".

[23] . Câu này bản Hoa Tạng viết rườm rà hơn, nhiều chi tiết hơn, nhưng ý nghĩa chung không khác biệt lắm!

[24] . Đây là biến cố xảy ra vào năm 1932. Nguyên do bắt nguồn từ chuyện ngày Mười Tám tháng Giêng năm 1932, năm vị Tăng Nhật Bản xô xát với người Trung Hoa tại Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ở vùng núi Mã Ngọc thuộc tô giới Thượng Hải, khiến cho một người chết, một người bị trọng thương. Cảnh sát Nhật liền bao vây khu vực, gây ra tình trạng căng thẳng. Đến ngày Hai Mươi tháng Giêng, năm mươi Nhật kiều lại phóng hỏa đốt trụi Tam Hữu Thực Nghiệp Xã đồng thời đánh chết ba cảnh sát người Hoa. Kiều dân Nhật lại yêu cầu hải quân Nhật can thiệp, quân phiệt Nhật liền huy động hải quân, lục quân vây kín Thượng Hải. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc bắt buộc phải đưa quân đội đến Thượng Hải đối phó. Giao tranh nổ ra khốc liệt giữa hai bên vào đúng ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng ấy. Cuộc chiến kéo dài mãi đến ngày Ba tháng Ba năm 1932, quân Nhật chiếm thế thượng phong với quân số áp đảo là bảy vạn quân, trong khi Trung Hoa Dân Quốc chỉ có năm vạn quân. Đến ngày Năm tháng Năm, qua sự môi giới của Anh, Mỹ, Pháp, Ý, hiệp định đình chiến Tùng Hỗ được ký kết giữa đôi bên, Trung Hoa phải chấp nhận nhiều điều kiện thiệt thòi. Tổn thất rất lớn, 1.97 vạn căn nhà bị phá hủy, số thương vong không thể đếm xiết

[25] . Bẩm thọ: Được nhận lãnh, được tiêm nhiễm từ khi chưa sanh ra

[26] . Ý nói: không thấy rõ ràng

[27] . Ý nói: Mẹ con có mối giao cảm tự nhiên. Như khi con đau hay gặp tai nạn, lòng mẹ sẽ khoắc khoải, lo âu.

[28] . Gia tư cự vạn: Tài sản hết sức giàu có, như người Việt ta thường nói là *"tiền muôn bạc vạn"*.

[29] . Thanh Lương Sơn Chí: Sách ghi chép về sự tích núi Ngũ Đài. Do núi Ngũ Đài băng đọng ngàn năm, mùa Hạ vẫn có thể có tuyết rơi, không bao giờ nóng nực, nên được gọi là Thanh Lương Sơn.

[30] . Chiêu Đề (catur-diśa): Còn được phiên là Chiêu Đấu Đề Xá, dịch nghĩa là Tứ Phương, hoặc Tứ Phương Tăng, Tứ Phương Tăng Phòng, có nghĩa là chúng tăng từ bốn phương đều có thể nghỉ lại nhà khách của chùa. Về sau, chữ này dùng để chỉ tài sản chung của Tăng chúng, mọi người đều có quyền sử dụng.

[31] . Lý Học là học thuyết giải thích Nho giáo theo quan điểm của Trình Di và Chu Hy. Học thuyết này cho Lý là nguyên khởi của vũ trụ (do nhìn từ góc độ khác nhau mà có danh xưng khác nhau như Trời, Thượng Đế, Đạo v.v…), Lý là bản tánh trời sanh của từng cá nhân. Do lòng ham muốn riêng tư mà con người quên mất Lý này. Vì thế, phải trừ khử dục vọng, trở về với Lý gọi đó là *"thiên nhân hợp nhất"* (trời - người hợp nhất). Lý biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình thì gọi là Khí. Như vậy, Lý của họ chỉ là vay mượn khái niệm Phật Tánh, Như Lai Tánh, Pháp Thân của Phật giáo mà

thôi! Hoặc nói cách khác, Lý - Khí của họ chỉ là cách gọi tên khác của chữ Thể và Dụng trong Phật giáo.

[32] . Trong Lý Học, *"lương năng"* là thuật ngữ chỉ tác dụng và biểu hiện của Khí.

[33] . Nguyên văn là *"tập dịch thành cừu"* (góp những miếng da ở dưới nách con cáo may thành áo cừu).

[34] . Hồng Dương: Loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Tài và Dương Tú Thanh lãnh đạo, nên còn gọi là loạn Hồng Dương.

[35] . Nguyên văn *"Càn vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu"*.

[36] . Thiên chân có nghĩa là chân lý tự nhiên sẵn có không cần phải tạo tác. Sách Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, quyển 1, giảng: *"Lý không phải tạo tác thì gọi là thiên chân*". Như vậy, "thiên chân Phật" chính là Phật sẵn có trong chân tâm, tức Pháp Thân.

[37] . Tông yếu: Điều quan trọng mấu chốt trong giáo pháp của các tông. Sách Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa quyển 1 giảng: *"Tông yếu nghĩa là trọng yếu, tức là nhân quả của chính đức Phật đã hành thì gọi là Tông. Thế nào là Yếu? Vô lượng các điều thiện, hễ nói Nhân thì đều bao gồm hết. Vô lượng sự chứng đắc, hễ nói là Quả thì đều bao gồm hết. Như giở cái lưới lên, không mắt lưới nào chẳng động. Nắm một góc áo, không sợi vải nào chẳng dính theo, nên gọi là Tông Yếu"*.

[38] . Năng: Đối tượng chủ thể, Sở: đối tượng thụ động. Chẳng hạn, chúng ta đọc sách thì nhãn thức và ý thức là Năng, cuốn sách được đọc là Sở. Tịch và Chiếu là hai mặt của chân tâm, chân tâm thường hằng bất biến, không bị ngoại duyên nhiễm ô, không bị mất đi dù chúng sanh luân hồi bao nhiêu kiếp nên gọi là Tịch (vắng lặng). Công dụng chiếu soi (tức nhận hiểu sự vật vạn pháp) của Tâm được gọi là Chiếu.

[39] . Theo Duy Thức Học, tác dụng của sáu thức dưới ảnh hưởng của mê hoặc, vô minh thì gọi là Tình, hoặc đôi khi còn gọi là Tình Thức hoặc Tình Tưởng. Chữ này thường được dùng để chỉ mọi ý niệm phân biệt, chấp trước đối với sự nhận thức của sáu căn

[40] . Đốn siêu địa vị: Vượt nhanh qua các địa vị, không cần phải tu chứng từ từ theo từng bậc. Như ngài Quán Thế Âm nghe đức Thế Tịnh Quang Vương Phật nói chú Đại Bi bèn vượt thẳng từ Sơ Địa lên Thập Địa thì gọi là đốn siêu địa vị.

[41] . Phần Đoạn Sanh Tử (còn gọi là Phần Đoạn Tử, hoặc Hữu Vi Sanh Tử) là sanh tử trong tam giới. Gọi là "phần đoạn" (có giai đoạn, có thời gian) vì do

quả báo sai khác mà có hình dáng, thọ lượng nhất định. Như vậy “xuất ly phần đoạn sanh tử” có nghĩa là thoát khỏi tam giới.

[42] . Ngũ Tổ là tên núi, đồng thời là tên chùa. Sư Giới thiền sư, người thời Tống, thuộc tông Vân Môn, nối pháp của ngài Song Tuyền Sư Khoan, trụ trì chùa Ngũ Tổ núi Ngũ Tổ tại Tô Châu, nên thường gọi là Ngũ Tổ Giới, chấn hưng tông phong mạnh mẽ. Theo Tây Quy Trực Chỉ, quyển ba:*“Thanh Thảo Đường thiền sư khá có giới hạnh, tuổi ngoài chín mươi, thường được nhà họ Tăng cúng dường hậu hĩ, bèn hứa thác sanh vào nhà ấy làm con. Sau họ Tăng sinh được một người con, cho người đến tìm Thảo Đường thì sư đã tọa hóa”*. Theo Viên Anh pháp sư, Thảo Đường Thanh là người đời Tống, là bậc tông tượng trong nhà Thiền, tuổi già, thấy vị tể tướng đã cáo lão hồi hương hết sức vinh diệu, chợt khởi tâm niệm hâm mộ, bèn thác sanh vào nhà ấy. Về sau, trở thành tể tướng Tăng Lỗ Công. Do một tâm niệm tham luyến mà công hạnh tu Thiền cả đời bị vứt bỏ!

[43] . Gọi là bực thượng vì thân sau còn chưa lâm vào hoàn cảnh tệ hại lắm. Trong Ấn Quang Văn Sao, có thuật chuyện vị Tăng ở núi Nhạn Đãng thân sau trở thành Tần Cối, vị Tăng trở thành con gái ông Châu Phòng Ngự. Có nhiều trường hợp còn đọa vào ác đạo nữa!

[44] . Tăng thượng mạn (abhimāna): Đối với giáo lý hoặc cảnh giới, địa vị tu hành chưa hề có chứng ngộ mà đã khởi tâm kiêu hãnh, ngạo nghễ. Do coi mình cao hơn người khác nên gọi là tăng thượng, tự đề cao mình quá phận nên gọi là tăng thượng.

[45] . Điện Thí là vào cung vua dự thi dưới sự chứng kiến của vua. Theo thể lệ thời Minh – Thanh, thi cử gồm ba giai đoạn: Hương Thí, Hội Thí, và Điện Thí. Do thi trong cung vua (thường là điện Thái Hòa) nên gọi là Điện Thí (hoặc Đình Thí), người Việt thường gọi là thi Đình. Trong khoa thi này, người đậu đầu gọi là Trạng Nguyên, người thứ hai gọi là Bảng Nhãn, người thứ ba là Thám Hoa. Ông Trương không dự vào ba hạng này, chỉ đỗ Tiến Sĩ, được vua xướng danh các tiến sĩ tân khoa nên Tổ nói ông đậu Truyền Lô. Truyền Lô gọi đủ là *“kim điện truyền lô”* (xướng danh trong điện vàng), tức là hai ngày sau khi yết bảng ghi danh các sĩ tử thi đậu, các vị tân khoa tiến sĩ sẽ được triệu tập vào điện Thái Hòa, được nội quan xướng danh đến trước mặt vua lạy tạ và được vua ban thưởng ngự tửu, đãi yến.

[46] . Hồi tộc là sắc dân thiểu số của Trung Hoa, sống chủ yếu tại các tỉnh Thanh Hải, Cam Túc, Hà Nam, Hà Bắc. Thật ra họ gồm nhiều sắc dân khác biệt có nguồn gốc từ Trung Á, Tây Á, chủ yếu là gốc Ả Rập, di cư đến

Trung Hoa. Do họ theo đạo Hồi nên người Hán thường gọi chung họ là Hồi tộc, hoặc Hồi Hồi.

[47]. Theo sách Quần Ngọc Chú, Tỉnh Lang đến vãn cảnh chùa Nam Huệ Lâm, nằm chơi, chợt ngủ thiếp đi, thấy hồn mình đến được Bồng Lai. Nơi đó có một vị Tăng đang tụng kinh, trước mặt có một nén nhang đang cháy. Hỏi đến nguyên do, vị Tăng cho biết cây nhang ấy do một người đàn-việt thắp lên để khấn nguyện, cầu phúc, nhang chưa cháy hết mà người thắp nhang đã chuyển kiếp ba lần. Lần thứ nhất làm Đường Huyền Tông, lần thứ hai làm Đường Hiến Tông, lần thứ ba chính là Tỉnh Lang. Do đó, về sau từ ngữ "*tam sinh hương hỏa"* thường dùng để chỉ lời nguyền có hiệu lực đến ba đời.

[48]. "Đoạn trường": Ý nói vô cùng đau xót, như đứt từng khúc ruột. Theo điển tích cổ, vua Sở đi săn thấy bắn chết vượn con, vượn mẹ trông thấy ôm con kêu khóc rồi chết, mổ bụng ra xem thấy ruột nó đứt thành từng khúc. Do đó cổ văn thường dùng chữ "đoạn trường" để diễn tả nỗi đau xót.

[49]. Đã viên mãn mười Tín tâm thì gọi là Thập Tín hậu tâm, tức là đã chuẩn bị tiến vào địa vị Sơ Trụ.

[50]. Hương kính: Tiền cúng dường khi cầu quy y thọ giới. Gọi là "hương kính" với ngụ ý cúng cho vị thầy chút tiền để thầy có tiền mua nhang đèn cúng Phật.

[51]. Đường - Ngu là thời Nghiêu - Thuấn. Vua Nghiêu họ là Y (hay Y Kỳ), tên là Phóng Huân, xưng hiệu là Đào Đường Thị, sử thường gọi tắt Đường Nghiêu. Vua Thuấn họ Ngu, tên Trọng Hoa, xưng hiệu là Ngu Thị, sử gọi là Ngu Thuấn. Đây là thời thạnh trị Tam Hoàng Ngũ Đế theo truyền thuyết Trung Hoa.

[52]. Tam Đại là ba đời vua thánh theo truyền thuyết Trung Hoa: vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Đại Vũ.

[53]. Thập Cửu Lộ Quân là một cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, tương đương với cấp quân đoàn. Tiền thân mang tên Việt Quân Đệ Nhất Sư (sư đoàn thứ nhất của tỉnh Quảng Đông), năm 1926 đổi tên là Quốc Dân Cách Mạng Quân Đệ Tứ Quân (quân đoàn thứ tư của quân đội cách mạng Trung Hoa Dân Quốc). Khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc tiến hành Bắc Phạt (dẹp tan các tướng lãnh quân phiệt xưng hùng ở miền Bắc Trung Hoa), Đệ Tứ Quân lập rất nhiều chiến tích. Năm 1930, do quân số ngày càng lớn mạnh, nhất là sư đoàn thứ mười một của Đệ Tứ Quân đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đánh thắng được Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn nên đã

được đổi tên thành Thập Cửu Lộ Quân, do đích thân Tưởng Giới Thạch chỉ huy.

[54] . Khắc kỷ: Nghiêm khắc với bản thân, không cho phép bản thân mình dễ dãi với bất cứ tập quán ươn hèn, sai trái nào.

[55] . Nguyên văn: *"Tứ Xuyên hương quý tiện?"* Câu này có thể hiểu hai nghĩa: "Ngài Đạo Hương ở Tứ Xuyên được quý trọng hay bị coi thường?" Nghĩa thứ hai là "nhang ở Tứ Xuyên mắc hay rẻ?" Người nghe hiểu theo nghĩa thứ hai nên nói "rất rẻ".

[56] . Câu này bị gạt bỏ trong ấn bản của Đài Nam Tịnh Tông Học Hội , nhưng theo ngu ý, nó rất quan trọng nên chúng tôi mạo muội giữ lại

[57] . Đoạn này không thấy có trong ấn bản của Đài Nam Tịnh Tông Học Hội, chúng tôi vẫn giữ nguyên vì thấy những điều Tổ khai thị trong đoạn này rất quan trọng.

[58] . Nguyên văn là *"kiến đắc tư nghĩa"*. Chúng tôi dịch theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải. Khổng Tử còn nói thêm: "Q*uân tử ái tài, thủ chi hữu đạo"* (quân tử [tuy] chuộng của cải, nhưng lấy [của cải phải] đúng với đạo nghĩa).

[59] . Trường nghĩa học: Trường miễn phí mở ra để dạy dỗ con cái người nghèo, hoặc côi cút.

[60] . Nguyên văn: *"tinh ư Kỳ Hoàng"*. Kỳ là Kỳ Bá, Hoàng là Hoàng Đế. Kỳ Bá là một y sư trứ danh theo truyền thuyết, ông rất tinh thông y thuật nên được Hoàng Đế thờ làm thầy. Hoàng Đế chính là một trong ba vị thánh đế vương thời cổ (Tam Hoàng là Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế). Hoàng Đế cũng tinh thông y thuật. Thần Nông được coi là tổ nghề thuốc, còn Kỳ Bá được coi là tổ nghề y. Tác phẩm căn bản của y học cổ truyền Trung Hoa là bộ Hoàng Đế Nội Kinh ghi chép những đối đáp về y lý giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá. Ngoài ra, theo thư tịch cổ Trung Hoa, những lời dạy khác về y học của họ còn được chép trong những bộ sách nay đã thất truyền như Kỳ Bá Hoàng Đế Án Ma, Kỳ Bá Kinh, Kỳ Bá Cứu Kinh, Kỳ Bá Châm Kinh, Hoàng Đế Kỳ Bá Luận, Kỳ Bá Ngũ Tạng Luận v.v…

[61] . Ở Trung Hoa có hai chùa mang tên Linh Nham, một ở huyện Trường Thanh tỉnh Sơn Đông, còn một là ở tại Ngô Huyện, Tô Châu. Chùa Linh Nham nói ở đây gọi tên đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến

niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai (ngài Trúc Pháp Hộ dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ Tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tam-muội tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành viện học giới luật của Luật Tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085), chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi được trùng tu, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt trùng tu. Kể từ năm 1931 trở đi, tuy không làm trụ trì, nhưng dưới ảnh hưởng của tổ Ấn Quang, chùa trở thành đạo tràng Tịnh Độ nổi tiếng nhất cả Trung Hoa. Năm Dân Quốc 29 (1940), tổ Ấn Quang cũng thị tịch tại chùa này. Hiện chùa còn tháp thờ ngũ sắc xá-lợi của Tổ Ấn Quang và Ấn Công Kỷ Niệm Đường.

62 . Thái Bá và Trọng Ung là người con lớn của Thái Vương. Theo sách Hoài Nam Tử, vì muốn nhường ngôi cho cha của Văn Vương là Quý Lịch, hai người này liền giả vờ đi hái thuốc rồi trốn xuống miền Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Nước Ngô bị Câu Tiễn nước Việt thôn tính và diệt vong dưới thời Phù Sai.

63 . Sau khi Câu Tiễn bị Phù Sai đánh bại nhằm trả thù mối nhục giết cha là Hạp Lư, theo mưu kế của Phạm Lãi, Câu Tiễn đã dâng mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai. Phù Sai bèn xây cung Quán Oa cho nàng Tây Thi ở. Cô Tô Đài cũng thuộc quần thể cung điện này. Khi Câu Tiễn phục quốc, đánh bại Phù Sai, diệt nước Ngô đã cho phóng hỏa đốt trụi cung Quán Oa. Chùa Linh Nham được xây ngay trên nền cũ cung Quán Oa.

64 . Tư Không là một chức quan được lập ra từ thời Tây Châu, là một trong ngũ quan (Tư Mã, Tư Khấu, Tư Sĩ, Tư Đồ). Chức quan này chuyên trông nom về việc thủy lợi, xây dựng. Từ sau thời Hán trở đi, chức quan này không còn tồn tại, mà được thay thế bằng danh từ Công bộ thượng thư.

65 . Trí Tích Bồ Tát nói ở đây là một vị cao tăng Ấn Độ. Theo Linh Nham Ký Lược, Sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa vào cuối đời Tấn, trùng hưng chùa Linh Nham tại Tô Châu, rất nổi tiếng về tài đức. Theo truyền thuyết có một bà lão nghèo không có gì cúng dường, đem một miếng sơn dâng cho Sư, Sư vẫn vui vẻ nhận lấy, nhờ đó bà được khai ngộ. Do vậy, sau này vào ngày sinh nhật Sư, chùa vẫn cử hành lễ kỷ niệm, gọi là Giác Tất Hội. Cũng theo truyện ký của chùa, đại sư nhiều lần thị hiện hóa độ Tăng - Tục rất đông.

[66] . Hành cung: Cung điện dành cho vua ở tại các địa phương.

[67] . Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm mười chín tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu Thiền. Sau Sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, Sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp Ban Châu Niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), Sư đến mở Hoa Nghiêm Đại Học tại Hàng Châu. Về sau, Sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu Tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v… lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm Trụ Trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v…

[68] . Tức là không làm các pháp sự cầu an, cầu siêu, giải hạn, đảo bệnh, cầu phước, cúng sao, chúc thọ v.v… như các đạo tràng khác.
[69] . Nguyên văn *"chỉ luận thứ số, bất luận đại số"*: Quan tâm đến thứ tự (tức tuổi tác, mức độ tu chứng, trì giới), chứ không quan tâm đến thế hệ truyền thừa. Tức là Tăng chúng trong chùa được xếp bậc theo người tu hành lâu năm, giới hạnh tinh nghiêm, chứ không vì người ấy thuộc thế hệ trước hay sau mà coi trọng. Trong các đạo tràng khác, thứ tự truyền thừa rất được coi trọng. Chẳng hạn, một vị Tăng có thể mới xuất gia chưa lâu nhưng vì là đệ tử của một vị ngang vai với thầy của vị Trụ trì hay người thuộc thế hệ cao hơn, nên được coi là sư thúc, sư bá, thái sư thúc. Các vị Tăng khác dù cao tuổi hơn, giới lạp cao hơn nhưng thuộc vai vế thấp hơn, vẫn phải lễ kính vị Tăng trẻ tuổi này.
[70] . Nguyên văn là Tô Thản. Người Hoa khi xưa thường gọi thủ phủ của một địa phương là Thản. Tô Thản là thủ phủ của đất Tô Châu, tức thành Tô Châu.
[71] . Pháp yếu: Những chỗ quan trọng, cốt lõi của một pháp môn.
[72] . Sử: Tên gọi khác của phiền não, gọi đầy đủ là Chánh Sử. Do phiền não sai khiến chúng ta luân hồi trong sanh tử nên phiền não được gọi là Sử (sai khiến). Chúng còn được gọi bằng một danh từ khác là Tùy Miên. Sử nói chung gồm mười thứ, Thân Kiến, Biên Chấp Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến,

Giới Cấm Thủ Kiến do tánh chất của nó khá mạnh mẽ, ảnh hưởng rất lớn đến sự chấp trước, vọng tưởng nên gọi là Ngũ Lợi Sử (năm Sử nhạy bén). Còn tham, sân, si, mạn, nghi xét về tánh chất, tác dụng yếu hơn nên gọi là Ngũ Độn Sử (năm Sử chậm lụt).

[73] . Ngũ Bất Hoàn Thiên, còn gọi là Tịnh Cư Thiên (Śuddhāvāsa), Ngũ Tịnh Cư Xứ, Ngũ Na Hàm Thiên, là nơi bậc thánh nhân Tam Quả Thanh Văn sống, bao gồm các cõi trời:

1. Vô Phiền Thiên (Avrha): cõi trời này không còn khổ vui, không còn hết thảy phiền não xen tạp.

2. Vô Nhiệt Thiên (Atapa): không còn hết thảy nhiệt não.

3. Thiện Kiến Thiên (Sudrśa): Do định huệ thấy mười phương đều trong lặng, không còn đắm trước vào trần cảnh.

4. Thiện Hiện Thiên (Sudarśana): sự thấy biết rõ ràng tinh diệu hiện tiền, thấy hết thảy sắc tướng là không, chẳng bị chướng ngại.

5. Sắc Cứu Cánh Thiên (Akanistha): Lìa bỏ hết thảy các sắc cực kỳ nhỏ nhiệm, là chỗ thù thắng nhất trong Sắc Giới.

Tuy cùng sống trong các tầng trời này, chư Thiên chẳng thấy được các vị thánh nhân. Do các vị thánh nhân sống trong cõi này không còn đọa xuống nhân gian nữa nên gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên

[74] . Vô Học (Aśaiksa). Bậc thánh nhân tuy đã hiểu rõ chân lý Phật giáo, nhưng chưa đoạn được mê hoặc, còn phải học hỏi thì gọi là Hữu Học. Bậc Vô Học thánh nhân đã thấu hiểu Phật pháp đến chỗ cùng cực, không còn mê hoặc để đoạn nữa, không cần phải học cách đoạn trừ mê hoặc, nên gọi là Vô Học. Như vậy, Vô Học thánh nhân là danh xưng khác của A La Hán.

[75] . Thô tế: Những phiền não dễ thấy dễ nhận biết như nóng giận, tham lam thì gọi là Thô, còn những phiền não khó nhận biết thì gọi là Tế.

[76] . Giác chiếu: quán sát cái tâm, khi vọng niệm khởi lên liền nhận biết ngay và tìm cách chế ngự, khuất phục nó.

[77] . Thoại đầu: là một câu nói do các thiền sư dạy thiền sinh tham cứu hòng ngộ được chân tâm. Chẳng hạn như câu thoại đầu *"thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay?"*

[78] . Ngũ Trụ: Còn gọi là Ngũ Trụ Địa Hoặc, tức Kiến Hoặc, Tư Hoặc, Vô Minh Phiền Hoặc gộp thành một trụ, bốn trụ kia là Dục Ái Trụ Địa, Sắc Ái Trụ Địa, Hữu Ái Trụ Địa, Vô Minh Trụ Địa. Do hết thảy phiền não đều nương vào năm thứ này nên chúng được gọi là Trụ (nương ở, nắm giữ). Do chúng phát sanh ra các phiền não nên gọi là Trụ Địa. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 5, giảng:

1. Kiến Nhất Thiết Xứ Trụ Địa: chính là Kiến Hoặc gồm Thân Kiến v.v… trong tam giới.

2. Dục Ái Trụ Địa: gồm phiền não trong Dục Giới, ngoại trừ vô minh và Kiến Hoặc, chấp vào Ngũ Dục bên ngoài (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp).

3. Sắc Ái Trụ Địa: phiền não trong Sắc Giới, không tính Kiến Hoặc, Vô Minh, không chấp vào Ngũ Dục bên ngoài, nhưng chấp vào sắc thân.

4. Hữu Ái Trụ Địa: phiền não trong Vô Sắc Giới, không gồm Kiến, Vô Minh, đã bỏ lìa chấp trước tham Sắc, nhưng vẫn còn yêu mến cái thân của chính mình.

5. Vô Minh Trụ Địa: tức hết thảy vô minh trong tam giới. Vô minh là cái tâm si ám, là cội gốc của hết thảy phiền não.

Duy Thức Tông chủ trương bốn món Trụ đầu là chủng tử của Phiền Não Chướng, món cuối là chủng tử của Sở Tri Chướng. Tông Thiên Thai gọi món đầu tiên là Kiến Hoặc, ba món giữa là Tư Hoặc, món cuối là Vô Minh Hoặc. Họ gọi chung Kiến Tư Hoặc là Giới Nội Hoặc (phiền hoặc trong tam giới), còn Vô Minh Hoặc là Giới Ngoại Hoặc.

[79] . Hòa thượng (upâdhyâya): còn được phiên âm là Hòa Xà, Hòa Xã, Cốt Xã, Ô Xã, dịch nghĩa là Thân Giáo Sư, Lực Sanh, Cận Tụng, Y Học, Đại Chúng Sư. Những từ ngữ này đều hàm nghĩa là vị thầy dạy thân thiết, có công năng tăng trưởng huệ mạng Pháp Thân cho đồ đệ, là bậc đức cao giới hạnh tinh nghiêm đáng làm bậc thầy gương mẫu cho mọi người. Theo Tứ Phần Luật, Hòa Thượng phải là một vị tỳ-kheo hội tụ đủ năm đức: Giữ vững tịnh giới, đủ mười tuổi hạ, thông hiểu tạng Luật, thông đạt Thiền tư, có trí

huệ sâu xa. Theo các nhà nghiên cứu, từ ngữ upâdhyâya, bị biến âm sang tiếng Kuche (Cưu Ty, hoặc Quy Tư) là pwâjjhaw. Từ ngữ này lại bị biến âm lần nữa qua cách đọc của người Khotan (Vu Điền) thành Khosha, rồi lại bị người Hán đọc trại âm một lần nữa thành Hòa Thượng (He shang). Về sau, chữ Hòa Thượng được dùng như danh xưng tỏ vẻ tôn trọng với Tăng sĩ.

[80] . Tam Đàn Đại Giới: Quy củ truyền thọ giới pháp, chia làm ba giai đoạn: sơ đàn, nhị đàn và tam đàn. Sơ đàn truyền Sa Di, Sa Di Ni giới, nhị đàn truyền Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni giới, tam đàn truyền Bồ Tát giới. Khi Sơ Đàn và Nhị Đàn đã xong, Phật tử tại gia mới được dự Tam Đàn cùng với chúng xuất gia thọ Bồ Tát Giới. Truyyền Tam Đàn Đại Giới phải hội đủ Tam Sư (Đắc Giới Hòa Thượng, Yết Ma A Xà Lê, Giáo Thọ) và bảy vị tôn chứng A Xà Lê đóng vai trò chứng minh. Thông thường đàn truyền giới được cử hành trong ba ngày liên tiếp

[81] . Phương trượng là cái thất vuông vức mỗi bề vừa đúng một trượng, là chỗ ở của vị trụ trì trong Thiền Tông. Còn gọi là U Trượng, Chánh Đường, Đường Đầu. Chữ "tùng lâm" chỉ chùa miếu nơi Tăng chúng tụ tập cùng ở, thường dùng để chỉ chùa Thiền Tông. Thoạt đầu, tại Ấn Độ, trong những khu rừng cây thanh tịnh ở ngoài thành thị thường lập tinh xá cho Tăng chúng ở. Danh từ Tùng Lâm (rừng rậm) phát xuất từ đó. Sách Đại Trí Độ Luận lại giảng là vì Tăng chúng tụ tập như rừng nên gọi là Tùng Lâm. Về sau, chữ "tùng lâm" dùng để chung các chùa miếu lớn, còn tùng lâm của Thiền Tông thường gọi là Thiền Lâm.

[82] . Phật sống (hoạt Phật): Tiếng Tây Tạng là hpbrulsku, người Mông Cổ gọi là Khutuktu hay khutukutu (thường phiên âm là Hô Đồ Khắc Đồ, nghĩa là tự tại chuyển sanh). Chữ hpbrulsku (thường được viết theo cách phát âm là tulku) có nghĩa là hóa thân, chuyển sanh, là một cơ cấu truyền thừa riêng của Phật Giáo Tây tạng, nhằm giữ vững ngôi vị lãnh đạo và thích ứng với tình trạng độc thân của người đứng đầu một dòng tu. Theo đó, một vị lạt-ma cao cấp chết đi, sẽ tái sanh trở lại trong nhân gian hầu tiếp tục tu hành, thống lãnh dòng tu và thực hiện bi nguyện cứu độ chúng sanh. Trước khi chết, người ấy thường để lại di ngôn hay sấm ngữ bí hiểm để các môn đệ đi tìm xem người ấy thác sanh vào chỗ nào, rước về nuôi dạy, đào tạo trở thành

người lãnh đạo tông phái. Những vị Tăng chưởng quản một phái tu, một dòng tu, thậm chí một tu viện Tây Tạng thường tự xưng là hóa thân của Phật, Bồ Tát hay Tổ Sư nào đó, chẳng hạn Đại Lai Lạt Ma là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, Ban Thiền Lạt Ma là hóa thân của A Di Đà Phật, trưởng dòng tu Sakyapa là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát. Có lẽ vì thế người Tàu gọi họ bằng danh xưng Hoạt Phật.

[83] . Vào thời vua Càn Long, trong năm 1807, khi các phe phái tranh chấp nhau về chuyện quyết định đứa bé nào mới là hậu thân của Đại Lai Lạt Ma đời thứ tám thật sự, vua Càn Long đã gởi đến Lhasa một chiếc bình vàng, ra lệnh bỏ hai lá thăm ghi tên từng đứa bé vào, rồi bốc thăm quyết định. Khi có những tranh chấp về hậu thân của một vị tulku, cũng thường có chuyện bốc thăm để quyết định như vậy.

[84] . Tông: Tông ở đây là ý nghĩa chủ yếu của một bộ kinh, hay chủ trương, giáo nghĩa chánh yếu được xiển dương bởi một bộ kinh. Hiểu theo nghĩa rộng, tông là giáo nghĩa căn bản, chủ đạo của một pháp môn. Theo Thiên Thai Tông, Tông chính là nội dung nhất quán của một bộ kinh hay một pháp môn.

[85] . Do chữ Nam Mô 南無 nếu đọc theo giọng Quan Thoại thông thường sẽ thành Nán-wú nên ở đây Tổ ghi âm bằng chữ Nạp-mạc納 莫 (âm Quan Thoại là Nà-mó) để chỉ cách đọc mô phỏng âm Namo trong tiếng Phạn.

[86] . Khóa trình: Thời gian tu tập nhất định trong một ngày, thường dùng để chỉ một thời tụng kinh, niệm Phật hay tọa thiền.

[87] . Đồng nhân: Những người có cùng căn cơ với ta.

[88] . Đây là một quan điểm mê tín của người dân Trung Hoa thời xưa. Họ tin rằng khi sanh làm người, ai nấy đều bị thiếu nợ một khoản tiền dưới âm phủ, nếu không đốt tiền giấy van vái trả nợ dần dần sẽ bị tổn phước giảm thọ, gặp nhiều tai nạn, ác mộng, ba hồn bảy phách bị suy bại nên chết yểu. Khoản tiền giấy vàng bạc đốt để trả nợ gọi là Hoàn Thọ Sanh (quan điểm này được đề cao qua ngụy kinh Thọ Sanh). “Gởi kho” là đốt tiền giấy, vàng bạc để tích trữ sẵn dưới âm ty như một hình thức gởi tiền tiết kiệm để dùng sau khi chết.

[89] . Thọ Sanh Kinh là một kinh do Đạo giáo ngụy tạo. Nội dung kinh nói năm Trinh Quán thứ 13 đời Đường, ngài Huyền Trang duyệt Đại Tạng Kinh, thấy nói rõ mỗi người khi được đầu thai làm người đều thiếu một khoản nợ lớn tại âm phủ, vị quan chủ mạng của âm phủ sẽ truy tìm người ấy trong nhân gian để đòi nợ. Người nào không chịu trả khoản nợ ấy bằng cách đốt tiền giấy, vàng mã trả nợ cho âm phủ, đêm ngủ sẽ gặp nhiều ác mộng, ba hồn

bảy phách vất vưởng, suy bại, sẽ bị mười tám thứ tai ương như đi đường bị trộm cắp, sanh nở khó khăn, chết bất đắc kỳ tử, bị trúng phong mà chết, bị chết vì dịch tật, tai nạn xe cộ, bị vu cáo, bắt bớ, giam cầm, tàn tật v.v… Nếu người nào siêng năng trả tiền nợ thọ sanh sẽ được đủ mọi sung sướng, không tai dịch, không bị sao xấu chiếu, ba đời giàu sang, không bao giờ bị nghèo khổ, khẩu thiệt v.v…

Kinh Huyết Bồn (tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Đại Tạng Chánh Giáo Huyết Bồn Kinh) nói ngài Mục Kiền Liên đến huyện Truy Dương ở Vũ Châu thấy một địa ngục có hình dáng một cái chậu máu lớn rộng đến tám vạn bốn ngàn do-tuần, đủ mọi khí cụ hành hình. Trong ngục có nhiều nữ nhân tóc tai rũ rượi, bị ngục tốt bắt uống máu mỗi ngày ba lần. Nếu không chịu uống sẽ bị quỷ sứ dùng gậy sắt đánh đập tàn nhẫn. Hỏi đến nguyên cớ, quỷ sứ đáp: "Do người nữ lúc sanh nở hoặc khi có kinh, máu dơ thấm đất, xúc phạm thần đất. Hoặc tắm gội khiến nước sông, nước suối bị nhiễm máu dơ. Người khác không biết dùng nước ấy đem nấu trà cúng thánh hiền, Thiên đại tướng quân bèn ghi tội kẻ ấy. Sau khi chết bèn đọa ngục này. Muốn cứu giúp vong linh của mẹ thì phải tụng kinh này ba năm, lập Huyết Bồn thắng hội, thỉnh Tăng chúng tụng kinh này, hồn mẹ sẽ được giải thoát!"

Kinh Thái Dương (tên gọi đầy đủ là Thái Dương Tinh Quân Bảo Cáo), có nội dung tán tụng thần mặt trời, xin trích một đoạn như: *"Đỗng dương chí thánh, viêm minh thượng chân, chủ Nam cực chi dương khuyết, chưởng nhân thân chi hồn phách, quang huy thạnh đại, hành vi vạn tượng chi tôn đức cao minh, chủ thế chiếu chúng sanh chi mạng, chiếu hồi thiên địa thần quang trú dạ tuần hành, khu nữu âm dương, viêm phách oai thí hách liệt, phàm mông quang chiếu, thật lại sanh thành, đại bi, đại nguyện, đại thánh đại từ Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Thiên Tôn"* (tạm dịch: Đức Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Thiên Tôn đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ, là bậc chí thánh, dương khí thông suốt, là bậc chân thật tột bậc về mặt nóng sáng, làm chủ cửa Dương nơi mặt cực Nam, nắm giữ hồn phách của con người, rực rỡ vô cùng, có đức cao vời hơn mọi vật, chủ trì việc chiếu soi sanh mạng của chúng sanh, ngày đêm đi tuần hành chiếu soi trời đất, duy trì âm dương. Ngài có bản chất ấm nóng, oai dũng ban bố sự chói ngời, phàm những gì được chiếu soi đều nhờ Ngài mà sanh thành). Tiếp đó là bài kệ thần Thái Dương tự khoe công đức: *"Trên trời không ta không ngày đêm, dưới đất không ta chẳng tăng trưởng, thần nào cũng có người tôn kính, chẳng ai kính ta thần Thái Dương! Mười chín tháng Giêng Thái Dương sanh. Nhà nhà niệm Phật thắp đèn hồng, ai truyền được*

kinh Thái Dương này, cả nhà già trẻ không bị sao hạn. Ai không truyền tụng kinh Thái Dương, địa ngục cửa mở ngay trước mắt....”

Kinh Thái Âm có tên gọi đầy đủ là Thái Âm Tinh Quân Thánh Kinh, câu cú lủng củng, lộn xộn, có toàn văn như sau: *“Thái Âm Bồ Tát đi về phương Đông, mười tầng địa ngục chín tầng mở, mười vạn tám ngàn chư Bồ Tát, chư Phật, Bồ Tát xếp hàng hai bên, chư tôn Phật kính trọng, đất không mây, hoa sen vọt khỏi mặt nước nở đầy đất, đầu đội tháp châu báu bảy tầng, Sa Bà thế giới nhãn quang minh, một Phật báo trọn ân thiên địa, hai Phật báo đáp ân phụ mẫu, cha mẹ còn sống tăng phước thọ, cha mẹ đã mất sớm siêu thăng. Nam-ma Phật, nam-ma Pháp, nam-ma A Di Đà Phật, thiên la thần, địa la thần, người lìa nạn, nạn lìa thân, hết thảy tai ương hóa thành bụi. Có ai niệm được bảy biến kinh Thái Âm, sống chết chẳng đến cửa địa ngục”.*

Kinh Nhãn Quang rất ngắn, chỉ gồm mấy câu như sau: *“Phật nói kinh Nhãn Quang, mắt sáng là đèn tâm, hai bên tháp xá-lợi, hằng sa hậu thế Đại Tạng kinh. Ngàn mắt ngàn tay tỏ rõ trong đời. Đại Trí Bồ Tát phóng hào quang, Văn Thù Bồ Tát cưỡi sư tử, Phổ Hiền cưỡi voi chúa. La Hán đầy khắp hư không đại địa, sương mù che phủ mắt bị quét sạch ngay!”*

Nội dung kinh Táo Vương (dân gian thường gọi là kinh Ông Táo) như sau: Kinh này do chính đức Phật nói ra ở Ấn Độ, được các vị Tam Tạng pháp sư truyền qua Trung Hoa, ông Táo có danh xưng là Đông Trù Tư Mạng, theo dõi hành vi của mọi người trong gia đình, ngày Ba Mươi mỗi tháng tấu lên thiên đình, tùy theo hành vi thiện ác, trời sẽ giáng phước hay ban họa. Sinh nhật của ông Táo là ngày mồng Ba tháng Tám, gia chủ phải thắp hương, đốt đèn cúng tế mới được phước thọ, tụng niệm kinh này thì học trò sẽ đỗ đạt, người buôn bán hưng vượng v.v… Cầu đảo ông Táo chí thành sẽ thọ đến chín mươi tuổi. Kinh cũng khuyên phải giữ bếp cho sạch sẽ, không được khua khoắng nồi xoong trong bếp, không được cởi trần trước bếp, không được khạc nhổ, không được mắng chửi trong bếp, không đem dép dính phân súc vật vào bếp, không đem vỏ tỏi, lông xương gà vịt vào bếp v.v…

Thai Cốt Kinh là kinh nói về sự hình thành con người trong thai mẹ, bắt chước thô thiển vụng về kinh Báo Ân nhà Phật. Xin trích một đoạn: *“Tháng thứ tư, thai tăng trưởng, tứ chi đã định, sanh chân trước, sau sanh tay, thu hạ xuân đông, sanh hai tay, khi sanh hai tay, rút rỉa huyết mạch của mẹ. Khi sanh hai chân, thấu đến huyệt Huyền Quan, mạch máu nhảy mạnh, [người mẹ] đi trên đất bằng như trèo núi cao, đầu gối đau nhức”...*

Kinh Diệu Sa rất ngắn, kinh văn lộn xộn, câu cú không hoàn chỉnh, nội dung như sau: *"Diệu Sa Quán Thế Âm ngồi thuyền qua biển cả, thuyền chở ngập sâu năm trăm* (không rõ năm trăm cái gì? Năm trăm tấc chăng?), *biển cả dậy sóng gió, thỉnh được kinh Diệu Sa. Phật, Phật, Phật, ba mươi sáu vạn ức Phật, hai mươi chín ngàn vô số Phật, năm trăm tạng hằng hà sa số Phật, tám vạn thông minh trí huệ Phật, niệm đức Đương Lai Di Lặc Phật, hết thảy các Phật trong Tinh Tú thiên cung, Phật nhiều như những hạt bụi nhỏ nhặt trên mặt đất, Phật nhiều như những hạt mưa li ti trong bảy ngày bảy đêm, Phật nhiều như số cát đọng hai bên bờ sông, Phật nhiều như số lá trong vườn thiên hạ, cành cành lá lá quang minh Phật, đức Phật Thế Tôn trong pháp hội Linh Sơn, ông bà cha mẹ bảy đời Phật, hết thảy Phật trong ba đời, có ai trì niệm kinh Diệu Sa, hiềm rằng trên cầu thấy phân minh! Bốn quyển Diệu Sa là một tạng, thiên hạ quỷ thần chẳng dám xâm phạm, Di Đà đồng tử cầm chuông vàng, lắc liền mấy tiếng địa ngục trống rỗng, Diêm La thiên tử được thành Phật, hết thảy chúng sanh lìa địa ngục"*. Chúng tôi không tìm được tài liệu về bản kinh Phân Châu.

[90] . Phá địa ngục, phá huyết hồ là những lễ lạc do tà sư Trung Hoa bày ra. Tăng chúng làm những mô hình địa ngục, hồ máu bằng giấy, tăng chúng đọc kinh, vẽ bùa, đốt bùa, chạy quanh đàn tràng, hô hoán điều động quỷ thần, dùng tích trượng đục thủng địa ngục, hồ máu, cho rằng làm như thế sẽ cứu được vong linh ra khỏi địa ngục.

[91] . Sức Chung Tân Lương là một tác phẩm do ông Lý Viên Tịnh soạn với nội dung hướng dẫn cách thức chuẩn bị cho thời khắc lâm chung và phương pháp trợ niệm nhằm đảm bảo người tu Tịnh nghiệp lúc lâm chung không bị phá hoại chánh niệm. Sách này chia làm bốn phần:

1. Sức Chung Chương Trình: người tu Tịnh Độ phải dặn dò gia đình, bạn bè cách xử trí như thế nào khi người ấy để lâm chung, cách thức trợ niệm, an táng sao cho người chết giữ được chánh niệm.

2. Sức Chung Ngôn Luận: Tập hợp những lời dạy về chuẩn bị lâm chung của các cổ đức.

3. Dự Tri Lợi Hại: những phân tích về lẽ lợi hại khi lâm chung như không nên khóc lóc, sát sanh, bày vẽ phô trương như buộc người chết ngồi xếp bằng, thay áo, tắm rửa trong khi người sắp chết còn đang thở hắt ra.

4. Sức Chung Thật Hiệu: Những bằng chứng vãng sanh do dự bị chu đáo cho phút lâm chung.

[92] . Chân Đễ: Tình thương yêu, hòa thuận đối với anh em.

[93] . Thị trấn Nam Tầm thuộc thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang.

[94] . Dị loại: Khác chủng loại. Do loài vật không thuộc loài người nên thường được gọi là Dị Loại.

[95] . Nguyên văn: *"Điểu, thú, ngư, miết hàm nhược"*. Trong bài tựa cho cuốn Vệ Sinh Tập, Tổ đã giải thích: *"Nhược là thuận. Hàm Nhược có nghĩa là đều được thuận theo thiên tánh, chẳng vướng mắc nỗi khổ bị sát hại"*. Ở đây, chúng tôi chỉ dịch tóm gọn là *"chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui"*.

[96] . Tử Sản (không rõ năm sinh – mất năm 522 trước Công nguyên), tên thật là Công Tôn Kiều, tự Tử Sản, hiệu là Tử Khương, sống vào thời Xuân Thu, người nước Trịnh. Ông chính là dòng dõi của Trịnh Mục Công, nổi tiếng thông minh từ nhỏ, rất giỏi về cai trị, làm chức Khanh đời Trịnh Giản Công, chấp chính suốt hai mươi ba năm, rất nhân từ. Ông tiến hành nhiều cải cách quan trọng, chỉnh đốn quyền tư hữu ruộng đất của quý tộc để nông dân có ruộng làm, định lại sắc thuế cho hợp lý hơn. Ông là người đầu tiên cho biên soạn hình luật và cho khắc tân luật lên một cái đỉnh to đặt trong cung vua để mọi người đều được biết luật. Ông chủ trương thuyết Nhân Bản, và cũng được coi là một trong những Nho Gia điển hình trước thời Khổng Tử. Không rõ chuyện nuôi cá của ông ta được trích từ điển tích nào.

[97] . Đời Xuân Thu, Tùy Hầu (vua nước Tùy) đi ra ngoài chơi thấy một con rắn bị người ta đánh gần chết, vứt trên vệ đường, động lòng thương xót, liền sai tùy tùng đem thuốc cứu rắn, rồi đem thả đi. Ít lâu sau, rắn từ sông ngoi lên, nhả tặng vua một viên minh châu để báo ân cứu mạng. Do vậy, viên ngọc ấy thường được gọi là Tùy Hầu Châu, hoặc Linh Xà Châu. Sách Sưu Thần Ký mô tả viên ngọc ấy như sau: *"Kích thước tròn trặn chừng một tấc, trắng muốt, ban đêm tỏa ánh sáng, có thể soi sáng cả gian phòng"*.

[98] . Có lần Dương Bảo vào Hoa Sơn thấy con chim sẻ bị thương rơi xuống đất, máu me bê bết, cảm thương ông liền đem về băng bó, chăm sóc, khi chim lành bèn thả đi. Chim tha đến bốn cái chén ngọc, lại nói: "Mong con cháu ông sẽ trắng trong, tinh thuần như bạch ngọc". Đêm ấy, ông mộng thấy một vị trời mặc áo vàng đến bảo: "Tôi là con chim sẻ vàng được ông cứu mạng. Tôi vốn là sứ giả của Tây Vương Mẫu, bị thương giữa đường. May được ông cứu giúp, nay được trở về Nam Hải nên đến đáp tạ". Về sau, con cháu ông đều nổi tiếng đức hạnh, hiển đạt.

[99] . Nhan Chân Khanh (707-784), tự Thanh Thần, thường được gọi là Lỗ Công (vì ông được phong chức Lỗ Quận Khai Quốc Công), là một thư pháp gia nổi tiếng thời Đường. Tuy cũng là thi nhân, thơ ông không nổi tiếng như các nhà thơ khác thời Thịnh Đường. Tài thư pháp của ông được người đương thời bình luận: *"Phóng khoáng nhưng không buông tuồng, dễ dãi nhưng không vụng về, đặt bút viết xuống là được ngay"*. Lối viết Khải Thư của ông được coi là mẫu mực cho mọi hành giả viết chữ Khải Thư về sau. Ông còn được coi là truyền nhân của Trương Húc về lối chữ Thảo.

[100] . Quan quả cô độc: Quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là mất cha mẹ, độc là không con cái.

[101] . Vợ chồng sống hạnh phúc đến già với nhau.